

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN GELEX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 92./2022/GELEX-CBTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX Mã chứng khoán: GEX
Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 39726245/6
Fax: 024 39726282
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Phương
Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245
Fax: 024 39726282
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GELEX) trân trọng công bố: Báo cáo thường niên năm 2021 của GELEX.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/04/2022 tại đường dẫn. <https://gelex.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2021

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)


Nguyễn Thị Phương

GELEX



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (“GELEX”), tôi xin gửi lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công tới các Quý Cổ đông!

Năm 2021, làn sóng dịch Covid-19 tiếp tục gây những ảnh hưởng lớn đến kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong bối cảnh đầy thách thức đó, GELEX đã có những quyết sách kịp thời và phù hợp để đạt mục tiêu “kép” vừa tuân thủ công tác phòng chống dịch Covid-19 vừa hoàn thành vượt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

Hành trình 2021

Năm 2021 là năm đặc biệt, ghi dấu bước chuyển mình của GELEX khi thực hiện thành công M&A Viglacera, hoàn thành tái cấu trúc hai sub-holding và vượt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận, tạo nền tảng bền vững cho tương lai, mở ra một thời kỳ mới cho các giai đoạn phát triển sắp tới của Tập đoàn.

- GELEX đã nâng tỷ lệ sở hữu lên mức chi phối tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP (“Viglacera”). Đây là bước đi lớn, quan trọng để GELEX tiến nhanh và vững chắc vào lĩnh vực phát triển khu công nghiệp nhiều tiềm năng.
- GELEX cũng đã hoàn thành nhiệm vụ tái cấu trúc sở hữu vốn tại hai công ty con, qua đó mô hình Tập đoàn đã được định hình rõ ràng và chuyên biệt hơn với chủ lực gồm GELEX Hạ tầng, là đơn vị đầu mối phát triển các dự án năng lượng, nước sạch, bất động sản... và GELEX Electric, là đơn vị đầu mối quản lý vốn đầu tư trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thiết bị điện, và quản trị, vận hành các nhà máy sản xuất điện.
- Doanh thu thuần toàn Tập đoàn đạt 28.578 tỷ đồng, tăng 59%; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 2.057 tỷ đồng, tăng 72% so với năm trước. Với kết quả này, GELEX đã vượt 60% so với mục tiêu lợi nhuận trước thuế 1.285 tỷ đồng.

ÔNG NGUYỄN HOA CƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hướng tới tương lai

Tiếp nối những thành tựu đã đạt được, trong chặng đường sắp tới, GELEX sẽ tập trung phát triển Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng với các chiến lược phát triển cụ thể trong từng lĩnh vực.

- Đối với lĩnh vực Sản xuất công nghiệp, GELEX tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho công nghệ, phát triển các sản phẩm mới cũng như tăng cường áp dụng công nghệ vào quản lý nhằm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, thị phần, giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện.
- Đối với lĩnh vực Hạ tầng, thông qua các đơn vị thành viên, GELEX chú trọng đầu tư vào bất động sản khu công nghiệp, phát triển và đầu tư các dự án năng lượng sạch, sản xuất và kinh doanh nước, vật liệu xây dựng..., tiếp tục triển khai các dự án bất động sản thương mại đúng tiến độ, rà soát, chuyển đổi công năng, tối ưu hóa việc sử dụng quỹ đất của Tập đoàn.

Năm 2022, với những dự báo tích cực về sự phục hồi của nền kinh tế, và sự thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 của Chính phủ, chúng tôi tin rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục phát triển vững mạnh và đạt được nhiều thành tựu mới.

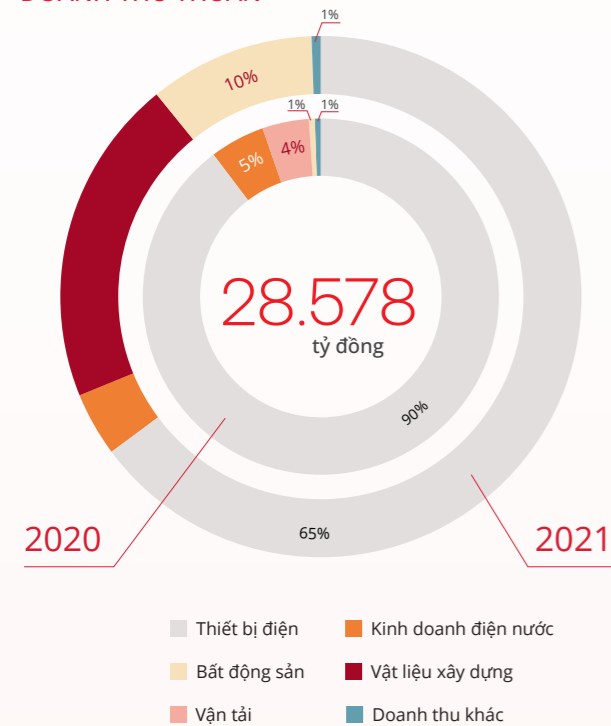
Một lần nữa, xin được trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của các quý Cổ đông trong thời gian qua và mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và đồng hành này trong chặng đường phát triển tương lai.



Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN HOA CƯƠNG

THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA GELEX

DOANH THU THUẦN



HOÀN THÀNH HỢP NHẤT VIGLACERA



HOÀN THÀNH

05 Dự án điện gió

TỔNG CÔNG SUẤT

140 MW

TRƯỚC

31/10/2021

để được hưởng giá FIT ưu đãi của Chính phủ

TỔNG TÀI SẢN

61.189 tỷ đồng



↑ **125%** so với năm trước

VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.498 tỷ đồng



↑ **150%** so với năm trước

TỈ LỆ NỢ VAY/VỐN CHỦ SỞ HỮU

1,08 lần năm 2021



↓ **1,47** lần năm 2020

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

2.057 tỷ đồng



↑ **72%** so với năm trước

VỐN ĐIỀU LỆ

8.515 tỷ đồng



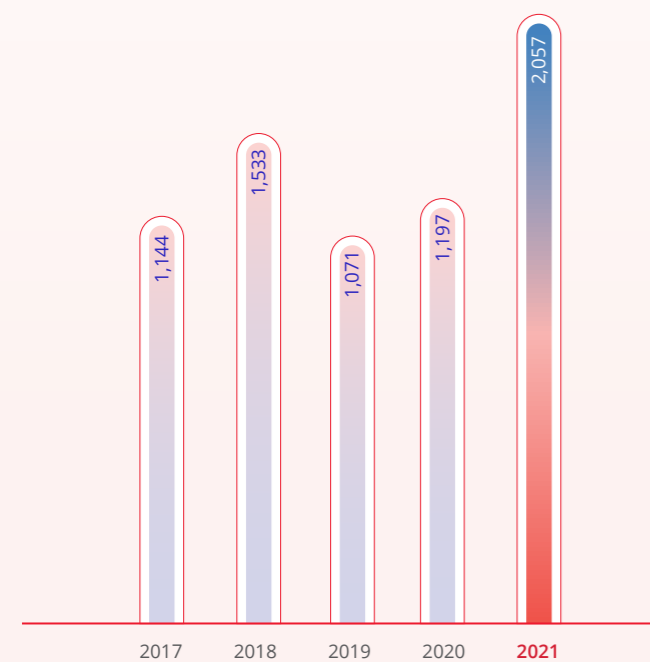
↑ **74%** so với năm trước

EPS

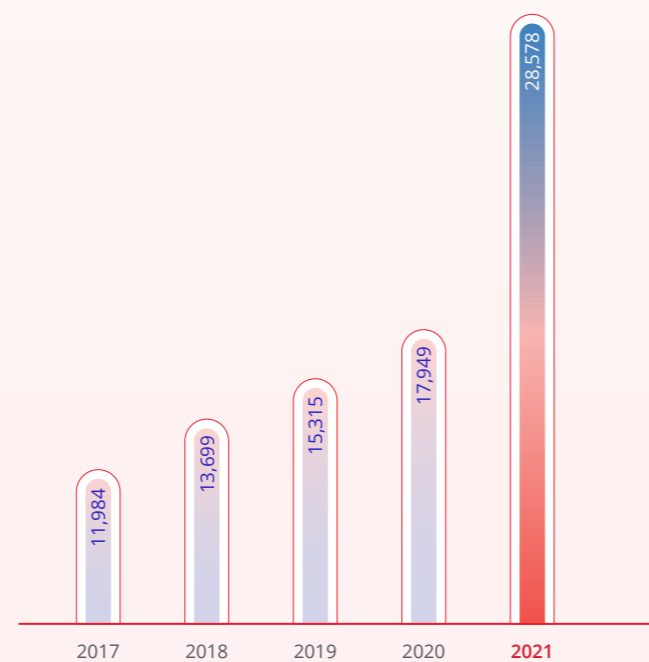
1,501 đồng



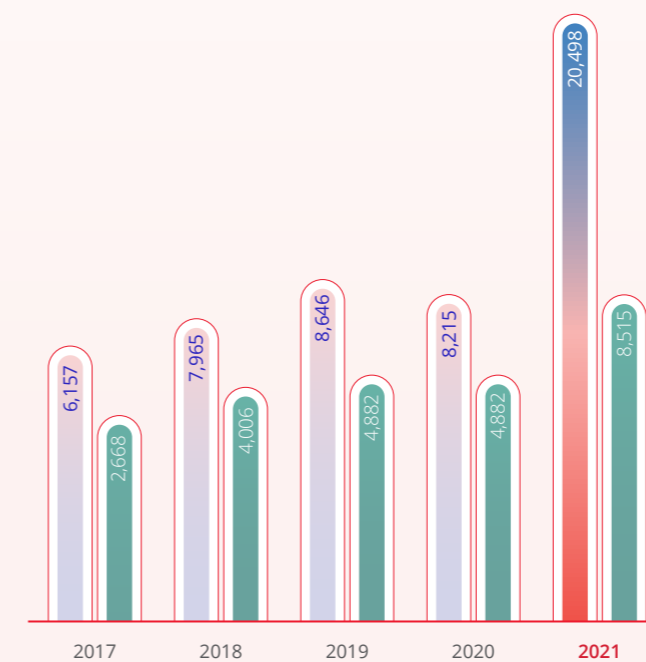
↑ **5.3** % năm so 2020



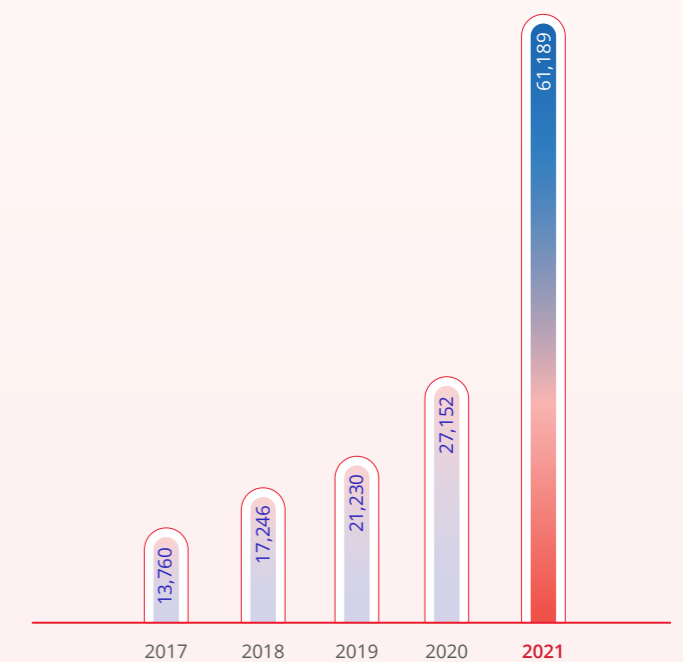
Lợi nhuận trước thuế Đơn vị: tỷ đồng



Doanh thu thuần Đơn vị: tỷ đồng



Vốn chủ sở hữu Vốn điều lệ Đơn vị: tỷ đồng



Tổng tài sản Đơn vị: tỷ đồng

MỤC LỤC

01

TỔNG QUAN VỀ GELEX

Thông tin chung	10	Thông tin về mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức hoạt động và thông tin Ban lãnh đạo	18
Quá trình hình thành và phát triển	12	Cổ phần và cơ cấu cổ đông	26
Giải thưởng năm 2021	14	Các công ty con, công ty liên doanh liên kết	27
Định hướng phát triển	15	Các rủi ro	28
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động	15		

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Hoạt động sản xuất kinh doanh	32	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	54
Tổ chức và nhân sự	44	Hoạt động đầu tư	55
Đầu tư, thực hiện các dự án	46	Hoạt động tài chính	57
Tình hình tài chính	48	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	59
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	49	Kế hoạch kinh doanh năm 2022	60

03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của GELEX	66	Hội đồng quản trị	74
Giám sát và đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	69	Ủy ban kiểm toán	81
Kế hoạch và định hướng của HĐQT	70	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Tổng Giám đốc	86
		Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	87

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hướng tới môi trường	90	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	98
Chính sách với Người lao động	91	Báo cáo kiểm toán độc lập	100
Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội	92	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	102
Hài hòa lợi ích giữa Doanh nghiệp, Khách hàng, Cổ đông và Đối tác	93	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	106

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	108	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	110
-------------------------------------	-----	--	-----

CHƯƠNG

01

TỔNG QUAN VỀ GELEX

Thông tin chung	10
Quá trình hình thành và phát triển	12
Giải thưởng năm 2021	14
Định hướng phát triển	15
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động	15
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	18
Cổ phần và cơ cấu cổ đông	26
Các công ty con, công ty liên doanh liên kết	27
Các rủi ro	28



THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty	Công Ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Tên tiếng Anh	GELEX GROUP JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0100100512 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2010 và đăng ký thay đổi lần gần nhất (lần thứ 15) ngày 28/12/2021
Địa chỉ trụ sở chính	Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(84.24) 3972 6245/6
Số Fax	(84.24) 3972 6282
Website:	www.gelex.vn
Email	gelex@gelex.vn
Vốn điều lệ và cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ: 8.514.957.930.000 đồng Tổng khối lượng cổ phần lưu hành: 851.495.793 cổ phiếu Nơi niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) Mã chứng khoán: GEX

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1990

Thành lập

- Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện (tiền thân của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam).
- Nhiệm vụ chính: Sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu trực tiếp thiết bị điện, vật liệu kỹ thuật điện.
- Vốn điều lệ: 177 tỷ đồng.

2015

Thay đổi cơ cấu sở hữu

- Tháng 12/2015, Nhà nước thoái hoàn toàn vốn đầu tư tại GELEX.
- Doanh thu 8.382 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 574 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ: 1.550 tỷ đồng.

2010

Cổ phần hoá

- Thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10/08/2010 của Thủ tướng chính phủ.
- Đổi tên thành Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu logo.
- Vốn điều lệ: 1.400 tỷ đồng.

2017

Mở rộng hoạt động

- Mua và sở hữu chi phối Công ty CP Phú Thạnh Mỹ - Chủ sở hữu Nhà máy Thủy điện Sông Bung 4A.
- Mua và sở hữu chi phối Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam - Sotrans.
- Vốn điều lệ: 2.668 tỷ đồng.

2016

Chuyển đổi sang mô hình công ty holding

- GELEX chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty holding.
- Thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX), tách biệt hoạt động sản xuất ra khỏi công ty mẹ GELEX.
- Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX để mở rộng hoạt động sang lĩnh vực hạ tầng, năng lượng.

2019

Phát triển các lĩnh vực cốt lõi

- Triển khai 5 dự án mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất tại CADIVI, R&D nhiều sản phẩm dây cáp điện mới, kỹ thuật cao.
- Hạ tầng:
 - Mua và sở hữu 24,96% cổ phần VGC, mở rộng hoạt động sang lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp và vật liệu xây dựng.
 - Hoàn thành phân kỳ 1, giai đoạn 2 Dự án mở rộng Nhà máy nước Sông Đà.
 - Hoàn thành pháp lý cho các dự án điện gió Hường Phùng 2,3; GELEX Quảng Trị 1,2,3.
 - Dự án Điện mặt trời Ninh Thuận hòa lưới điện quốc gia, hưởng giá bán điện ưu đãi.
- Phát hành thành công trái phiếu có bảo lãnh của CGIF - đơn vị trực thuộc ADB.
- Vốn điều lệ: 4.882 tỷ đồng.

2018

Tái cấu trúc

- Sắp xếp lại các công ty con, Công ty mẹ hoạt động theo hướng công ty quản lý vốn chuyên nghiệp.
- Mua và sở hữu chi phối Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà.
- Khởi công Dự án điện mặt trời Ninh Thuận.
- Mua cổ phần Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP và Công ty CP Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh (MEE), mở rộng thêm sản phẩm máy biến áp truyền tải.
- Cổ phiếu GELEX lên niêm yết trên HOSE: 18/01/2018 - mã GEX
- Vốn điều lệ: 4.065,6 tỷ đồng.

2021

Khẳng định tầm vóc - Bứt phát tương lai

- Tăng tỷ lệ sở hữu lên 50,21% và nắm quyền kiểm soát tại Viglacera.
- Hoàn thành các Dự án điện gió Hường Phùng 2,3 và GELEX Quảng trị 1,2,3 tổng công suất 140 MW, hưởng giá bán điện ưu đãi.
- Hoàn thành tái cấu trúc sở hữu vốn tại 02 sub-holding:
 - GELEX Electric gồm 7 công ty con hoạt động trong 2 lĩnh vực là Thiết bị điện và vận hành, khai thác dự án điện.
 - GELEX Hạ tầng gồm 6 công ty con hoạt động trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng, Bất động sản khu công nghiệp & thương mại, Nước sạch, Phát triển dự án điện.
- Doanh thu: 28.578 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 2.057 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ: 8.515 tỷ đồng (tăng 74% so với năm 2020).

2020

Nâng cao năng lực sản xuất các lĩnh vực cốt lõi

- Đưa vào vận hành các dự án mở rộng sản xuất tại CADIVI; đưa ra dòng sản phẩm Cáp năng lượng mặt trời; vận hành thành công hệ thống quản trị nguồn nhân lực SAP ERP.
- Nâng tỉ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP (VGC) lên 46,07%; thoái vốn khỏi lĩnh vực logistics.

GELEX

TỔNG QUAN VỀ GELEX

GIẢI THƯỞNG NĂM 2021

Top 50

Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2021 do Forbes Việt Nam trao tặng.

Top 10

Doanh nghiệp có năng lực quản trị tốt nhất Việt Nam 2021 do VCCI trao tặng.

Top 500

Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2021 do Vietnam Report và Vietnamnet trao tặng.

Thương hiệu Quốc gia

Do Bộ Công Thương trao tặng 2020 - 2022.

Top doanh nghiệp

Có năng lực cạnh tranh tốt nhất Việt Nam 2021 do VCCI trao tặng.



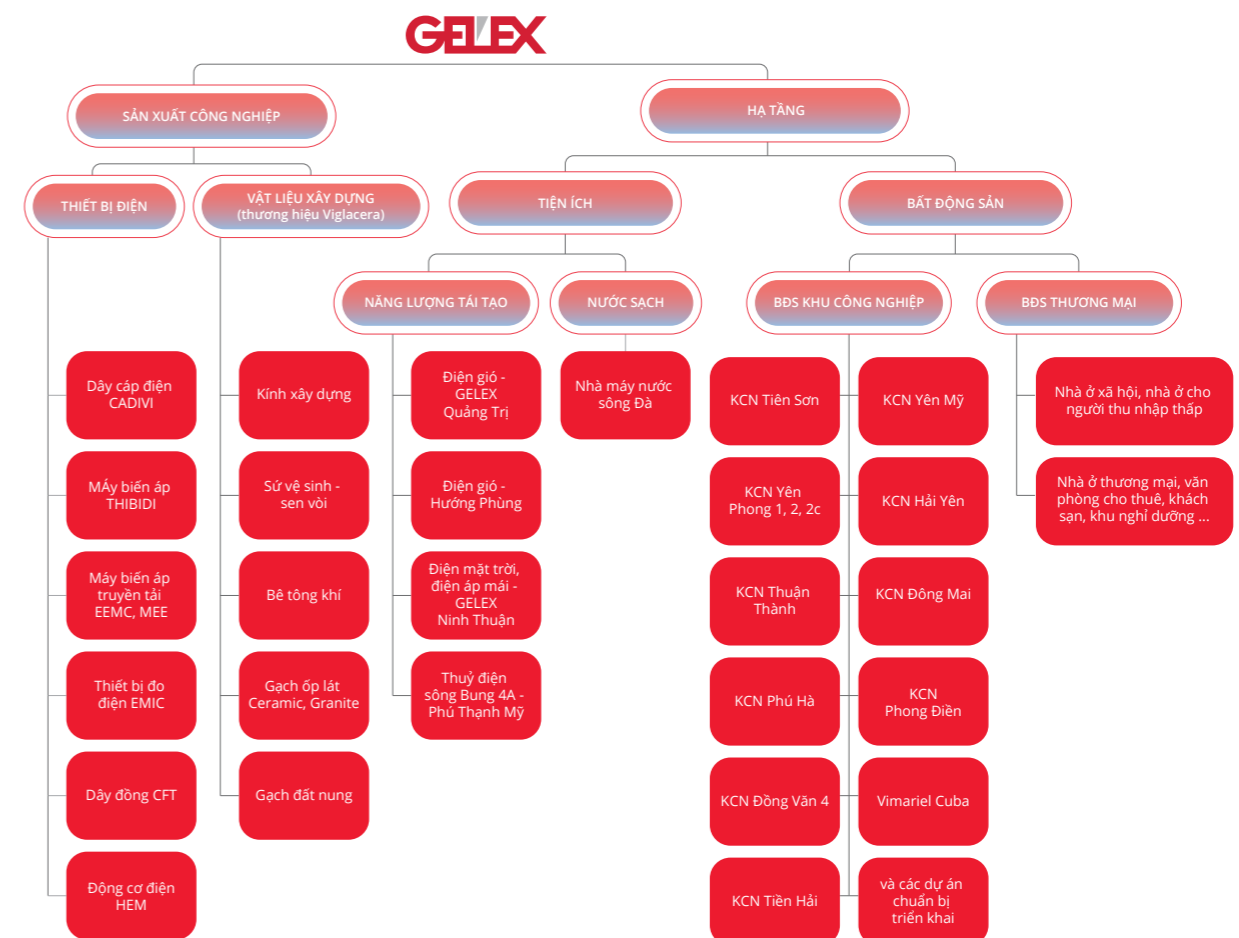
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tiếp tục đầu tư và kinh doanh tại hai lĩnh vực cốt lõi là Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng thông qua hoạt động đầu tư chiều sâu và hoạt động M&A trên cơ sở nền tảng quản trị tốt, năng lực tài chính vững mạnh, bộ máy quản trị tinh gọn, đội ngũ nhân sự kinh doanh và vận hành hiệu quả trong toàn nhóm công ty.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

GELEX là công ty hoạt động theo hình thức holding quản lý vốn tại các doanh nghiệp trong hai lĩnh vực Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng.

Cấu trúc Tập đoàn theo ngành nghề kinh doanh:



TỔNG QUAN VỀ GELEX

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Địa bàn kinh doanh

GELEX có trụ sở chính đặt tại tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam. GELEX và các đơn vị thành viên có địa bàn kinh doanh trải khắp cả nước và có hoạt động xuất khẩu sang nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

1 Hà Nội

- Trụ sở chính của GELEX (Tập Đoàn)
- Trụ sở chính GELEX Electric
- Trụ sở chính GELEX Hạ tầng
- Trụ sở chính EEMC
- Trụ sở chính HEM
- Trụ sở chính EMIC
- Trụ sở chính GELEX Phát điện
- Trụ sở chính MEE
- Trụ sở chính Viglacera
- Nhà máy sản xuất động cơ điện của HEM

2 Bắc Ninh

- Nhà máy EMIC
- Viglacera Đáp Cầu
- Viglacera Tiên Sơn
- Khu công nghiệp Tiên Sơn
- Khu công nghiệp Yên Phong 1,2,2c
- Khu công nghiệp Thuận Thành

3 Vĩnh Phúc

- Viglacera Thăng Long

4 Phú Thọ

- Viglacera Việt Trì
- Khu công nghiệp Phú Hà

5 Hưng Yên

- Khu công nghiệp Yên Mỹ

6 Hà Nam

- Khu công nghiệp Đồng Văn 4

7 Thái Bình

- Khu công nghiệp Tiên Hải

8 Quảng Ninh

- Viglacera Vân Hải
- Viglacera Hạ Long
- Khu công nghiệp Đông Mai

9 Hoà Bình

- CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà

10 Yên Bái

- Viglacera Khoáng sản

11 Quảng Trị

- Nhà máy điện gió GELEX Quảng Trị 1,2,3 (GELEX Quảng Trị)
- Nhà máy điện gió Hường Phùng 2,3 (GELEX Hường Phùng)

12 Huế

- Khu công nghiệp Phong Điền

13 Đà Nẵng

- Nhà máy của CADIVI

14 Quảng Nam

- Nhà máy Thủy điện sông Bung 4A (Phú Thạnh Mỹ)

15 Ninh Thuận

- Trang trại điện mặt trời Ninh Thuận (GELEX Ninh Thuận)

16 Đồng Nai

- Trụ sở chính và nhà máy của THIBIDI
- Trụ sở và nhà máy của CADIVI Đồng Nai
- Trụ sở chính CFT

17 TP. Hồ Chí Minh

- Nhà máy CADIVI miền Đông
- Trụ sở chính của HECO
- Văn phòng đại diện của EMIC
- Văn phòng đại diện Miền Nam của HEM
- Văn phòng đại diện của THIBIDI
- Văn phòng đại diện GELEX
- Trụ sở chính CADIVI

18 Vũng Tàu

- Nhà máy kính Phú Mỹ

19 Bình Dương

- Các nhà máy sản xuất kính, sứ vệ sinh của Viglacera



TỔNG QUAN VỀ GELEX

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO

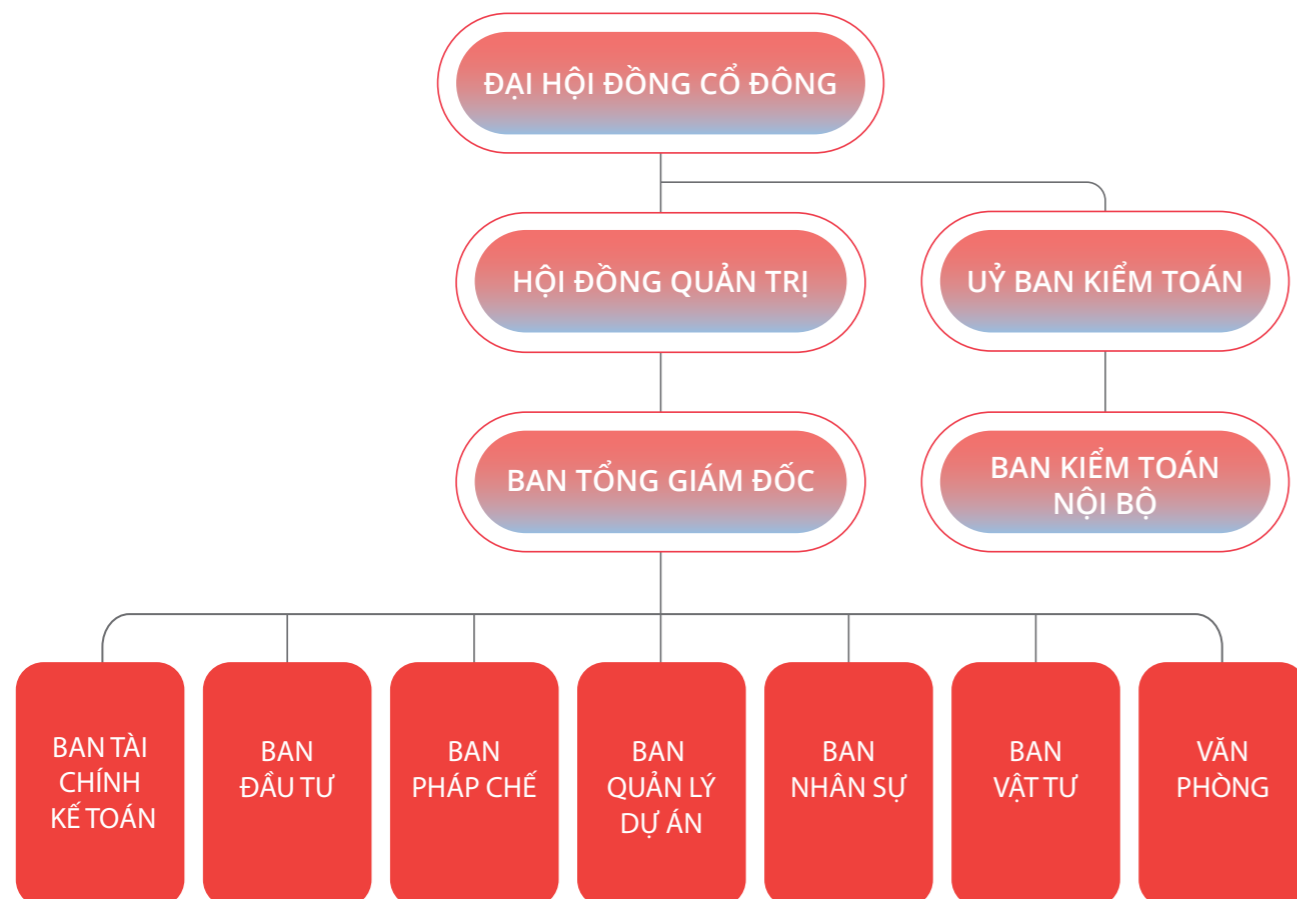
Mô hình quản trị

GELEX quản trị công ty theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị: có 7 thành viên, trong đó có 3 thành viên HĐQT độc lập và có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.
- Tổng giám đốc: là thành viên HĐQT phụ trách điều hành Công ty.

Sơ đồ tổ chức hoạt động GELEX



Thông tin Ban lãnh đạo

Ông

NGUYỄN HOA CƯƠNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm

- Từ 07/2010 - 01/2018 & từ 9/2020 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ 10/2017 - nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH S.A.S.-CTAMAD
- Từ 11/2019 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần KIP Việt Nam
- Từ 01/2018 - 08/2020: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ 2007- 07/2017: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH S.A.S.-CTAMAD
- Từ 2011 - 09/2016: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ 2014 - 2016: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Dây đồng Việt Nam

TỔNG QUAN VỀ GELEX

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Thông tin Ban lãnh đạo (tiếp theo):

NGUYỄN TRỌNG TIỂU PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



■ Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư - Cử nhân Kinh tế

■ Kinh nghiệm

- Từ 08/2018 - nay: Thành viên/ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ 01/2020 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX
- Từ 06/2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - CTCP
- Từ 04/2018 - 04/2020: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
- Từ 09/2016 - 03/2018: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
- Từ tháng 12/2010 - 08/2016: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ 12/2010 - nay: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Từ 12/2010 - 06/2020: Phó Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Từ 07/2010 - 11/2010: Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Từ 01/2010 - 06/2010: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
- Từ 07/2009 - 12/2009: Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
- Từ 03/2007 - 07/2009: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
- Từ 07/2005 - 03/2007: Giám Đốc Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội

NGUYỄN TRỌNG HIỀN PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế Ngoại thương, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

■ Kinh nghiệm

- Từ 6/2020 - nay: Phó Chủ tịch/ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ 10/2021 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ 04/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Tổng công ty Viglacera - CTCP
- Từ 01/2015 - 05/2020: Phó Ban Đầu tư, Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Dự án điện gió Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh REE Corporation (REE). Trong thời gian này, có tham gia HĐQT tại các công ty: CTCP Thủy Điện Thác Mơ, CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh, CTCP Thủy điện Bình Điền, CTCP Phát triển Điện Trà Vinh, CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ, CTCP Thủy điện Sông Ông, CTCP Than Núi Béo, CTCP Nhiệt điện Ninh Bình, CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà
- Từ 04/2008 - 12/2019: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

TỔNG QUAN VỀ GELEX

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Thông tin Ban lãnh đạo (tiếp theo):

LƯƠNG THANH TÙNG

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



■ Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Kinh tế xây dựng

■ Kinh nghiệm

- Từ 08/2020 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ 10/2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Từ 10/2021 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ 03/2019 - nay: Thành viên/Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Trong thời gian này có tham gia HĐQT một số công ty con của CTCP Hạ tầng GELEX: CTCP Năng lượng GELEX Đắk Lắk, CTCP Dịch vụ Năng lượng GELEX
- Từ 03/2019 - 11/2021: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ 06/2015 - 02/2019: Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần SCI, Công ty CP SCI E&C
- Từ 01/2010 - 05/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
- Từ 10/2009 - 07/2010: Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.

NGUYỄN VĂN TUẤN

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật Kinh tế và Cử nhân Tài chính Ngân hàng

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 09/2016 - nay: Thành viên Thường trực HĐQT/ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ tháng 01/2018 - 08/2020: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ tháng 12/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (10/2020 - nay)
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX (12/2016 - 10/2020)
- Từ tháng 09/2016 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (12/2019 - nay)
Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thiết bị điện GELEX (09/2016 - 12/2019)
- Từ tháng 05/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 06/2019 - nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Viglacera-CTCP
- Từ tháng 04/2019 - nay: Chủ tịch/Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 07/2017 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH S.A.S.. - CTAMAD
- Từ tháng 04/2016 - 04/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam

TỔNG QUAN VỀ GELEX

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Thông tin Ban lãnh đạo (tiếp theo):

VÕ ANH LINH

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán và CNTT, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

■ Kinh nghiệm

- Từ 03/2016 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ 10/2020 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ 04/2021 - nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH iCAPITAL
- Từ 07/2016 - 2020: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú
- Từ 2007 – 2015: Phó trưởng Ban Đầu tư Kinh doanh Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

ĐẬU MINH LÂM

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



■ Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

■ Kinh nghiệm

- Từ 6/2021 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ 10/2021 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ 2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cầu đường bộ Hải Dương, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược và Trang thiết bị Y tế Bình Định
- Từ 12/2014 – 06/2018: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt
- Từ 06/2014 – 08/2018: Thành viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- Từ 04/2015 – 01/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Từ 12/2014 – 04/2015: Giám đốc đầu tư Tập đoàn Bảo Việt

TỔNG QUAN VỀ GELEX

CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Thông tin về cổ phần của GELEX như sau:

- Vốn điều lệ: 8.514.957.930.000 đồng.
- Khối lượng cổ phiếu lưu hành: 851.495.793 cổ phiếu.
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 851.495.793 cổ phiếu.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 đồng.
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 7.200.000 cổ phần (đây là số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo Phương án bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động - ESOP của GELEX).
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 844.295.793 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 31/03/2022, cơ cấu cổ đông của GELEX như sau:

	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Theo quy mô sở hữu		
Cổ đông lớn	305.548.793	35,88%
Cổ đông nhỏ	545.947.000	64,12%
Theo loại hình cổ đông		
Cổ đông Nhà nước	0	0%
Cổ đông khác, trong đó	851.495.793	100%
Cổ đông Tổ chức	210.976.975	24,78%
i. Trong nước	139.810.690	16,42%
ii. Nước ngoài	71.166.285	8,36%
Cá nhân	640.518.818	75,22%
iii. Trong nước	639.274.412	75,08%
iv. Nước ngoài	1.244.406	0,15%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng cộng	851.495.793	100%

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

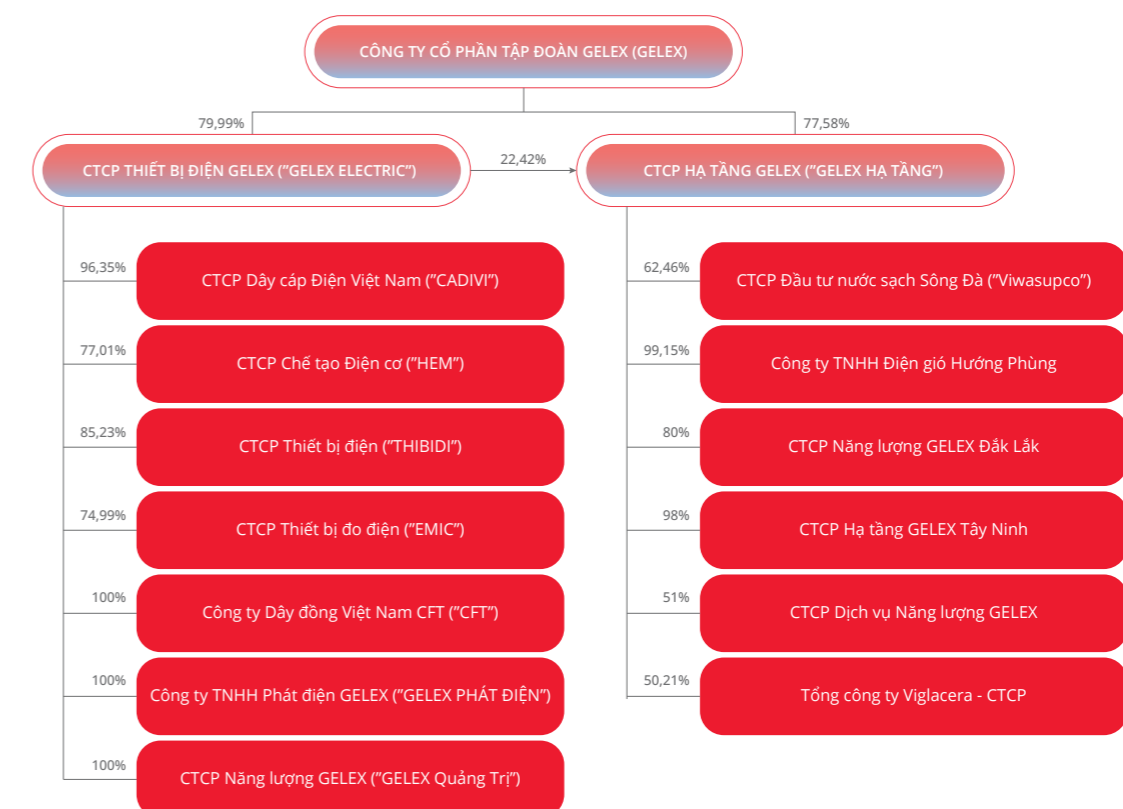
GELEX là công ty hoạt động theo hình thức holding, nắm giữ, đầu tư và quản lý vốn đầu tư của 2 công ty con cấp 1 là GELEX Electric và GELEX Hạ tầng, trong đó:

- GELEX Electric có các hoạt động sản xuất và kinh doanh chính bao gồm: (i) sản xuất, kinh doanh thiết bị điện bao gồm dây cáp điện, máy biến áp

điện, động cơ điện, thiết bị đo điện, máy biến dòng, tủ điện, ... (ii) vận hành các dự án điện năng lượng tái tạo đã hoàn thành.

- GELEX Hạ tầng hoạt động trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp, bất động sản thương mại, vật liệu xây dựng, sản xuất và kinh doanh nước sạch, phát triển các dự án điện.

Cấu trúc sở hữu vốn của Tập đoàn GELEX



Danh sách các Công ty con và Công ty liên kết của GELEX tại 31/12/2021: Chi tiết tại Phụ lục 1 (trang 188)

TỔNG QUAN VỀ GELEX

CÁC RỦI RO

Với đặc thù hoạt động trên nhiều lĩnh vực vực chủ lực của nền kinh tế, GELEX và các công ty thành viên đối mặt với nhiều rủi ro chung của nền kinh tế và rủi ro đặc thù trong từng lĩnh vực kinh doanh. Một số rủi ro chính của GELEX như sau:

RỦI RO CHUNG

- Rủi ro kinh tế: Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế. Các sản phẩm của hệ thống GELEX có tương quan tương đối chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế, đầu tư công của Nhà nước và đầu tư, tiêu dùng của khối tư nhân. Do vậy các biến động về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của GELEX.
- Rủi ro về luật pháp: Hoạt động của GELEX chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật điện lực, Luật đầu tư, Luật Xây dựng... và các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Khi các quy định pháp luật thay đổi cũng cần một khoảng thời gian nhất định để các doanh nghiệp tiếp cận và điều chỉnh. Đây chính là khoảng thời gian mà các doanh nghiệp sẽ gặp phải một số vướng mắc và khó khăn nếu không có sự chuẩn bị trước.
- Rủi ro thiên tai dịch bệnh: Đại dịch Covid-19 đến nay dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn và vẫn có nguy cơ tái bùng phát với những biến chủng mới. Điều này tạo ra các rủi ro trong hoạt động kinh doanh, chuỗi cung ứng của các đơn vị trong hệ thống GELEX.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Lĩnh vực Sản xuất công nghiệp

Mảng sản xuất thiết bị điện và sản xuất vật liệu xây dựng của GELEX chịu rủi ro lớn từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Trong khi giá sản phẩm đầu ra thường ít có khả năng biến động mạnh, việc giá nguyên liệu đầu vào thay đổi ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Mảng sản xuất thiết bị điện còn có đặc thù là sản phẩm kỹ thuật cao, đòi hỏi thay đổi và cập nhật liên tục để phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến.

Lĩnh vực Hạ tầng

- Lĩnh vực năng lượng tái tạo của GELEX là mảng kinh doanh ổn định, tuy nhiên hoạt động này phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên như lượng mưa, sức gió hay bức xạ nhiệt vốn không thể đo lường và dự báo chính xác. Ngoài ra, lĩnh vực năng lượng tái tạo đang được Đảng và Chính phủ ưu tiên phát triển với nhiều chính sách hỗ trợ. Do vậy, đối với các dự án không kịp triển khai hoặc triển khai không đảm bảo tiến độ để được nhận các chính sách ưu đãi sẽ bị ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh tế cũng như thời gian thu hồi vốn.
- Lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp: Đặc thù của đầu tư phát triển khu công nghiệp là giá trị đầu tư lớn và thời gian triển khai lâu do vậy tiềm tàng nhiều rủi ro liên quan đến lãi suất, nguồn vốn đầu tư, biến động về kinh tế, dịch bệnh, v.v..., ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai dự án cũng như nhu cầu của các nhà đầu tư thuê đất khu công nghiệp.

Nhận thức được các rủi ro trên, GELEX và các đơn vị thành viên đã xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh phù hợp, đảm bảo phòng ngừa rủi ro và phát triển bền vững.

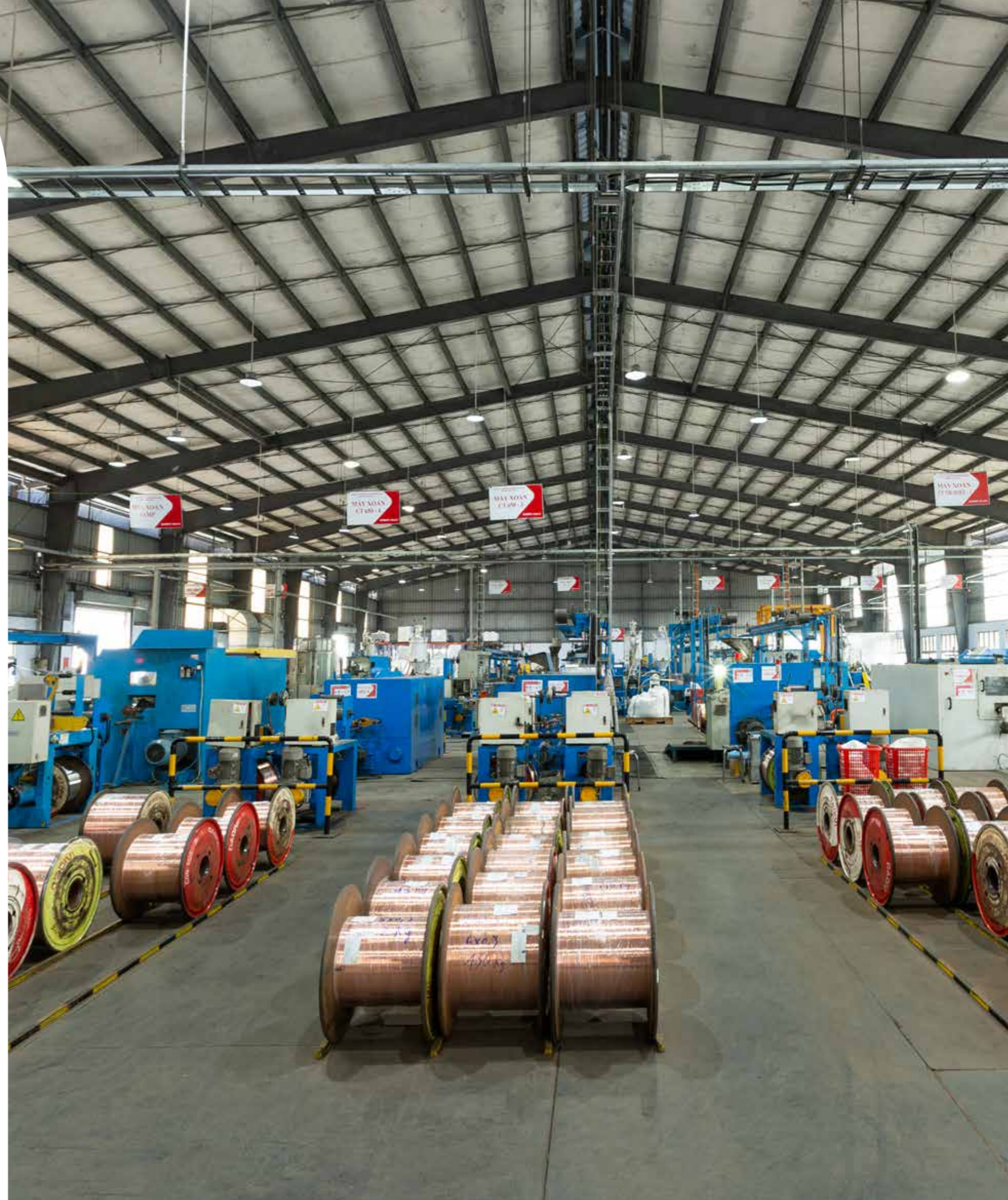


CHƯƠNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Hoạt động sản xuất kinh doanh	32
Tổ chức và nhân sự	44
Đầu tư, thực hiện các dự án	46
Tình hình tài chính	48
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	49



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021



1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 3 đã bùng phát mạnh mẽ, Việt Nam phải thực hiện giãn cách trên diện rộng, thậm chí phong tỏa nhiều khu vực, gây tác động tới hoạt động kinh doanh của nhiều

doanh nghiệp trong đó có GELEX và các công ty thành viên. Tuy nhiên, GELEX đã có những quyết sách kịp thời và phù hợp để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kết quả kinh doanh năm 2021 thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021		So sánh	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Tăng trưởng so với 2020
Doanh thu hợp nhất	17.948.713	28.540.000	28.578.399	100%	59%
LNTT hợp nhất	1.197.195	1.285.000	2.056.993	160%	72%

Trong năm, GELEX đã nâng tỷ lệ sở hữu lên mức chi phối tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP (“Viglacera”), đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển khu công nghiệp phía Bắc Việt Nam. Đồng thời, GELEX cũng đã hoàn tất quá trình tái cấu trúc sở hữu vốn tại công ty mẹ và các công ty con, tập trung vào hai sub-holding là GELEX Electric và GELEX Hạ tầng.

GELEX Electric (vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng) chuyên về sản xuất thiết bị điện và kinh doanh điện năng. GELEX Hạ tầng (vốn điều lệ 7.900 tỷ đồng) chuyên về hạ tầng (bất động sản khu công nghiệp, bất động sản thương mại, phát triển các dự án điện, nước sạch...). Qua hoạt động tái cấu trúc, cổ phần VGC đã được chuyển về một đầu mối sở hữu duy nhất là GELEX Hạ tầng.

Trong năm 2021, GELEX và GELEX Electric đã hoàn tất các đợt phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ, tổng số tiền thu được từ các đợt phát hành là trên 5.154 tỷ đồng. Điều này đã giúp củng cố năng lực tài chính của hệ thống GELEX, cơ cấu lại nguồn vốn của Tập đoàn theo hướng vững chắc, giảm bớt chi phí tài chính và tăng hiệu quả kinh doanh. Tổng vốn điều lệ của GELEX hiện tại là gần 8.515 tỷ đồng, tăng thông qua 2 đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chia cổ tức bằng cổ phiếu. Bên cạnh đó, tận dụng lãi suất thị trường thấp, GELEX đã phát hành trái phiếu có kiểm soát để huy động vốn, đảm bảo nguồn vốn trung dài hạn ổn định, tổng giá trị Trái phiếu phát hành trong năm 2021 và đầu năm 2022 là 1.800 tỷ đồng.

Dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê” tại địa chỉ số 10 Trần Nguyên Hãn hiện đang triển khai xây dựng theo đúng tiến độ đặt ra.

Cụ thể tình hình kinh doanh của từng lĩnh vực được chi tiết như sau:

1.1 Nhóm Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện GELEX & Các Đơn Vị Thành Viên

GELEX Electric là đơn vị đầu mối quản lý các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện của GELEX. Trong năm qua, thực hiện chương trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên của GELEX, GELEX Electric đã hoàn tất tăng vốn điều lệ từ 2.218,7 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 1.617 tỷ đồng. Đồng thời, trong năm 2021, GELEX Electric cũng thực hiện góp vốn bằng tài sản là 87,1 triệu cổ phần Tổng Công ty Viglacera – CTCP (mã CK: VGC) vào Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX, qua đó sở hữu 22,4% cổ phần GELEX Hạ tầng. Song song với đó, GELEX Electric cũng nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của GELEX Hạ tầng tại các công ty sản xuất điện năng đã hoàn thành việc đầu tư và đi vào sản xuất gồm Công ty CP Phú Thạnh Mỹ - đơn vị quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A, Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận - đơn vị vận hành Trang trại điện mặt trời Ninh Thuận, các Dự án điện mặt trời áp mái và Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị - Chủ đầu tư Dự án Điện gió Quảng trị 1, 2, 3. Tổng công suất điện năng mà GELEX Electric hiện đã sở hữu là xấp xỉ 210 MW.

GELEX Electric ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 với mức tăng trưởng 16,4% so với năm 2020, đạt 109,4% so với kế hoạch đã đề ra. Sự tăng trưởng trong doanh thu hợp nhất phần lớn nhờ những định hướng đúng đắn, các mục tiêu cụ thể xuyên suốt và các giải pháp trọng tâm trong sản xuất của HĐQT, Ban điều hành Công ty và các đơn vị thành viên, ngoài ra một phần đến từ việc M&A mảng năng lượng tái tạo đóng góp trong Quý IV/2021.

Tuy nhiên, năm 2021, công ty đã huy động thêm vốn vay để thực hiện các hoạt động mở rộng đầu tư và sản xuất kinh doanh, do đó ghi nhận chi phí tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 (TIẾP THEO)

1.1 Nhóm Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện GELEX & Các Đơn Vị Thành Viên (tiếp theo)

tăng. Hơn nữa, năm 2021 ngành thiết bị điện bị ảnh hưởng tiêu cực do Covid-19, sự bất ổn giá nguyên vật liệu đầu vào cùng với chính sách phong tỏa, giãn cách xã hội diện rộng kéo dài của các cơ quan chức năng đảm bảo an toàn đã ảnh hưởng tiêu cực tới

doanh thu và giá vốn hàng bán của nhóm sản xuất thiết bị điện. Từ đó, lợi nhuận trước thuế hợp nhất giảm 3% so với 2020 và đạt 99,8% so với lợi nhuận kế hoạch đã đề ra.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	2020		2021		So sánh Tăng trưởng so với 2020
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	
Doanh thu thuần	16.072.702	17.100.000	18.714.206	109,4%	16,3%
Lợi nhuận trước thuế	843.612	820.000	818.006	99,8%	(3%)

Chi tiết về tình hình hoạt động các đơn vị thành viên của GELEX Electric được nêu ở dưới đây.

Nhóm Các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	2020		2021		So sánh Tăng trưởng so với 2020
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	
Doanh thu thuần					
CADIVI	10.578.973	9.886.408	10.479.096	106,0%	(0,9%)
THIBIDI	2.830.937	2.860.000	2.407.323	84,2%	(15,0%)
EMIC	1.221.427	1.260.000	1.266.925	100,5%	3,7%
HEM	548.586	470.400	445.744	94,8%	(5,2%)
CFT	4.656.821	6.550.873	7.326.848	111,8%	57,3%
Lợi nhuận trước thuế					
CADIVI	501.003	486.221	422.625	86,9%	(15,6%)
THIBIDI	193.436	197.820	115.539	58,4%	(40,3%)
EMIC	213.116	200.000	214.988	107,5%	0,9%
HEM	13.610	45.001	6.161	13,7%	(54,7%)
CFT	17.657	30.345	12.369	40,8%	(29,9%)



i. Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam – CADIVI

Kết thúc năm 2021, tình hình hoạt động kinh doanh của CADIVI vẫn giữ được mức ổn định so với năm 2020. Doanh thu thuần đạt 10.479 tỷ đồng tuy giảm gần 1,0% so với năm 2020 nhưng vẫn vượt 6,0% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 423 tỷ đồng giảm 15,6% so với năm 2020. Nguyên nhân lợi nhuận sụt giảm do:

- o Dịch Covid-19 dẫn đến hoạt động sản xuất tiêu dùng của các cá nhân lẫn doanh nghiệp, các dự án đầu tư công mà CADIVI thực hiện cung cấp sản phẩm đều bị trì hoãn khiến doanh thu thuần giảm trong khi chi phí vẫn ở mức tương đương so với 2020.
- o Chi phí giá nguyên vật liệu, đặc biệt là kim loại màu (đồng, nhôm,...) tăng mạnh cộng thêm chính sách phong tỏa, giãn cách xã hội kéo dài tại khu vực phía Nam do ảnh hưởng dịch Covid-19 làm gia tăng các chi phí như chi phí sản xuất "3 tại chỗ", chi phí logistics,..... cũng góp phần làm giảm lợi nhuận của CADIVI trong năm 2021.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 (TIẾP THEO)

ii. Công ty cổ phần Thiết bị điện - THIBIDI

Để thích ứng với tình hình phức tạp của dịch bệnh Covid-19, THIBIDI đã kịp thời đưa ra các chính sách ứng phó như: tranh thủ tổ chức nghiệm thu trực tuyến và tập trung giao hàng tối đa cho các công ty điện lực; Ban hành chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho các đại lý phân phối; Hỗ trợ giảm giá cho các dự án lớn, giao hàng nhanh chóng đáp ứng tiến độ cho các dự án và công trình. Trong công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, THIBIDI cũng thực hiện một số giải pháp như:

- Tìm kiếm, nghiên cứu, sử dụng vật liệu mới, cải tiến thiết kế, tiết kiệm vật tư, giảm giá thành các sản phẩm máy biến áp, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Quản lý và thực hiện công tác giám định, điều tra sự cố và có biện pháp ngăn ngừa, cải tiến kịp thời để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Đầu tư đồng bộ máy móc, thiết bị, tăng cường tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.

iii. Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC - EMIC

Nếu năm 2020 là một năm tăng trưởng vượt bậc của EMIC (tăng trưởng doanh thu 57% và tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp là hơn 61%) thì năm 2021 là một năm thử thách đối với EMIC. Tuy nhiên, trước tình hình đó EMIC vẫn nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra (tăng trưởng doanh thu 3,7% so với năm 2020 và tăng 0,5% so với kế hoạch).

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và tính cạnh tranh của thị trường, EMIC đã không ngừng tìm tòi, để đưa

ra các sản phẩm mới, với nhiều tính năng phù hợp, đáp ứng yêu cầu của khách hàng:

- Tham gia một cách toàn diện vào thị trường công tơ PLC của EVNSPC với đầy đủ chủng loại sản phẩm và hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật về trên thị trường EVNSPC.
- Nghiên cứu và phát triển dòng sản phẩm công tơ điện tử một pha dựa trên một thiết kế hoàn toàn mới. Trong năm 2021, EMIC đã chế tạo mẫu và đang triển khai đánh giá, thử nghiệm, dự kiến triển khai sản xuất bán hàng từ năm 2022.
- Bước đầu nghiên cứu, đánh giá được 02 mẫu đồng hồ nước lạnh thể tích và 02 mẫu đồng hồ nước lạnh đa tia có chất lượng phù hợp để phát triển tiến tới sản xuất năm 2022.

iv. Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội - HEM

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của HEM gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch bệnh. Đồng thời với đó, dịch bệnh cũng đã ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của khách sạn 5 sao Melia Hà Nội, từ đó tác động tiêu cực tới kết quả kinh doanh của Công ty TNHH S.A.S.-CTAMAD – đơn vị liên kết của HEM. Theo đó, kết quả lợi nhuận hợp nhất của HEM cũng bị suy giảm mạnh.

Tháng 7 năm 2021, bắt đầu triển khai “Đề án tái cấu trúc HEM giai đoạn 2021-2025”, HEM đã từng bước thực hiện tái cấu trúc, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất và lao động phù hợp với mô hình tổ chức công ty, cơ cấu tổ chức lại bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ của HEM theo chiến lược phát triển các ngành hàng.



v. Công ty Dây đồng Việt Nam CFT - CFT

Năm 2021, CFT cung cấp cho thị trường 43.100 tấn sản phẩm, ghi nhận 7.327 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 57,3% so với năm 2020. Tuy nhiên chi phí sản xuất kinh doanh cũng tăng cao do các nguyên nhân như giá nguyên vật liệu tăng cao; chi phí logistics, chi

phí cho phòng chống dịch tăng, hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tình hình dịch bệnh; chi phí phát sinh do việc di dời nhà máy nên lợi nhuận trước thuế giảm 29,9% so với năm 2020.

NHÓM CÁC DOANH NGHIỆP PHÁT ĐIỆN

i. Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ - Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A:

Kết quả kinh doanh của Phú Thạnh Mỹ thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	2020		2021		So sánh	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Tăng trưởng so với 2020	
Sản lượng điện thương phẩm (kWh)	146.357.221	125.674.738	161.866.650	128,8%		10,6%
Doanh thu thuần	297.598	259.326	285.217	110,0%		(4,2%)
Lợi nhuận trước thuế	43.053	14.629	70.642	482,9%		64,1%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

i. Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ - Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A (tiếp theo):

Trong kết quả kinh doanh nói trên của Phú Thạnh Mỹ, doanh thu bán điện là 223,5 tỷ đồng, vượt 33% kế hoạch và tăng 12,1% so với năm 2020, lợi nhuận trước thuế của mảng kinh doanh điện đạt 50,87 tỷ đồng, gấp 10 lần kế hoạch và tăng gần 109,6% so với năm 2020.

Như vậy có thể thấy, trong năm 2021, Phú Thạnh Mỹ đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đặt ra, chủ yếu do tăng trưởng ở mảng kinh doanh cốt lõi (sản xuất điện) do tình hình thủy văn thuận lợi.

ii. Công ty TNHH Năng lượng GELEX Ninh Thuận

Kết quả kinh doanh năm 2021 của Trang trại điện mặt trời Ninh Thuận:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	2020		2021		So sánh	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Tăng trưởng so với 2020	
Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	65,561	64,449	74,512	115,6%		13,7%
Doanh thu thuần	142.227	139.443	161.318	115,7%		13,4%
Lợi nhuận trước thuế	(2.036)	(1.317)	15.209			

Trang trại Điện mặt trời Ninh Thuận đã ghi nhận sản lượng điện sản xuất đạt 74,512 triệu kWh, cao hơn khoảng 15,6% so với kế hoạch năm 2021. Nguyên nhân của sự tăng trưởng sản lượng đến từ việc một

số đường dây 110kV tại Ninh Thuận và các khu vực lân cận đi vào vận hành giúp giải tỏa công suất cho dự án. Trung bình năm 2021, dự án chỉ bị giảm phát ước tính 15% (so với năm 2020 giảm phát 20%).

Về kết quả kinh doanh năm 2021 của các dự án điện mặt trời áp mái tại các khu công nghiệp trực thuộc GELEX Ninh Thuận thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện so với kế hoạch (%)
Sản lượng (triệu kWh)	24,753	22,853	92,3%
Doanh thu thuần	48.001	44.289	92,3%
Lợi nhuận sau thuế	6.196	2.742	44,3%

iii. Công ty CP Năng lượng GELEX Quảng Trị - Cụm nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3:

Năm 2021 Dự án Điện gió GELEX 1,2,3 tại Quảng Trị đã kịp hoàn thành trước 31/10/2021 để hưởng giá FIT ưu đãi của Nhà nước. Kết quả hoạt động trong 2 tháng cuối năm 2021 của cụm Điện gió Quảng Trị thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện so với kế hoạch (%)
Sản lượng (triệu kWh)	35,880	30,350	84,6%
Doanh thu thuần	70.323	58.041	82,5%
Lợi nhuận sau thuế	1.964	(10.387)	



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

1.2 Nhóm Công Ty Cổ Phần Hạ Tầng GELEX Và Các Đơn Vị Thành Viên

i. Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (“GELEX Hạ tầng”)

Trong năm 2021, Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX đã thực hiện việc tái cấu trúc, sắp xếp lại danh mục sở hữu. Theo đó:

- Đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ (“Phú Thạnh Mỹ”), Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận (“GELEX Ninh Thuận”) và các công ty con kinh doanh điện mặt trời mái nhà, Công ty TNHH MTV GELEX Land (“GELEX Land”) và Công ty cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị (“GELEX Quảng Trị”) sang Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX (“GELEX Electric”).
- Tiếp nhận toàn bộ cổ phần tại Viglacera - CTCP (mã CK: VGC) của GELEX và GELEX Electric qua đó

trực tiếp sở hữu 50,21% cổ phần VGC, trở thành đơn vị đầu mối trong lĩnh vực hạ tầng và phát triển dự án của GELEX.

- Sau tái cấu trúc, vốn điều lệ của GELEX Hạ tầng là 7.900 tỷ đồng trong đó GELEX sở hữu 77,58% và GELEX Electric sở hữu 22,42%

Trong năm 2021, GELEX Hạ tầng đã cung cấp đủ nguồn vốn và bám sát chỉ đạo các công ty dự án hoàn thành các dự án điện gió theo đúng tiến độ. Theo đó các dự án Điện gió Hướng Phùng 2,3 và Điện gió GELEX 1,2,3 đã hoàn thành COD trước 31/10/2021 để được hưởng giá bán điện ưu đãi 8,5cent/1kwh theo đúng chính sách của Chính phủ.

Về kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh năm 2021 của GELEX Hạ tầng thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020		2021		So sánh	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Tăng trưởng so với 2020	
Doanh thu thuần hợp nhất	995.775	1.089.500	4.705.043	431,9%	372,5%	
LNTT hợp nhất	195.173	83.361	504.124	604,8%	158,3%	

ii. Tổng Công ty Viglacera – CTCP (“Viglacera”)

Kết quả kinh doanh của Viglacera trong năm 2021 thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020		2021		So sánh	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Tăng trưởng so với 2020	
Doanh thu hợp nhất	9.433.048	12.000.000	11.194.313	93,4%	18,6%	
LNTT hợp nhất	840.701	1.000.000	1.541.437	154,1%	83,4%	

Tổng quan kết quả hoạt động SXKD của Viglacera là khả quan, hoàn thành mục tiêu về lợi nhuận, cụ thể:

- Lĩnh vực vật liệu xây dựng, đánh giá tổng quan kết quả thực hiện năm 2021 như sau:
 - Lợi nhuận tăng trưởng cao chủ yếu từ nhóm sản phẩm kính, khẳng định đúng đắn định hướng đầu tư chiến lược của Viglacera trong lĩnh vực này.
 - Nhóm sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát, các đơn vị đã thực hiện tốt các giải pháp vừa đảm bảo chống dịch, vừa duy trì hoạt động sản xuất ổn định, tiết giảm chi phí và phát triển các sản phẩm có lợi nhuận cao, triển khai các giải pháp tổ chức lại thị trường, kênh phân phối (đặc biệt thị trường miền Nam) để đạt tối đa doanh thu, hiệu quả kinh doanh. Kết quả đạt mục tiêu kế hoạch năm 2021 đặt ra về lợi nhuận và doanh thu.
 - Riêng đối với nhóm sản phẩm gạch ngói đất sét nung, thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng đất sét nung vẫn trầm lắng, giá bán giảm sâu, lao

động giảm mạnh sau các đợt dịch Covid-19 nên các đơn vị đều phải giảm sản lượng sản xuất. Ngoại trừ CTCP Hạ Long sản xuất các sản phẩm mỏng/gạch ốp tấm lớn như gạch cotto, ngói lợp các loại... còn có lãi, các đơn vị còn lại tỷ trọng sản xuất gạch xây lớn đều phát sinh lỗ.

- Lĩnh vực bất động sản: Tuy bị ảnh hưởng từ yếu tố dịch bệnh, tuy nhiên tận dụng cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài, Viglacera tiếp tục tập trung đầu tư, phát triển mở rộng quỹ đất KCN, mở rộng đầu tư tại các địa bàn mới đồng thời tiếp tục khẳng định được vị thế là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp và nhà ở công nhân.

Kết quả hoạt động của lĩnh vực bất động sản, lợi nhuận vượt 22%, doanh thu vượt 10% vượt mục tiêu kế hoạch và đạt mức tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2020. Trong đó, lĩnh vực KCN đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội chuyển dịch đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tập trung công tác kinh doanh với tổng số diện tích cho thuê hạ tầng KCN cả năm đạt khoảng 135 ha. Đồng thời, tập trung

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

ii. Tổng Công ty Viglacera – CTCP (“Viglacera”) (tiếp theo)

nguồn lực triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt là đền bù giải phóng mặt bằng, thi công hạ tầng đồng bộ để đáp ứng yêu cầu đất sạch cho công tác kinh doanh; Tổng diện tích đền bù năm 2021 đạt 410 ha. Tăng cường công tác tiếp thị các nhà đầu tư thứ cấp vào các KCN hiện có để thu hút và đón đầu làn sóng các nhà đầu tư thứ cấp, gia tăng hiệu quả khai thác quỹ đất hiện có, đặc biệt đã ký Hợp đồng cho thuê đất để thực hiện dự án có tổng mức đầu tư 1,6 tỷ USD của

Amkor – Tập đoàn hàng đầu thế giới về sản xuất vật liệu bán dẫn đã đầu tư tại KCN Yên Phong II-C tỉnh Bắc Ninh.

Với những kết quả đạt được nêu trên, năm 2021 tiếp tục ghi nhận là một năm hoạt động thành công của Tổng công ty Viglacera – CTCP, duy trì vị thế là doanh nghiệp tiên phong trong ngành vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản khu công nghiệp tại Việt Nam.

iii. Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (“Viwasupco”)

Tình hình kinh doanh năm 2021 của Viwasupco thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020		2021		So sánh	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Tăng trưởng so với 2020	
Sản lượng nước (m ³)	103.215.356	106.273.516	101.860.000	95,8%		(1,3%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	533.801	547.303	524.968	95,9%		(1,7%)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	205.526	172.846	209.357	121,1%		1,9%

Trong năm 2021, Viwasupco chưa đạt kế hoạch sản lượng và doanh thu do ảnh hưởng của dịch bệnh tác động tiêu cực đến nhu cầu sử dụng nước. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2021 vẫn vượt kế hoạch do Công ty

đã tiết kiệm chi phí thông qua việc chú trọng công tác cấp nước an toàn, thắt chặt chi phí quản lý và chi phí sửa chữa, đồng thời nhận cổ tức được chia từ Công ty Viwaco với số tiền 5,76 tỷ đồng.



iv. Công ty Cổ phần Điện gió Hường Phùng (“Hường Phùng”)

Năm 2021 Dự án Điện gió GELEX Hường Phùng 2, 3 tại Quảng Trị đã kịp hoàn thành trước 31/10/2021 để hưởng giá FIT ưu đãi của Nhà nước và kết quả hoạt động trong 2 tháng cuối năm 2021 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện so với kế hoạch (%)
Sản lượng (triệu kWh)	20,820	22,183	106,5%
Doanh thu thuần	40.807	43.595	106,8%
Lợi nhuận sau thuế	4.915	(730)	

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Kế toán trưởng	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Tào Hải Nhân	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2021 Miễn nhiệm từ ngày 06/01/2022
2	Hoàng Hưng	Bổ nhiệm từ ngày 06/01/2022

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

• *Thống kê về CBNV toàn Tập đoàn GELEX thể hiện trong bảng dưới đây*

STT	Hạng mục	Năm 2021
I. Thống kê nguồn nhân lực		
1	Tổng số lượng CBNV	10.165
2	Cơ cấu nhân sự theo giới tính	
	Nam	7.810
	Nữ	2.355
3	Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi	
	Dưới 25 tuổi	714
	25-29 tuổi	1.496
	30-39 tuổi	4.110
	Trên 40 tuổi	3.844
4	Cơ cấu nhân sự theo trình độ học vấn	
	Đại học và trên đại học	2.702
	Cao đẳng, trung cấp và bằng khác	7.463
5	Cơ cấu nhân sự theo thâm niên	
	Dưới 1 năm	751
	1-3 năm	1.744
	3-10 năm	3.002
	Trên 10 năm	4.668

○ Chính sách đối với người lao động

- GELEX thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền lợi cho Người lao động.
- Chính sách lương, thưởng tại GELEX hướng đến mục tiêu động viên, khuyến khích Người lao động đồng thời đảm bảo tính cạnh tranh và phù hợp với thị trường.
- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực luôn được chú trọng và ưu tiên tại GELEX và các đơn vị thành viên.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

3. ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1 Đầu tư vào các công ty con

Trong năm 2021, GELEX đã thực hiện cấu trúc lại phần vốn góp tại các công ty con, theo đó các khoản đầu tư vào các công ty con phát sinh trong năm như sau:

- Đầu tư mua thêm 18.567.620 cổ phần VGC với tổng trị giá 678.567.094.602 đồng để qua đó sở hữu quyền chi phối tại Viglacera với tỷ lệ biểu quyết nắm giữ tại VGC là 50,21% (tương đương 225.105.680 cổ phiếu VGC) bao gồm cả tỷ lệ lợi ích gián tiếp 19,43% GELEX nắm giữ thông qua GELEX Electric - công ty con của GELEX.
- Đầu tư vào GELEX Electric với số tiền là 183.130.000.000 VNĐ thông qua việc mua cổ phần phát hành thêm của GELEX Electric.
- Đầu tư vào GELEX Hạ tầng theo hình thức góp vốn bằng toàn bộ 138.005.680 cổ phiếu VGC với giá trị bằng giá trị sổ sách khoản đầu tư này tại GELEX, cụ thể là 3.324.531.742.686 đồng và góp vốn bằng tiền mặt với giá trị đầu tư là 104.468.257.314 đồng. Tổng giá trị góp vốn thêm vào GELEX Hạ tầng trong năm 2021 là 3.429.000.000.000 đồng.

3.2 Tình hình thực hiện dự án sử dụng vốn thu từ đợt phát hành chứng khoán trong năm

Trong năm 2021, GELEX đã thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để huy động vốn trong đó một phần vốn huy động được để phục vụ thực hiện các dự án, cụ thể như sau:

Chứng khoán đã chào bán để thực hiện dự án

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 292.946.400 Cổ phiếu
- Tổng vốn/số tiền đã huy động: 3.536.359.840.000 đồng
- Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: 16/07/2021
- Kế hoạch sử dụng vốn thu từ đợt phát hành phục vụ việc triển khai dự án:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
I	Triển khai các dự án	2.300.000.000.000	
1	Thực hiện các dự án nhà máy điện gió thông qua Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.800.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế
2	Triển khai Dự án "Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê" tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	500.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế

Tình hình thực hiện dự án và sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho việc thực hiện dự án:

STT	Nội dung	Tiến độ	Số tiền đã sử dụng đến thời điểm 31/12/2021 (đồng)
I	Thực hiện các dự án nhà máy điện gió thông qua GELEX Hạ tầng	Đã hoàn thành phát điện thương mại trước 31/10/2021, kịp hưởng giá bán điện ưu đãi theo chính sách của Nhà nước	920.000.000.000
1	Triển khai Dự án "Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê" tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Hiện tại dự án đang được thi công hầm số 4 theo đúng tiến độ	97.550.599.161
Tổng cộng			1.017.550.599.161

3.3 Đầu tư dự án

Trong năm qua, GELEX tiếp tục triển khai đầu tư Dự án "Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê" tại địa chỉ số 10 Trần Nguyên Hãn. Hiện tại, Dự án đang được thi công theo đúng tiến độ, tổng giá trị đầu tư trong năm là 278.563.441.633 đồng, tổng giá trị đầu tư lũy kế đến 31/12/2021 là 310.854.190.682 đồng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính

	2020 (tỷ đồng)	2021 (tỷ đồng)	Tăng trưởng so với 2020 (%)
Tổng Tài sản	27.152	61.189	125,4%
Doanh thu thuần	17.949	28.578	59,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	1.133	2.020	78,3%
Lợi nhuận khác	64	37	42,6%
Lợi nhuận trước thuế	1.197	2.057	71,8%
Lợi nhuận sau thuế	980	1.666	70,0%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.425	1.501	5,3%

4.1 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu GELEX	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,21	1,30
Hệ số thanh toán nhanh	0,91	0,79
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	0,70	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,31	1,99
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	1,47	1,08
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay tổng tài sản	0,74	0,65
Vòng quay hàng tồn kho	5,16	3,24
4. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,05	0,06
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,12
Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,04	0,04
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,06	0,07



5. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Các đợt tăng vốn cổ phần

Trong năm 2021, GELEX đã thực hiện 02 đợt phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- Đợt 1: Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để huy động vốn
 - Thời điểm phát hành: tháng 6 – 7/2021
 - Số lượng cổ phần phát hành thêm: 292.946.400 cổ phiếu
 - Tổng tiền hợp lệ thu được từ đợt phát hành sau khi trừ các chi phí liên quan: 3.536.359.840.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 7.811.904.000.000 đồng
 - Tổng số cổ phần lưu hành sau phát hành: 781.190.400 cổ phần
- Đợt 2: Phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức
 - Thời điểm phát hành: Tháng 11 năm 2021
 - Số lượng cổ phần phát hành thêm: 70.307.136 cổ phiếu
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 8.514.957.930.000 đồng
 - Tổng số cổ phần lưu hành sau phát hành: 851.495.793 cổ phần

Chi tiết các đợt phát hành tăng vốn điều lệ khác của GELEX được nêu trong **Phụ lục 2 (trang 198)**.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

5. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

5.2 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm:

- Số lượng cổ phiếu quỹ thực hiện bán trong năm: 6.274.950 cổ phiếu
- Thời gian thực hiện: 24/03/2021 – 07/04/2021
- Giá giao dịch bình quân: 23.399 đồng/1 cổ phiếu
- Phương thức giao dịch: Khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

5.3 Các chứng khoán khác

Trong năm, GELEX đã thực hiện 03 đợt phát hành trái phiếu cụ thể như sau:

- Đợt 1:
 - Thời điểm phát hành: 19/05/2021
 - Tổng giá trị phát hành: 300 tỷ đồng
 - Loại trái phiếu phát hành: trái phiếu thường, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền
 - Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm
- Đợt 2:
 - Thời điểm phát hành: 23/12/2021
 - Tổng giá trị phát hành: 1.000 tỷ đồng
 - Loại trái phiếu phát hành: trái phiếu thường, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền
 - Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm
 - Trái phiếu được phân phối với khối lượng 500 tỷ trong năm 2021 và 500 tỷ đầu năm 2022
- Đợt 3:
 - Thời điểm phát hành: 31/12/2021
 - Tổng giá trị phát hành: 500 tỷ đồng
 - Loại trái phiếu phát hành: trái phiếu thường, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền
 - Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm
 - Trái phiếu được phân phối với khối lượng 500 tỷ vào đầu năm 2022



CHƯƠNG

03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh GELEX 54

Hoạt động đầu tư 55

Hoạt động tài chính 57

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 59

Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 60



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GELEX

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của nhiều quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam, với mục tiêu đảm bảo tăng trưởng, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong điều kiện tuân thủ quy định phòng chống dịch bệnh Covid -19, hoàn thành các thương vụ đầu tư phát triển và M&A theo đúng kế hoạch, hệ thống GELEX đã đạt được các thành tựu đáng ghi nhận, cụ thể:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021

Việc hợp nhất kết quả sản xuất kinh doanh của Viglacera đã đóng góp quan trọng vào kết quả SXKD của GELEX. Theo đó, năm 2021, GELEX hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với doanh thu thuần hợp nhất đạt 28.578 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch, tăng trưởng 59,2% so với năm 2020, lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất đạt 2.057 tỷ đồng, vượt kế hoạch 60% và tăng trưởng gần 72% so với năm 2020. Một số chỉ tiêu chính thể hiện trong bảng sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% TH / KH 2021	Thực hiện 2020	% TH 2021 / TH 2020
Doanh thu thuần hợp nhất	28.578	28.540	100,1%	17.949	159,2%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	2.057	1.285	160,1%	1.197	171,8%

1.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từng lĩnh vực

Với những chỉ tiêu chính kết quả hoạt động SXKD năm 2021 đạt được nêu trên, Tập đoàn đã hoàn thành mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận trước thuế hợp nhất được Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

Sản xuất công nghiệp

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đứng đầu là Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX, hiện nay quản lý vốn tại

các đơn vị thành viên về 2 mảng: công nghiệp thiết bị điện và nguồn phát điện.

Mảng thiết bị điện:

Năm 2021, mảng thiết bị điện ghi nhận doanh thu 18.539 tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với 2020. Tuy vậy, biên lợi nhuận của mảng thiết bị điện ghi nhận sự giảm nhẹ so với 2020 do một số yếu tố ảnh hưởng tới chi phí như giá nguyên vật liệu, đặc biệt là kim loại màu (đồng, nhôm,...) tăng mạnh, chính sách phong tỏa, giãn cách xã hội diện rộng kéo dài



ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN
Tổng Giám đốc

do dịch bệnh Covid-19 (đặc biệt trong Quý III/2021) làm giảm cầu thị trường và làm gia tăng chi phí cho phòng chống dịch bệnh (các chi phí sản xuất “3 tại chỗ”, chi phí logistics,...).

Mảng nguồn phát (chủ yếu vận hành các dự án nguồn phát điện):

Các doanh nghiệp mảng nguồn phát ghi nhận tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận so với 2020 và kế hoạch 2021, giúp cho mảng nguồn phát đóng góp 608 tỷ đồng doanh thu cho hệ thống, tăng trưởng 67% so với năm 2020.

Hạ tầng

Lĩnh vực Hạ tầng, đứng đầu là Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX, hiện nay trực tiếp quản lý vốn tại các đơn vị thành viên hoạt động về: bất động sản, công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng, và cơ sở hạ tầng nước thông qua việc sở hữu vốn chi phối tại các doanh nghiệp hoạt động trong các mảng này và trực tiếp đầu tư/phát triển dự án.

Quý II/2021, hệ thống GELEX đã hoàn thành mục tiêu sở hữu chi phối Viglacera, qua đó, nâng tỷ trọng đóng góp của lĩnh vực hạ tầng vào kết quả sản xuất

kinh doanh chung của toàn Tập đoàn. Cụ thể mảng bán và cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp đóng góp 2.937 tỷ đồng, mảng vật liệu xây dựng đóng góp 5.806 tỷ đồng vào doanh thu thuần hợp nhất của Tập đoàn.

Mảng nước sạch:

Đóng góp 525 tỷ đồng vào doanh thu hợp nhất của Tập đoàn, giảm nhẹ so với 2020 do ảnh hưởng của Covid-19 làm cầu thị trường sụt giảm, tuy nhiên, lợi nhuận gộp được cải thiện do thực hiện các giải pháp tối ưu chi phí.

2. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2021

2.1 Đầu tư phát triển

Lĩnh vực Sản xuất công nghiệp

Mảng thiết bị điện:

Các công ty con do GELEX Electric sở hữu vốn tiếp tục thực hiện đầu tư theo chiều sâu: đầu tư các dự án nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, bổ sung máy móc thiết bị, công nghệ, ưu tiên công nghệ tiết kiệm năng lượng, phát triển sản phẩm mới,..., đẩy

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



2. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2021(TIẾP THEO)

Mảng thiết bị điện (tiếp theo):

mạnh chuyển đổi số để ứng phó với điều kiện giãn cách xã hội, hạn chế giao thương do đại dịch. Một số hoạt động chính của các doanh nghiệp trong mảng này như sau:

- Hoàn thiện đầu tư và vận hành thành công hệ thống SAP ERP tại Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI), Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC (EMIC), GELEX Electric.
- Hoàn thành cơ bản đầu tư Dự án nhà máy sản xuất máy biến áp phân phối tại KCN Long Đức của THIBIDI; Nhà máy sản xuất Dây đồng tại Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (CFT); Dự án tòa nhà trụ sở Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI).
- Góp thêm vốn vào GELEX Electric (183,13 tỷ đồng), CFT (góp tăng thêm 190 tỷ đồng) nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của các công ty.

Lĩnh vực Hạ tầng:

Năm 2021, hệ thống GELEX tiếp tục triển khai, hoàn thành đầu tư, đầu tư mới và nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư các dự án, cụ thể như sau:

Về mảng năng lượng:

Hoàn thành đầu tư cụm 5 dự án điện gió tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (tổng công suất lắp đặt 150 MW) trước 31/10/2021, đủ điều kiện để được hưởng giá điện ưu đãi của Chính phủ.

Tiến hành các công tác nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư các dự án điện gió tiềm năng; trao đổi cơ hội hợp tác với một số đối tác và xem xét một số dự án mới.

Về sản xuất và kinh doanh nước sạch:

Tiếp tục triển khai Dự án nước sông Đà giai đoạn 2 và các dự án tuyến ống cấp II.

Về bất động sản:

- Viglacera tập trung triển khai, đầu tư mới và chuẩn bị đầu tư các dự án trọng điểm trong lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp (KCN), nhà ở xã hội/nhà ở công nhân.

- GELEX đã khởi công và thi công theo tiến độ Dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê” tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Mảng vật liệu xây dựng:

Năm 2021, Công ty CP Viglacera Tiên Sơn (Công ty con của Viglacera) đã thực hiện mua lại Nhà máy Bạch Mã, đầu tư bổ sung cho Dự án Nhà máy Viglacera Eurotile (Nhà máy Mỹ Đức 2).

2.2 Hoạt động M&A

Năm 2021, hệ thống GELEX tiếp tục thực hiện các hoạt động M&A, định hướng tập trung vào 2 lĩnh vực cốt lõi là phát triển Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng, mở rộng đầu tư chiến lược vào phát triển khu công nghiệp, cụ thể:

- Tăng tỷ lệ sở hữu lên mức chi phối tại Tổng công ty Viglacera – CTCP (tăng tỷ lệ sở hữu lên 50,21%).
- Đối với mục tiêu tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (PXL): Tập đoàn chuyển tiếp sang năm 2022.
- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (từ 60,46% lên 62,46%), tăng tỷ lệ sở hữu tại CADIVI (từ 95,82% lên 96,35%).
- Về M&A trong hệ thống Viglacera, năm 2021, Viglacera đã hoàn thành thủ tục mua lại Nhà máy Bạch Mã để đầu tư cải tạo và đầu tư phát triển sản phẩm tấm lớn; Nâng tỷ lệ sở hữu vốn và chi phối tại Kính nổi Siêu trắng Phú Mỹ (PFG);

- Năm 2021, thông qua GELEX Hạ tầng, mở rộng làm việc với các đối tác và xem xét các giao dịch M&A dự án điện/nước/bất động sản tiềm năng.

3. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Với sự tăng trưởng quy mô mạnh mẽ của hệ thống trong giai đoạn 2016 -2021, đồng thời, với việc tiếp tục thực hiện định hướng tăng cường và mở rộng đầu tư nắm giữ các tài sản tốt, GELEX cần có những sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nguồn vốn.

Năm 2021, với vai trò công ty mẹ (mô hình holding), GELEX đã làm khá tốt vai trò huy động và phân bổ, tài trợ vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, và với những thành tựu về đầu tư đã giúp cho bức tranh tài chính của GELEX được cải thiện so với 2020.

Về vốn nợ, trong bối cảnh lãi suất huy động trên thị trường năm 2021 biến động xu hướng giảm, GELEX và các đơn vị thành viên tăng nợ vay và phát hành trái phiếu có kiểm soát nhằm tăng quy mô vốn, đảm bảo nguồn lực tài chính trong trung dài hạn.

Tổng dư nợ vay hợp nhất tại 31/12/2021 là 22.122 tỷ đồng, tăng 10.042 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2020, nguyên nhân chủ yếu là do hợp nhất báo cáo tài chính Viglacera; ghi nhận dư nợ vay của cụm dự án điện gió Quảng Trị; đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị trong sản xuất và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đa số các khoản huy động có lãi suất tốt, đặc biệt, năm 2021, hệ thống GELEX đã huy động thành công 70 triệu USD tài trợ cho các dự án điện gió từ nguồn vốn tín dụng xuất khẩu với lãi suất ưu đãi/cấu trúc vay nước ngoài, chi phí vốn tốt so với thị trường.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các đợt phát hành trái phiếu năm 2021 và đến trước đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của GELEX thể hiện trong bảng sau:

Bảng chi tiết các đợt phát hành trái phiếu năm 2021 của GELEX

Đơn vị phát hành	Ngày phát hành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Kỳ hạn (năm)
GELEX	Tháng 5/2021	300	3
	Tháng 12/2021	1.500	3

(Việc phát hành trái phiếu đã được công bố trên chuyên trang của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định)

Mặc dù quy mô nợ tín dụng tăng, nhưng GELEX đã tận dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý khi các chỉ số tài chính vẫn nằm trong ngưỡng an toàn theo thông lệ và theo xu hướng được cải thiện.

Bảng 3: Một số hệ số tài chính về khả năng thanh toán và hệ số nợ tại thời điểm 31.12.2021

Chỉ tiêu	31.12.2020	31.12.2021
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,21	1,30
Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản	0,70	0,67
Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	2,31	1,99

Về vốn chủ sở hữu, năm 2021, sau khi thực hiện các đợt tăng vốn, vốn điều lệ của GELEX đã tăng lên hiện tại là 8.515 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn cho kế hoạch đầu tư phát triển, hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược và cân đối nguồn vốn kinh doanh cho GELEX và đơn vị thành viên. (Báo cáo sử dụng vốn đã được kiểm toán đính kèm theo Báo cáo này).

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng thực hiện cấu trúc lại các khoản nợ vay sang kỳ hạn dài hơn với lãi suất tốt hơn để chủ động nguồn vốn phục vụ cho các nhu cầu đầu tư trung và dài hạn, áp dụng linh hoạt các

công cụ tài chính để tối ưu hóa vị thế vốn lưu động, và hỗ trợ cho tăng trưởng. Có thể kể đến như Tập đoàn đã tối ưu hóa các nguồn tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc vẫn bảo toàn vốn, đem lại lợi ích thêm cho hệ thống, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy chế, quy định, phân quyền nội bộ của Tập đoàn.



4. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Định vị thương hiệu và tái cấu trúc sở hữu vốn: Ngày 24/6/2021, GELEX chính thức đổi tên công ty thành Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX, qua đó định vị GELEX là một Tập đoàn đầu tư và quản lý vốn vào hai lĩnh vực Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng. Cùng với đó, chủ trương được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt, GELEX cũng tiếp tục thực hiện tái cấu trúc sở hữu vốn tại công ty mẹ và các công ty con, cụ thể:

- Góp tăng vốn tại GELEX Hạ tầng bằng cổ phiếu VGC do Tập đoàn và GELEX Electric sở hữu.
- Một số doanh nghiệp lĩnh vực phát điện trong nhóm GELEX Hạ tầng được chuyển sang cho GELEX Electric (Công ty con cấp 1, quản lý các đơn vị trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp) quản trị và vận hành như: Công ty cổ phần Năng lượng

GELEX Quảng Trị (sở hữu các Dự án GELEX 1,2,3 (90 MW)), Công ty TNHH Phát điện GELEX (sở hữu trang Trại Điện Mặt Trời Ninh Thuận (50MW), Thủy Điện Sông Bung 4A (49 MW) và các dự án điện áp mái (18 MW).

- Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, thu hút cổ đông chiến lược đầu tư vào GELEX Electric; thoái vốn tại Công ty cổ phần Năng lượng Đông Hải.

Về tổ chức bộ máy, chính sách quản lý, nhân sự: Với việc tái cấu trúc vốn sở hữu tại các doanh nghiệp, Tập đoàn đã tiếp tục công tác đổi mới tổ chức quản lý, quản trị doanh nghiệp. Cụ thể:

- Tại văn phòng Tập đoàn: thực hiện điều chỉnh sơ đồ tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; cập nhật hệ thống quy chế phòng ban, các văn bản quản trị nội bộ phù hợp với các văn bản pháp luật

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

mới được ban hành và đặc thù hoạt động kinh doanh của Tập đoàn; bổ sung nhân sự để hoàn thiện hệ thống kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn.

- o Tại các công ty con, một số đơn vị thành viên: triển khai tái cấu trúc quản trị đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị trong tình hình mới như tăng cường thêm nhân sự HDQT, Ban TGD, các nhân sự quản lý/điều hành khác, đồng thời hiệu chỉnh sơ đồ tổ chức, văn bản quản trị công ty và kiện toàn bộ máy nhân sự tại các phòng/ban chuyên môn.
- o Tiếp tục lộ trình đại chúng hóa các công ty con, năm 2021, GELEX Electric đã hoàn thành thủ tục đăng ký công ty đại chúng và cổ phiếu của GELEX Electric đã được đăng ký giao dịch trên UPCOM vào 08/03/2022.
- o Về công tác điều hành/chỉ đạo người đại diện vốn: GELEX tiếp tục thực hiện theo quan điểm phân cấp, giao quyền một cách hợp lý nhằm tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đến các cấp quản lý tại các đơn vị trong hệ thống nhằm thích ứng và nhanh chóng ra các quyết định ứng phó với sự biến động khó lường của thị trường đồng thời cũng đảm bảo các Công ty mẹ nắm bắt kịp thời các thông tin phục vụ cho các điều chỉnh chiến lược của hệ thống.
- o Năm 2021, việc đào tạo nhân sự, nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ nhân viên tiếp tục được thực hiện bài bản.

5. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

5.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển

Trên cơ sở định hướng phát triển của Tập đoàn đã được xác định, việc các dự án phát điện đã đi vào vận hành toàn bộ công suất, các nhà máy khối thiết bị điện đi vào vận hành, việc hợp nhất nguyên năm kết quả sản xuất kinh doanh của Viglacera,... đồng thời, với chỉ báo về tình hình hồi phục kinh tế của Việt Nam, Tập đoàn xây dựng kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022 (tỷ đồng)
I	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	36.000
II	Lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất	2.618

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Thông qua đơn vị đầu mối là GELEX Electric, Tập đoàn định hướng triển khai các giải pháp trọng tâm sau:

Mảng thiết bị điện:

- o Giữ và tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh; Phát triển mở rộng thị trường kinh doanh sản phẩm thiết bị điện trong nước và nước ngoài, giữ và mở rộng thị phần ở các thị trường trọng điểm đối với các mặt hàng chiến lược;
- o Tối ưu hóa sản xuất, tiếp tục đầu tư công nghệ/tự động hóa, đẩy mạnh công tác R&D, phát triển các sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao, vật liệu mới với các tính năng phù hợp với nhu cầu



thị trường; tìm kiếm và nhận chuyển giao công nghệ phù hợp định hướng phát triển từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới;

- o Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô;
- o Tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu chi phí, cân đối công nợ, kiểm soát hàng tồn kho, tinh gọn bộ máy, ... để giữ vững vị thế, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng.

Mảng vận hành các nhà máy phát điện:

Quản lý vận hành đảm bảo an toàn tin cậy và nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả phát điện của các dự án điện gió, điện mặt trời hiện có nhằm tối ưu hóa chi phí và hạn chế tối thiểu rủi ro.

Lĩnh vực hạ tầng

Thông qua đơn vị đầu mối là GELEX Hạ tầng, Tập đoàn định hướng triển khai các giải pháp trọng tâm sau:

Mảng phát triển dự án năng lượng:

- o Phát triển có chọn lọc và giải ngân đầu tư theo từng giai đoạn để phát triển dự án trong danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư như: cụm Điện

gió ngoài khơi Vĩnh Hải (800 MW); Điện gió Gia Lai (100 MW), Điện gió Đak-lak (200 MW), Điện mặt trời trang trại Bình Phước 1, 2 (480 MW), LNG Long Sơn và các dự án tiềm năng khác.

- o Năm 2022, dự kiến tìm kiếm các cơ hội M&A các dự án năng lượng tái tạo, đồng thời, tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án năng lượng sạch khác như thủy điện, điện sinh khối,... phù hợp với định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Mảng sản xuất và cung cấp nước sạch:

Tiếp tục triển khai đầu tư các hạng mục còn lại giai đoạn 2 nâng công suất Nhà máy nước sạch Sông Đà lên 600.000 m3/ngày đêm mục tiêu hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng các hạng mục của Dự án Giai đoạn 2 vào Quý IV/2024.

Mảng bất động sản khu công nghiệp:

- o Tiếp tục đầu tư phát triển kinh doanh bất động sản khu công nghiệp, khu công nghiệp kết hợp đô thị, dịch vụ và các hạ tầng, dịch vụ phụ trợ thông qua đơn vị thành viên trong hệ thống theo hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh, khai thác tối đa hiệu quả quỹ đất.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

5. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022 (TIẾP THEO)

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật/dịch vụ tại các KCN đang triển khai; Khởi công, đầu tư KCN mới. Triển khai các bước công việc chuẩn bị đầu tư gần 1.900ha các KCN mới.
- Khảo sát, nghiên cứu một số địa điểm để phát triển khoảng 4.300ha KCN/ Tổ hợp KCN-Dịch vụ-Đô Thị mới tại các địa phương có vị trí có lợi thế về hạ tầng, thu hút đầu tư và khả năng kinh doanh.

Mảng bất động sản thương mại:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại quỹ đất hiện tại mà hệ thống đang quản lý, tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý, nghiên cứu phương án chuyển đổi công năng một số khu đất hiện có.
- Phát triển khu nhà ở xã hội, bất động sản thương mại giá rẻ cho người có thu nhập thấp, các khu đô thị, khu dịch vụ - đô thị và nhà ở xã hội.
- Tiếp tục đầu tư các dự án bất động sản thương mại cao cấp trong hệ thống.
- Khảo sát, tìm kiếm phát triển các quỹ đất mới để đầu tư các dự án khu đô thị, khu nhà ở.

Mảng vật liệu xây dựng:

- Xây dựng chiến lược thương hiệu, tái định vị và phát triển thương hiệu.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có sử dụng công nghệ cao trong sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm vật liệu mới: gạch không nung, kính tiết kiệm năng lượng, gạch granite, sứ vệ sinh cao cấp,...
- Tiếp tục triển khai các bước thực hiện thoái vốn

tại một số đơn vị sản xuất Vật liệu xây dựng không hiệu quả (lĩnh vực gạch ngói đất sét nung).

5.2 Hoạt động M&A

- Tiếp tục theo đuổi chiến lược tăng trưởng các mảng kinh doanh cốt lõi thông qua hoạt động M&A (qua GELEX mẹ và các Đơn vị thành viên).
- Tiến hành niêm yết hoặc đăng ký giao dịch đối với cổ phần tại GELEX Hạ tầng và tăng vốn, đăng ký niêm yết đối với cổ phần GELEX Electric khi cần thiết trên cơ sở GELEX vẫn nắm giữ tỷ lệ chi phối đồng thời bổ sung nguồn lực tài chính để thực hiện các mục tiêu đầu tư chiến lược.
- Xây dựng chiến lược quản trị phù hợp sau M&A.

5.3 Các hoạt động khác

Công tác nguồn vốn, tài chính:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án trọng điểm theo kế hoạch đầu tư phát triển.
- Tăng năng lực vốn chủ sở hữu thông qua tái cơ cấu một số tài sản và khoản đầu tư trong hệ thống khi cần thiết nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng tăng trưởng của mỗi công ty.
- Tiếp tục tái cấu trúc lại các khoản vay ngắn và trung hạn của GELEX sang các khoản vay dài hạn, quy mô lớn với lãi suất tốt hơn để giảm chi phí lãi vay trong toàn hệ thống.

- Tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi thông qua việc sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, quy chế quy trình nội bộ, bảo toàn và phát triển vốn.

Công tác quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục lộ trình chuyển đổi số đối với các doanh nghiệp trong hệ thống.
- Tăng cường năng lực quản trị.
- Chuẩn bị các điều kiện và nền tảng để áp dụng lập Báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IFRS) và định mức tín nhiệm quốc tế.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm toán, kiểm soát nội bộ để kiểm soát và hạn chế tối đa rủi ro.
- Theo dõi sát sao và đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên, xây dựng chiến lược

sản xuất kinh doanh phù hợp với các nhóm đơn vị, cải tổ hoạt động những công ty yếu kém, thúc đẩy tăng trưởng và tăng trưởng trở lại tại các doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo và phát triển cán bộ nguồn, nhân lực hiện hữu. Rà soát điều chỉnh cơ chế lương, thưởng, thu nhập cho người lao động theo hướng cạnh tranh với thị trường. Thực hiện các nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của từng sub-holding sau tái cấu trúc.
- Phát triển sản xuất kinh doanh song hành cùng chăm lo cho người lao động và tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội, đóng góp và hỗ trợ cho sự phát triển của cộng đồng.



CHƯƠNG

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của GELEX 66

Giám sát và đánh giá của HĐQT về hoạt động của
Ban Tổng Giám đốc 69

Kế hoạch và Định hướng của HĐQT 70



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX NĂM 2021

Năm 2021 vẫn là một năm khó khăn và thách thức đối với hoạt động của các doanh nghiệp do những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn GELEX vẫn đạt được nhiều thành tựu trên các mặt các hoạt động, qua đó tạo nền tảng bền vững trong các năm tiếp theo.

Về định vị thương hiệu:

Ngày 24/6/2021, GELEX chính thức đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX, qua đó định vị GELEX là một Tập đoàn đầu tư và quản lý vốn tại các doanh nghiệp/dự án gắn liền với các thương hiệu quốc gia trong lĩnh vực thiết bị điện, vật liệu xây dựng, bất động sản khu công nghiệp, năng lượng, nước sạch.

Về hoạt động M&A chiến lược:

Tập đoàn GELEX đã chính thức trở thành công ty mẹ của Tổng công ty Viglacera - CTCP. Việc hợp nhất Viglacera giúp Tập đoàn GELEX có sự tăng trưởng về mặt quy mô, mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh

vực sản xuất vật liệu xây dựng và bất động sản khu công nghiệp.

Về hoạt động tái cấu trúc:

Tiếp nối thành công hoạt động tái cấu trúc trong các năm 2016-2018, Tập đoàn GELEX tiếp tục thực hiện tái cấu trúc sở hữu vốn tại Công ty mẹ và các công ty con theo chủ trương được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt. Theo đó:

- o Toàn bộ cổ phiếu VGC thuộc sở hữu của Tập đoàn GELEX và GELEX Electric đã được chuyển sang Hạ tầng GELEX tập trung sở hữu và quản lý.
- o Một số các công ty phát điện từ GELEX Hạ tầng được chuyển sang cho GELEX Electric sở hữu, quản trị và vận hành.
- o GELEX Electric hoàn tất tăng vốn điều lệ công ty, trong đó thu hút một số cổ đông chiến lược gắn bó lợi ích lâu dài với công ty và hỗ trợ công ty trong các mặt về quản trị, nhân lực, thị trường, ...

Như vậy, sau tái cấu trúc, Tập đoàn tiếp tục sở hữu và chi phối hai Sub-holding. Đó là GELEX Electric (vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng) chuyên về sản xuất công nghiệp (chủ yếu là công nghiệp điện) và GELEX Hạ tầng (vốn điều lệ 7.900 tỷ đồng) chuyên đầu tư và kinh doanh vào mảng Hạ tầng (bất động sản khu công nghiệp, bất động sản thương mại, điện, nước sạch...). Mô hình hoạt động của Tập đoàn sau quá trình tái cấu trúc đã được định hình rõ ràng và chuyên biệt hơn, là nền tảng vững chắc và thuận lợi cho chiến lược phát triển của toàn Tập đoàn trong thời gian tới.

Đồng thời, các Sub-holdings cũng được định hướng đại chúng hóa để hoạt động của Tập đoàn ngày càng minh bạch và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Trong đó:

- (i) GELEX Electric hoàn tất đăng ký công ty đại chúng

vào tháng 12/2021, đăng ký giao dịch trên UPCOM và có phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 08/3/2022.

(ii) GELEX Hạ tầng dự kiến đại chúng hóa và tiến hành niêm yết hoặc đăng ký giao dịch UPCOM trong năm 2022 trên cơ sở Tập đoàn GELEX vẫn nắm giữ tỷ lệ chi phối đồng thời tạo nguồn lực tài chính để thực hiện các mục tiêu chiến lược khác.

Về sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn ghi nhận sự tăng trưởng trên cả hai lĩnh vực trụ cột là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng. Trong đó, Tập đoàn đã vượt 60% so với mục tiêu lợi nhuận trước thuế và hoàn thành kế hoạch doanh thu mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua. Kết quả kinh doanh của 02 Sub-holdings (GELEX Electric và GELEX Hạ tầng) tăng trưởng theo đúng định hướng, chiến lược Tập đoàn đề ra.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX NĂM 2021 (TIẾP THEO)

Về chuẩn bị nguồn lực vốn:

Để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược và các kế hoạch đầu tư phát triển, Tập đoàn GELEX đã có những sự chuẩn bị về nguồn lực tài chính, bao gồm vốn chủ sở hữu (thông qua việc hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 8.515 tỷ đồng) và huy động các khoản vốn vay.

Về công tác quản trị:

HĐQT luôn chú trọng quản trị công ty trên các tiêu chí: Hiệu Quả - Minh Bạch - Kiểm soát rủi ro - Hướng Tới Chuẩn Mực Quốc Tế. Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ chuyên trách phù hợp với kỹ năng, kinh nghiệm và chuyên môn. Mô hình kiểm soát tiên tiến (Ủy ban Kiểm toán, Ban kiểm toán nội bộ) được thiết lập và kiện toàn bộ máy hoạt động. Hệ thống các văn bản quản trị nội bộ được rà soát và sửa đổi, bổ sung, ban hành mới. Sơ đồ tổ chức hoạt động và bộ máy nhân sự lãnh đạo cấp cao, nhân sự lãnh đạo cấp trung được kiện toàn.

Về trách nhiệm môi trường:

Tập đoàn GELEX chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; ký kết các cam kết và đảm bảo về trách nhiệm môi trường khi thiết lập, thực hiện các giao dịch với đối tác trong ngoài nước; triển khai các giải pháp về đổi mới sáng tạo, về cải tiến công nghệ, đầu tư thiết bị công nghệ mới để sử dụng vật tư nguyên liệu và sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường; đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo luôn tận dụng và tối ưu hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào của chu trình sản xuất. Những năm qua, Tập đoàn GELEX cũng như các công ty thành viên không ngừng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thiết bị điện mới có tính năng

tiết kiệm điện, góp phần bảo vệ tài nguyên, môi trường. Ngoài ra, việc tích cực mở rộng hoạt động kinh doanh vào lĩnh vực năng lượng tái tạo của Tập đoàn GELEX giúp góp phần giảm thải khí nhà kính từ các nhà máy nhiệt điện truyền thống, góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam.

Về trách nhiệm xã hội:

Ngoài việc ổn định hoạt động kinh doanh để tạo việc làm cho hàng nghìn lao động trong toàn hệ thống, Tập đoàn GELEX còn có những đóng góp thiết thực cho các hoạt động xã hội khác như chung tay đóng góp hỗ trợ giáo dục, tài trợ cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai bão lụt (các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam...), hỗ trợ thiết bị y tế cho Bệnh viện Nhiệt đới, Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương phục vụ phòng chống dịch Covid-19, ủng hộ Quỹ Vắc xin phòng chống Covid-19 của Chính phủ với mong muốn sớm đẩy lùi dịch bệnh mang lại cuộc sống bình yên cho người dân và nhiều hoạt động thiện nguyện khác đóng góp cho xã hội.

2. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tuân thủ các quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành, trong năm 2021, HĐQT tích cực giám sát hoạt động chung của công ty và hoạt động của ban điều hành gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT đã ban hành; kiểm tra các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và những người điều hành khác;
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tuân thủ quy định pháp luật;



- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2021;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo các nội dung thực hiện theo phân quyền tại các cuộc họp của HĐQT.
- Hoạt động giám sát còn thực hiện thông qua việc giám sát của Ủy ban Kiểm toán như được trình bày tại Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban Kiểm toán. Quý cổ đông vui lòng xem cụ thể tại Báo cáo này.

Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và Ban điều hành.

Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT ghi nhận những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản trị công ty, thu xếp nguồn vốn, cơ cấu danh mục đầu tư mang lại hiệu quả tích cực cho công ty và cổ đông.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



3. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

3.1 Về quản trị công ty

- Duy trì quản trị công ty trên các tiêu chí: Hiệu Quả - Minh Bạch - Kiểm soát rủi ro - Hướng Tới Chuẩn Mực Quốc Tế;
- Đảm bảo tính độc lập giữa công tác quản trị và điều hành, nâng cao vai trò phản biện của thành viên độc lập HĐQT;
- HĐQT hoạch định chiến lược công ty, đồng thời giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các chiến lược này;
- Giám sát tài chính thông qua mô hình kiểm soát được thiết lập (Ủy ban Kiểm toán, Ban kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập).

3.2 Về các mặt hoạt động khác

- Tiếp tục theo đuổi chiến lược tăng trưởng các mảng kinh doanh cốt lõi thông qua hoạt động M&A (qua Gelex mẹ và các Đơn vị thành viên);
- Sắp xếp lại sở hữu vốn giữa các công ty trong cùng hệ thống khi cần thiết nhằm tạo ra những giá trị cộng hưởng theo từng nhóm công ty và cho toàn hệ thống, qua đó đem lại những giá trị cao hơn cho các cổ đông;
- Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực về vốn, về con người cho các mục tiêu chiến lược trong đó chuẩn bị sẵn sàng cho việc có thể tiếp cận với thị trường vốn quốc tế ở quy mô lớn, và tiếp cận tín dụng xanh;
- Định hướng Tổng Giám đốc tiếp tục triển khai các phương án tài chính phù hợp với chiến lược phát

triển dài hạn của Tập đoàn, song song với việc tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi thông qua các công cụ tài chính linh hoạt, hợp pháp, bảo toàn và phát triển vốn;

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, xây dựng văn hóa doanh nghiệp đồng bộ, thống nhất và xuyên suốt trong toàn hệ thống. Định hướng chủ trương minh bạch hóa hoạt động của các Sub-holdings thông qua việc đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch đối với cổ phần GELEX Hạ tầng và đăng ký niêm yết đối với cổ phần GELEX Electric khi cần thiết và khi đáp ứng đủ điều kiện luật định, trên cơ sở GELEX vẫn nắm giữ tỷ lệ chi phối đồng thời có nguồn lực tài chính để thực hiện các mục tiêu đầu tư chiến lược;

- Thực hiện số hóa và chuyển đổi số xuyên suốt trong hệ thống;
- Chuẩn bị các điều kiện và nền tảng để áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRSs);
- Quyết định kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành để đạt và vượt kết quả kinh doanh năm 2022;
- Phát triển kinh doanh luôn song hành cùng trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

CHƯƠNG

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	74
Ủy ban kiểm toán	81
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Tổng Giám đốc	86
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	87



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP (tại thời điểm 31/12/2021)	Thành viên độc lập/Thành viên không điều hành/Thành viên điều hành	Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	1,31%	Thành viên HĐQT không điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH S.A.S.-CTAMAD
2	Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Phó Chủ tịch HĐQT	0,22%	Thành viên HĐQT không điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX Chủ tịch HĐQT Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh – CTCP
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22,58%	Thành viên HĐQT điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Viglacera – CTCP Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH S.A.S.-CTAMAD
4	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	0,205%	Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên Ủy ban Kiểm toán	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Tổng công ty Viglacera – CTCP Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
5	Ông Lương Thanh Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	0,205%	Thành viên HĐQT không điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX TV. HĐQT CTCP Năng lượng GELEX Đắk Lắk TV. HĐQT CTCP Dịch vụ Năng Lượng GELEX TV. HĐQT CTCP Nước sạch Tây Hà Nội TV. HĐQT Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Viglacera – CTCP
6	Ông Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT	0,205%	Thành viên HĐQT độc lập	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH iCAPITAL
7	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	0%	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cầu đường bộ Hải Dương Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

1.2 Tiểu ban thuộc HĐQT

STT	Tên tiểu ban	Thành viên	Chức danh
1	Ủy ban Kiểm toán	Ông Đậu Minh Lâm Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán Thành viên Ủy ban Kiểm toán

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp (bao gồm họp định kỳ và họp bất thường) và nhiều lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để kịp thời thông qua nhiều quyết định quan trọng, dẫn dắt Ban điều hành đi đúng chủ trương, chiến lược.

Một số nội dung chính nổi bật đã được HĐQT thông qua triển khai như sau:

- Tổ chức thành công kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 6/2021 theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Đây là năm đầu tiên GELEX áp dụng hình thức ĐHĐCĐ trực tuyến, qua đó vừa thích ứng linh hoạt với tình hình giãn cách bởi dịch bệnh đồng thời góp phần tạo điều kiện cho tất cả các cổ đông được tham dự và biểu quyết tại Đại hội từ mọi địa điểm khác nhau.
- Triển khai và hoàn tất phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông.
- Triển khai phương án mua thêm cổ phiếu VGC để chi phối Viglacera.
- Thông qua việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo cao cấp quan trọng của nhiệm kỳ mới, bao gồm bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc nhiệm kỳ mới.
- Thông qua kế hoạch tái cấu trúc, sắp xếp sở hữu vốn giữa GELEX, GELEX Electric và Hạ tầng GELEX.
- Cho ý kiến đối với Người đại diện vốn về công tác nhân sự cấp cao tại GELEX Electric và Hạ tầng GELEX.
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền với tổng mệnh giá phát hành 1.800 tỷ đồng trong năm 2021.

Thông tin về các cuộc họp của HĐQT cụ thể như sau:

STT	Ngày, tháng, năm	Tỷ lệ tham dự	Các nội dung được thông qua tại cuộc họp
1	31/03/2021	6/6	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thay đổi kế toán trưởng công ty; ○ Bổ nhiệm 01 thành viên Ủy ban Kiểm toán; ○ Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
2	18/06/2021	7/7	<ul style="list-style-type: none"> ○ Bầu Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026; ○ Bổ nhiệm nhân sự Ủy ban Kiểm toán nhiệm kỳ 2021-2026; ○ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tuấn tiếp tục giữ chức danh Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2021-2026.
3	06/07/2021	7/7	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; ○ Thông qua các kế hoạch tái cấu trúc công ty thành viên.
4	06/08/2021	7/7	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do thay đổi Vốn điều lệ.
5	18/10/2021	7/7	<ul style="list-style-type: none"> ○ Kiện toàn cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy nhân sự cấp cao tại Hạ tầng GELEX; ○ Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất; ○ Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2020.
6	21/12/2021	7/7	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
7	28/12/2021	7/7	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thông qua hợp đồng với người có liên quan năm 2022; ○ Sửa đổi sở đề tổ chức của GELEX; ○ Thông qua Kế hoạch mua sắm vật tư 2022; ○ Thông qua Kế hoạch kiểm toán nội bộ 2022; ○ Chi thù lao HĐQT và UBKT 2021.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

1.3 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Bên cạnh tham gia các hoạt động chung của HĐQT, từng thành viên HĐQT được giao các nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực. Các thành viên bám sát nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên trao đổi và hỗ trợ Ban điều hành trong các hoạt động kinh doanh. Định kỳ tại mỗi cuộc họp, các thành viên HĐQT báo cáo nhiệm vụ cho HĐQT.

Tuân thủ các quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành, trong năm 2021, HĐQT tích cực giám sát hoạt động chung của công ty và hoạt động của ban điều hành gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT đã ban hành; kiểm tra các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và những người điều hành khác;

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tuân thủ quy định pháp luật;

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2021;

- Yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo các nội dung thực hiện theo phân quyền tại các cuộc họp của HĐQT.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn, và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

Trong năm 2021, HĐQT đã phê chuẩn việc ký kết và thực hiện một số giao dịch giữa GELEX với bên có liên quan của thành viên HĐQT. Bên có liên quan

này chủ yếu là các công ty thành viên trong hệ thống GELEX nhằm hỗ trợ về vốn, triển khai hoạt động mua sắm vật tư tập trung và các giao dịch kinh tế khác. Chi tiết các giao dịch được trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2021 và Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021 công bố công khai tại Website GELEX theo đường dẫn <https://GELEX.vn/cong-bo-thong-tin>. Việc phê chuẩn giao dịch được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, các điều khoản hợp đồng trên cơ sở công bằng, cạnh tranh và nghị quyết thông qua tuân thủ nguyên tắc minh bạch trong công bố thông tin.

1.4 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và Ủy ban Kiểm toán

a) Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Cơ cấu HĐQT bao gồm 3/7 thành viên HĐQT là thành viên độc lập trong đó 02 (hai) thành viên độc lập tham gia Ủy ban Kiểm toán. Trong năm vừa qua, thành viên độc lập HĐQT đã hoạt động tích cực trên các phương diện chủ yếu:

- Giám sát hoạt động của HĐQT. Kết quả giám sát cho thấy:
 - Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính được lập phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của GELEX.
 - Các nghị quyết, quyết định được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty niêm yết.
 - Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Nhận diện và tư vấn cho HĐQT cách thức tổ chức, hoạt động KTNB phù hợp với quy định pháp luật mới, thông lệ thị trường và nhu cầu quản trị của GELEX.
- Đảm nhiệm vai trò tại Ủy ban Kiểm toán và thực hiện các công tác chuyên môn theo Quy chế hoạt động đã được phê duyệt.

b) Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Luật Doanh nghiệp 2020 chính thức có hiệu lực kể từ 01/01/2021 quy định công ty không có mô hình Ban kiểm soát thì phải thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT. Các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Trên cơ sở này, HĐQT đã thông qua:

- Đổi tên Ban Kiểm toán nội bộ - theo Luật Doanh nghiệp 2014 thành Ủy ban Kiểm toán - theo Luật doanh nghiệp 2020;
- Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán phù hợp với các quy định pháp luật;
- Kiện toàn nhân sự Ủy ban Kiểm toán;
- Thành lập Ban KTNB;
- Ban hành Quy chế KTNB, Quy trình KTNB phù hợp với các quy định pháp luật.

1.5 Danh sách thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo quản trị và tham gia các chương trình về quản trị trong năm 2021:

- Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT có chứng chỉ đào tạo quản trị và tham gia các chương trình về quản trị như sau:
 - Đã hoàn thành chương trình đào tạo và được Đại học Bru xen, Bỉ công nhận bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh và hệ thống thông tin năm 2006;
- Ông Nguyễn Trọng Hiền – Phó Chủ tịch HĐQT có chứng chỉ đào tạo quản trị và tham gia các chương trình về quản trị như sau:
 - Đã hoàn thành chương trình đào tạo và được Viện Quản trị Kinh doanh Bru xen, Vương Quốc Bỉ công nhận học vị và cấp bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA);
 - Đã hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty Cổ phần Đại chúng từ ngày 14/6/2012 tại Hà Nội do Trung tâm nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán cấp ngày 14/6/2012;

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

- Chứng chỉ CEO do Viện Đào tạo nghiệp vụ cấp ngày 21/10/2012;
- Từ ngày 07/4/2021 đến ngày 09/4/2021, đã tham gia thêm khóa đào tạo Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức.
- Các thành viên Hội đồng quản trị khác đều có trình độ cử nhân, thạc sỹ và có nhiều năm kinh nghiệm, thâm niên về quản trị doanh nghiệp.



2. ỦY BAN KIỂM TOÁN (UBKT)

2.1 Tổ chức bộ máy và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong năm 2021

Xây dựng quy chế hoạt động UBKT

Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 09/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 31/3/2021, giúp hoàn thiện hành lang quy định để Ủy ban Kiểm toán xác định đúng chức năng nhiệm vụ, phát huy hiệu quả hoạt động chuyên môn.

Thành phần, cơ cấu Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán gồm 02 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên UBKT	Tỷ lệ cổ phần năm giữ
1	Đậu Minh Lâm	Chủ tịch UBKT	Bắt đầu từ 18/6/2021	0%
2	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	Bắt đầu từ 31/3/2021	0,205%

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán đều thỏa mãn điều kiện là Thành viên độc lập HĐQT (đối với Chủ tịch UBKT) và Thành viên HĐQT không điều hành (đối với thành viên UBKT) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các thành viên đều có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định trong Quy chế quản trị nội bộ của GELEX cũng như Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Các quyết định bổ nhiệm và thông tin của từng nhân sự được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và tham gia của các thành viên

Sau khi thực hiện kiện toàn lại nhân sự và ban hành Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán mới tại Nghị

quyết 09/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 31/3/2021, Ủy ban Kiểm toán độc lập tiến hành họp định kỳ theo quy định tại Quy chế UBKT. Năm 2021, UBKT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định quan trọng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban KTNB thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ được giao. Toàn bộ các cuộc họp UBKT có tỷ lệ tham dự và biểu quyết là 100%. Các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán đều được lập Biên bản theo quy định tại Quy chế hoạt động. Một số nội dung chính và kết quả nổi bật đã được UBKT thảo luận/ thông qua như sau:

- Chương trình hoạt động của Ban KTNB trong năm 2021;
- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch KTNB định kỳ;
- Nắm bắt khẩu vị rủi ro của HĐQT/Tổng Giám đốc ("TGD");

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. ỦY BAN KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

- Các khó khăn, vướng mắc của Ban KTNB trong quá trình thực hiện công việc và tham gia trợ giúp từ phía UBKT;
- Hoàn thiện quy trình KTNB và áp dụng thực tiễn;
- Báo cáo KTNB theo chuyên đề và Báo cáo KTNB năm;
- Kế hoạch hoạt động của Ban KTNB năm 2022.
- Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ các hoạt động chuyên môn của Ủy ban Kiểm toán;
- Ủy ban Kiểm toán báo cáo các kết quả giám sát, hoạt động định kỳ và các vấn đề phát sinh đột xuất tại các cuộc họp HĐQT.

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với Ban điều hành

Ủy ban Kiểm toán thực hiện giám sát thông qua:

- Trực tiếp tham gia các cuộc họp HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Ban điều hành;
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Giám đốc các phòng/ban chuyên môn trong việc xây dựng hệ thống văn bản quản trị nội bộ tại GELEX;
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Ban KTNB.

Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán và HĐQT, Ban điều hành

- Ủy ban Kiểm toán phối hợp thường xuyên với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành trong khuôn khổ thực hiện chức năng của mình theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán;

2.2 Kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Giám sát Báo cáo tài chính và dịch vụ kiểm toán độc lập

- Ủy ban Kiểm toán thông qua giao việc cho Ban KTNB, thực hiện việc giám sát lập BCTC riêng và hợp nhất tại GELEX. Ban KTNB thực hiện rà soát song song trong quá trình lập BCTC, tập trung vào các giao dịch và thay đổi chính sách, ước tính kế toán trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC.
- Ủy ban Kiểm toán đã xem xét BCTC các quý và cả năm 2021, đồng thời nhất trí với ý kiến của Kiểm toán độc lập, theo đó:
 - BCTC 2021 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành;
 - Không có giao dịch bất thường với các bên liên quan đáng lưu ý;
 - Không có thay đổi đáng kể trong chính sách kế toán, ước tính kế toán;
 - Không có gian lận hoặc sai sót trọng yếu;
 - Không có biến động bất thường đối với doanh thu và lợi nhuận.

- Đơn vị Kiểm toán độc lập (Deloitte) đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với GELEX, đáp ứng các yêu cầu, trong đó:
 - Đảm bảo về tính trung thực, hợp lý của BCTC;
 - Tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định;
 - Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

- Kết hợp việc quản lý rủi ro và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ thông qua việc thực hiện và hoàn thành kế hoạch KTNB năm 2021;
- Tư vấn cho Ban điều hành trong việc rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, quy trình tác nghiệp, từ đó hạn chế các rủi ro và tăng cường cơ chế kiểm soát hiệu quả hoạt động của các phòng/ban và các hoạt động thường xuyên;
- Ban điều hành đã thực hiện kết hợp các biện pháp thích ứng linh hoạt phòng ngừa rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid - 19 phức tạp, giúp đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn; đồng thời vẫn đạt kết quả kinh doanh, lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra;
- Quản lý các vấn đề pháp lý và rủi ro pháp lý được thực hiện hiệu quả. Trong năm 2021, GELEX không phát sinh các rủi ro pháp lý trọng yếu;
- Các rủi ro trọng yếu được phát hiện thông qua hoạt động KTNB đã được UBKT thông báo tới Ban điều hành, HĐQT để thực hiện chỉ đạo các biện pháp khắc phục kịp thời.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. ỦY BAN KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ

- Không phát hiện các giao dịch bất thường với người có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ phát sinh trong năm 2021;
- Các giao dịch với người có liên quan đã được công bố tuân thủ theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Giám sát Ban kiểm toán nội bộ (KTNB) và hoạt động kiểm toán nội bộ

- Ban KTNB đã đệ trình Quy chế KTNB và Quy trình KTNB, được phê duyệt lần lượt tại các Nghị quyết số 10/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 14/4/2021 và 31/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 20/7/2021 của HĐQT GELEX, từ đó đảm bảo khung hành lang pháp lý và cơ chế để Ban KTNB thực hiện chức năng nhiệm vụ đã được quy định;
- Đặc điểm tổ chức và hoạt động KTNB tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chức năng của KTNB tại GELEX:
 - Ban KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán kiểm soát chất lượng hoạt động của Ban KTNB thông qua quy chế, quy trình KTNB và cơ chế nhận báo cáo về mặt chuyên môn, giám sát thực hiện kế hoạch kiểm toán năm;
 - Cơ cấu Ban KTNB trực thuộc Ủy ban Kiểm toán đảm bảo sự độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện hoạt động KTNB;

- Chức năng KTNB hoạt động hữu hiệu và phù hợp với các quy định pháp luật hướng dẫn của Nhà nước về hoạt động KTNB, tiệm cận với các phương pháp KTNB theo thực tiễn tốt nhất và chuẩn mực quốc tế.
- Các thành viên Ban KTNB đảm bảo đủ năng lực chuyên môn theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP về Kiểm toán nội bộ và theo quy định tại Quy chế KTNB GELEX. Công tác nâng cao năng lực cho người làm KTNB được chú trọng, trong đó 2/3 thành viên ban KTNB đã có Chứng chỉ Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ - Certified Internal Auditor (CIA).
 - Ban KTNB đã hoàn thành kế hoạch KTNB năm 2021 và thực hiện Báo cáo KTNB năm 2021 gửi Ủy ban Kiểm toán và HĐQT. Một số hoạt động chính cụ thể như sau:
 - Kiện toàn tổ chức Ban KTNB;
 - Hỗ trợ các phòng ban hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, quy trình hoạt động tại GELEX;
 - Hỗ trợ Công ty thành viên (“CTTV”) nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, KTNB thông qua hoạt động đào tạo và tư vấn;
 - Thực hiện kiểm toán theo chuyên đề;
 - Tư vấn và hỗ trợ UBKT trong quá trình lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập.
- Ủy ban Kiểm toán giám sát chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ, tư vấn và các vấn đề chuyên môn khác của Ban KTNB thông qua các cuộc họp

UBKT định kỳ hàng quý, cuộc họp trao đổi chuyên môn đột xuất, từ đó đưa ra các chỉ đạo, góp ý kịp thời, đảm bảo hoạt động hiệu quả của Ban KTNB.

Các báo cáo KTNB theo chuyên đề đạt chất lượng. Các kiến nghị quan trọng được đơn vị tiếp nhận và lên kế hoạch khắc phục.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: đồng

Thù lao theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông	Năm 2021
Thù lao	7.860.000.000
Nguyễn Hoa Cương	2.460.000.000
Nguyễn Trọng Hiền	2.400.000.000
Võ Anh Linh	1.440.000.000
Đậu Minh Lâm	840.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	240.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	240.000.000
Lương Thanh Tùng	240.000.000
Thu nhập khác	1.319.556.555
Nguyễn Hoa Cương	125.111.111
Nguyễn Trọng Hiền	475.112.111
Võ Anh Linh	465.111.111
Đậu Minh Lâm	4.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	125.111.111
Lương Thanh Tùng	125.111.111
Lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc	2.371.111.111
Nguyễn Văn Tuấn	2.371.111.111

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Trong năm 2021 người nội bộ và người có liên quan đã thực hiện một số giao dịch cổ phiếu theo chi tiết tại **Phụ lục 3 (trang 200)**.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ được nêu chi tiết tại **Phụ lục 4 (trang 202)**.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Nội dung giao dịch
15.	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Tổ chức có liên quan tới người có liên quan của Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	GELEX cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các tiện ích kèm theo cho VIX; VIX cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn phát hành, đại lý phát hành và các dịch vụ chứng khoán khác cho GELEX, THIBIDI, Hạ Tầng GELEX, GELEX Electric, CADIVI, CFT.

4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GELEX tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, bao gồm các quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán. Một số quy định về quản trị công ty đã được tuân thủ đầy đủ có thể kể đến như sau:

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; công bố thông tin tài liệu ĐHĐCĐ đầy đủ, đúng hạn.
- Đáp ứng đủ số lượng thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành.
- Thành viên HĐQT chỉ đồng thời là thành viên HĐQT tối đa tại 05 công ty khác.
- Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
- Số lượng cuộc họp HĐQT là 07 cuộc họp trong năm 2021.
- Công ty thành lập Ủy ban Kiểm toán với số lượng thành viên và cơ cấu thành viên đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
- Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, quy chế kiểm toán nội bộ theo đúng quy định.
- Các giao dịch với bên có liên quan được thông qua đúng cấp thẩm quyền và công bố thông tin đầy đủ, phản ánh các giao dịch này tại Báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình quản trị công ty.

CHƯƠNG

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hướng tới môi trường	90
Chính sách với Người lao động	91
Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội	92
Hài hoà lợi ích giữa Doanh nghiệp, Khách hàng, Cổ đông và Đối tác	93



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



GELEX xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên 05 yếu tố chính bao gồm: Môi trường Người lao động – Xã hội – Khách hàng – Cổ đông và Đối tác. Các kế hoạch đầu tư và phát triển của GELEX đều hướng tới hài hòa lợi ích và đem lại giá trị tốt nhất cho các bên liên quan.

GELEX là doanh nghiệp có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng khắp cả nước trong 02 lĩnh vực có nhiều ảnh hưởng đến môi trường và xã hội là Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng. Do đó phát triển bền vững luôn là mục tiêu quan trọng mà Tập đoàn hướng tới trong mọi chiến lược, hoạt động bên cạnh mục tiêu về hiệu quả kinh tế.

1. HƯỚNG TỚI MÔI TRƯỜNG

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề nhất do biến đổi khí hậu. Tại hội nghị lần thứ 26 Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (COP26) vừa qua, Chính phủ Việt Nam

đưa ra cam kết giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050, giảm 30% lượng phát thải khí metan gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2030.

GELEX nhận thức được môi trường là vấn đề lớn hiện nay và doanh nghiệp cần có trách nhiệm chung tay với Chính phủ giải quyết vấn đề môi trường và đạt được các mục tiêu như cam kết tại COP26.

Trước tiên, GELEX và các đơn vị thành viên cam kết tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật liên quan đến vận hành nhà máy sản xuất, khu công nghiệp như quy định về phát thải, quy định về kiểm soát nguyên liệu, tiết kiệm nguyên liệu, tiết kiệm tài nguyên nước.

Ngoài ra, trong từng mảng hoạt động, GELEX có những chiến lược và hành động cụ thể để bảo vệ môi trường, từ việc tập trung đầu tư phát triển năng lượng sạch cho đến cải tiến công nghệ tiết kiệm nguyên vật liệu và cải tiến sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường.

○ Đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị điện:

- Đầu tư nhà máy, dây chuyền sản xuất hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế để giảm thiểu phát thải và giảm tiêu hao năng lượng, giảm thiểu tiêu hao, lãng phí nguyên vật liệu đầu vào.
- Nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm xanh thân thiện môi trường, tiết kiệm tiêu thụ điện năng.

○ Đối với lĩnh vực phát điện: đẩy mạnh đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gồm điện gió, điện mặt trời, thủy điện. Tập đoàn hiện đang sở hữu và vận hành các dự án năng lượng tái tạo với tổng công suất hơn 260 MW. Trong thời

gian tới, lĩnh vực năng lượng tái tạo tiếp tục là ưu tiên đầu tư của GELEX và các đơn vị thành viên.

○ Đối với lĩnh vực sản xuất vật liệu:

- Hướng đến sử dụng nhiên liệu sạch trong sản xuất như khí thiên nhiên, LPG Đồng thời, hầu hết các nhà máy được đặt tại các khu công nghiệp tập trung, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường, hạn chế tối đa phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm thân thiện môi trường, tận dụng dụng các nguyên vật liệu tái chế.

○ Đối với lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp: triển khai đầu tư đồng bộ hạ tầng, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường.

2. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Lãnh đạo GELEX xác định chất lượng nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi tạo nên sự thành công và phát triển bền vững của Tập đoàn. Do đó, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực luôn là trọng tâm được ưu tiên hàng đầu. GELEX và các công ty thành viên thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm nhằm phát triển và nâng cao năng lực cho Người lao động.

Chính sách lương, thưởng tại GELEX hướng đến mục tiêu động viên, khuyến khích Người lao động làm việc và gắn bó với Tập đoàn. Bên cạnh các khoản lương, phụ cấp, chính sách thưởng theo hiệu quả công việc, chính sách thưởng các dịp Lễ Tết, khen

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)

thường thành tích xuất sắc... được áp dụng đã tạo động lực cho các cán bộ nhân viên (CBNV) tận tâm với công việc và phát huy năng lực. Ngoài ra, GELEX cũng xây dựng chính sách cổ phiếu thưởng (ESOP) nhằm thu hút nhân tài và tạo động lực gắn bó của những nhân sự chủ chốt.

Các quy định của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền lợi cho Người lao động luôn được GELEX thực hiện đầy đủ. Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc, Tập đoàn đã trang bị cho các CBNV gói bảo hiểm sức khỏe toàn diện.

Khi đại dịch Covid-19 bùng phát, Tập đoàn đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp phòng dịch và bảo đảm sức khỏe Người lao động như điều chỉnh thời gian làm việc linh hoạt, khử khuẩn văn phòng làm việc định kỳ, tặng thuốc và các vật phẩm y tế cần thiết... Quyền lợi, thu nhập và sức khỏe của Người lao động luôn được đảm bảo trong điều kiện đại dịch diễn biến phức tạp.

Các hoạt động ngoại khóa nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, góp phần tăng cường tinh thần gắn kết trong Tập đoàn liên tục được triển khai trong năm.

3. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Đóng góp cho công tác phòng chống dịch Covid-19 Ngay từ khi dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam, Tập đoàn GELEX và các công ty thành viên đã xác định trách nhiệm đóng góp sức mình cùng với Chính phủ và các bộ ban ngành để bảo vệ sức khỏe cộng đồng và cùng cả nước sớm vượt qua

đại dịch. Điều đó được thể hiện bằng những đóng góp thiết thực về tài chính, trang thiết bị y tế cho lực lượng tuyến đầu chống dịch tại các Bệnh viện nhiệt đới Trung ương và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương với tổng mức đóng góp gần 10 tỷ đồng.

Tháng 5/2021, hưởng ứng chiến dịch Vắc xin của Chính phủ nhằm đẩy lùi dịch bệnh, đưa cuộc sống trở lại bình thường, GELEX đã ủng hộ 30 tỷ đồng vào Quỹ Vắc xin phòng chống Covid-19. Các công ty trong tập đoàn như CADIVI, THIBIDI, HEM, EMIC, Viglacera ... cũng có những đóng góp vật chất thiết thực cho công tác phòng chống dịch của các địa phương tại địa bàn hoạt động của từng công ty. Tổng giá trị đóng góp cho công tác phòng chống dịch của cả Tập đoàn trong năm 2021 là hơn 60 tỷ đồng.

Sản phẩm hướng đến xã hội

Viglacera – Công ty thành viên của GELEX đã phát triển các sản phẩm bất động sản nhà ở xã hội hướng về người thu nhập thấp, công nhân tại các khu công nghiệp. Các công trình này được được Chính phủ, Bộ Xây Dựng đánh giá cao và trao tặng nhiều giải thưởng, như Khu nhà ở xã hội tại Khu đô thị Đặng Xá - Hà Nội, các khu nhà ở công nhân, nhà thu nhập thấp tại các Khu công nghiệp của Viglacera tại Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thái Bình ...

Trách nhiệm xã hội tại các địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, GELEX và các đơn vị thành viên luôn thể hiện trách nhiệm xã hội tại các địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động kinh doanh như: tạo



công ăn việc làm cho lao động địa phương, đóng góp vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và sự phát triển kinh tế của địa phương, quan tâm chăm lo đóng góp cho những gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người nghèo, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại các địa phương...

4. HÀI HÒA LỢI ÍCH GIỮA DOANH NGHIỆP, KHÁCH HÀNG, CỔ ĐÔNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC

GELEX luôn chú trọng mục tiêu hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan trong chuỗi giá trị của doanh nghiệp, bao gồm Khách hàng, Cổ đông và Đối tác.

Khách hàng

Để hướng tới sự hài lòng của khách hàng, GELEX không ngừng đổi mới nhằm đem lại sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt và giá thành hợp lý. Để đạt được điều này, Tập đoàn chú trọng thực hiện ba chủ trương lớn, bao gồm:

- Đầu tư mở rộng hệ thống nhà máy, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại;

- Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đối phó với thách thức mới;
- Chuẩn hóa các quy trình và áp dụng các công cụ hiện đại vào quản trị (phần mềm quản trị SAP ERP, văn phòng điện tử...) nhằm tối ưu hóa các nguồn lực.

Cổ đông và Đối tác

Một trong những giá trị cốt lõi tạo nên thương hiệu GELEX đối với cổ đông và đối tác là sức mạnh đến từ uy tín. GELEX luôn cam kết làm những gì mình nói và nói những gì mình làm. Điều này được khẳng định rất rõ trong năm 2021 khi GELEX đã hoàn thành xuất sắc những kế hoạch lớn được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Bên cạnh đó, chính sách cổ tức được thực hiện linh hoạt và hợp lý tùy tình hình từng năm nhằm mục đích vừa đem lại lợi ích cho cổ đông, vừa đảm bảo nguồn lực cho kế hoạch tái đầu tư phát triển của GELEX trong tương lai.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

4. HÀI HÒA LỢI ÍCH GIỮA DOANH NGHIỆP, KHÁCH HÀNG, CỔ ĐÔNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC (TIẾP THEO)

Top Doanh nghiệp niêm yết có năng lực Quản trị và năng lực cạnh tranh tốt nhất năm 2021

Với những nỗ lực trong kinh doanh và quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững, GELEX được vinh danh với hai giải thưởng là Top doanh nghiệp niêm yết có năng lực cạnh tranh tốt nhất và Top 10 Doanh nghiệp niêm yết có năng lực Quản trị tốt nhất năm 2021 tại chương trình “Đánh giá Năng lực hoạt động Doanh nghiệp - Vietnam Best Companies” do Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp (INBUS), Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hội các Nhà Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam (VACD) triển khai.

Trong bối cảnh Covid-19 ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh, các giải thưởng này là sự khẳng định của GELEX cho chiến lược phát triển bền vững giúp tạo dựng uy tín, vị thế vững chắc trên thị trường đem lại giá trị cho Đối tác, Cổ đông và Khách hàng.



CHƯƠNG

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban tổng Giám đốc	98
Báo cáo kiểm toán độc lập	100
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	102
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	106
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	108
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	110



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch (Thành viên độc lập)
Ông Lương Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Võ Anh Linh	Thành viên độc lập
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Ủy ban Kiểm toán

Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 68, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.803.333.350.042	13.071.023.654.906
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.906.107.815.875	1.559.239.675.695
1. Tiền	111		3.447.691.649.096	1.128.453.803.746
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.458.416.166.779	430.785.871.949
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	7.373.702.346.881	1.751.266.439.506
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.053.593.032.908	1.617.326.377.863
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(17.500.698.920)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		337.610.012.893	133.940.061.643
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.067.886.998.302	6.261.469.977.933
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.856.064.637.120	4.104.680.173.122
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	758.150.098.602	383.029.852.070
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15.448.756.747	14.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	974.897.495.986	1.991.111.903.728
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(536.673.990.153)	(231.351.950.987)
IV. Hàng tồn kho	140	11	11.533.262.402.556	3.236.252.994.646
1. Hàng tồn kho	141		11.665.393.002.869	3.256.609.685.558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(132.130.600.313)	(20.356.690.912)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		922.373.786.428	262.794.567.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	136.244.196.844	38.803.822.867
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		758.621.288.317	199.001.623.077
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	27.508.301.267	24.989.121.182
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.386.013.641.604	14.081.069.004.802
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		304.375.286.415	30.465.035.284
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	304.375.286.415	30.465.035.284
II. Tài sản cố định	220		17.270.356.761.877	5.876.619.871.302
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.284.235.391.976	5.400.467.729.491
o Nguyên giá	222		25.405.419.796.511	9.176.944.183.457
o Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.121.184.404.535)	(3.776.476.453.966)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	276.291.656.613	-
o Nguyên giá	225		330.719.265.460	-
o Giá trị hao mòn lũy kế	226		(54.427.608.847)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	709.829.713.288	476.152.141.811
o Nguyên giá	228		840.468.721.535	533.198.151.956
o Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.639.008.247)	(57.046.010.145)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	2.527.944.095.419	216.246.054.300
o Nguyên giá	231		8.391.776.659.108	296.215.724.512
o Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.863.832.563.689)	(79.969.670.212)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.546.364.907.347	1.131.587.595.528
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	6.546.364.907.347	1.131.587.595.528
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	18	1.783.048.405.915	5.809.360.934.692
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18.1	1.650.702.135.253	5.684.365.533.111
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18.2	133.427.689.404	124.370.401.581
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.183.718.742)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		102.300.000	625.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.953.924.184.631	1.016.789.513.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.234.131.098.626	426.419.574.553
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	32.269.365.935	12.172.947.716
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.250.053.754	-
4. Lợi thế thương mại	269	19	1.681.273.666.316	578.196.991.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		61.189.346.991.646	27.152.092.659.708
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.691.545.386.910	18.936.906.032.823
I. Nợ ngắn hạn	310		22.974.454.819.014	10.831.294.477.533
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	3.691.097.790.104	2.964.515.738.425
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	3.744.537.612.346	302.845.083.321
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	354.367.178.781	123.574.463.689
4. Phải trả người lao động	314		430.668.551.294	171.229.457.012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	1.189.372.955.861	168.377.163.149

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	78.990.532.415	21.977.772.480
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	4.642.923.059.368	2.624.943.927.149
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	8.372.410.191.024	4.328.509.240.283
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	253.502.546.830	76.240.526.352
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		216.584.400.991	49.081.105.673
II. Nợ dài hạn	330		17.717.090.567.896	8.105.611.555.290
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	9.259.078.400	72.620.064.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24	2.779.993.720.672	42.553.655.782
3. Phải trả dài hạn khác	337	25	63.069.650.794	20.519.332.766
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	13.749.732.448.822	7.752.211.494.649
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	587.323.132.250	136.935.268.307
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	307.852.472.251	80.771.739.786
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		219.860.064.707	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.497.801.604.736	8.215.186.626.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	20.447.606.644.553	8.208.689.065.742
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.514.957.930.000	4.882.440.000.000
o Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.514.957.930.000	4.882.440.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		663.218.256.719	13.074.761.451
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		77.388.963.577	77.388.963.577
4. Cổ phiếu quỹ	415		-	(102.997.990.700)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.612.793.537)	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		107.732.443.659	76.059.032.630
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.627.431.111.741	1.900.046.809.522
o Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.588.729.949.351	1.098.341.800.084
o Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.038.701.162.390	801.705.009.438
8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		8.458.490.732.394	1.362.677.489.262
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.194.960.183	6.497.561.143
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		50.194.960.183	6.497.561.143
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		61.189.346.991.646	27.152.092.659.708

Nguyễn Duy Thành An
Người lập biểu

Hoàng Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	28.762.798.502.282	18.086.263.045.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	184.399.867.833	137.550.122.622
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.578.398.634.449	17.948.712.922.436
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	24.205.377.339.050	15.321.523.056.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.373.021.295.399	2.627.189.865.989
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	1.167.963.586.009	697.421.975.278
7. Chi phí tài chính	22	35	1.574.559.377.524	1.119.920.502.681
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.125.042.134.182	766.000.118.220
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	18	229.588.314.575	39.286.013.627
9. Chi phí bán hàng	25	36	887.044.001.805	470.412.298.616
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	1.289.304.525.228	640.854.628.605
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		2.019.665.291.426	1.132.710.424.992
12. Thu nhập khác	31		93.347.906.989	75.510.099.329
13. Chi phí khác	32		56.020.381.979	11.025.161.423
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		37.327.525.010	64.484.937.906
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.056.992.816.436	1.197.195.362.898
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	390.834.119.468	209.712.288.123
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	(200.605.096)	7.831.713.320
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)			1.666.359.302.064	979.651.361.455
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.038.701.162.390	801.705.009.438
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		627.658.139.674	177.946.352.017
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.501	1.425

Nguyễn Duy Thành An
Người lập biểu

Hoàng Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.056.992.816.436	1.197.195.362.898
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại phân bổ	02	2.322.678.045.396	628.468.136.015
Các khoản dự phòng	03	141.579.743.316	1.115.098.520
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.132.022.887	(9.356.729.631)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(886.259.163.966)	(536.170.469.816)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	1.219.003.966.118	766.000.118.220
Các khoản điều chỉnh khác	07	75.000.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.937.127.430.187	2.047.251.516.206
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.046.024.611.951	(1.582.989.573.514)
Tăng hàng tồn kho	10	(3.643.526.266.389)	(112.091.304.087)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.228.526.794.384	1.739.557.327.845
Tăng chi phí trả trước	12	(102.818.024.796)	(2.832.417.029)
Tăng chứng khoán kinh doanh	13	(5.436.266.655.045)	(730.210.577.003)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.082.395.098.524)	(739.113.996.796)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(395.888.726.452)	(223.647.092.296)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.967.132.763
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(64.546.740.662)	(24.566.980.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.513.762.675.346)	373.324.035.285
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.977.289.544.722)	(1.917.448.887.847)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	167.675.101.497	9.362.490.206
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(478.055.405.946)	(95.509.906.601)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	423.080.981.133	50.148.164.380
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	542.282.722.656	(3.454.882.404.923)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.377.097.838.577	2.140.224.897.951
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	168.475.815.917	288.164.994.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.776.732.490.888)	(2.979.940.652.723)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.267.466.985.968	148.136.200.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(299.967.829.249)
3. Tiền thu từ đi vay	33	31.776.688.226.839	21.139.793.091.235
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.965.651.919.300)	(17.694.910.537.694)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(91.113.842.615)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(347.301.005.340)	(47.595.930.511)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.640.088.445.552	3.245.454.993.781
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.349.593.279.318	638.838.376.343
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.559.239.675.695	920.972.296.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.725.139.138)	(570.996.841)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.906.107.815.875	1.559.239.675.695

Nguyễn Duy Thành An
Người lập biểu

Hoàng Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (“Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện, được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBDT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 7 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 10.165 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.055 người).

1.2 Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm tài chính của Tập đoàn là sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng:

- Sản xuất Công nghiệp: sản xuất, kinh doanh thiết bị điện bao gồm dây cáp điện; máy biến áp, động cơ điện; thiết bị điện bao gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-ampe, máy biến dòng; tủ điện và các sản phẩm khác;
- Hạ tầng: sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng; sản xuất,

truyền tải và phân phối điện năng bao gồm thủy điện, điện mặt trời và điện gió; khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch; dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng,...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất kinh doanh được thực hiện theo thời gian triển khai các dự án đầu tư, kinh doanh bất động sản và thông thường hơn 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Mua thêm cổ phần và nắm quyền kiểm soát tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP

Theo Nghị quyết số 06/2021/GELEX-NQ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã hoàn thành mua thêm cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera – CTCP (“Viglacera”) để sở hữu quyền chi phối. Theo đó, Viglacera chính thức trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2021. Tại ngày nắm quyền kiểm soát, tỷ lệ biểu quyết mà Công ty nắm giữ tại Viglacera là 50,21% (tương đương 225.105.680 cổ phiếu VGC) bao gồm cả tỷ lệ lợi ích gián tiếp 19,43% Công ty nắm giữ thông qua Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX - công ty con của Công ty.

Tái cấu trúc tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX

Theo Nghị quyết số 35/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 8 năm 2021 được Hội đồng quản trị phê duyệt, Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (“GELEX Electric”) thông qua việc mua cổ phần chào bán thêm của GELEX Electric theo kế hoạch tái cấu trúc Tập đoàn, qua đó tỷ lệ sở hữu của Công ty tại GELEX Electric giảm từ 99,99% xuống 79,99%.

Ngày 05 tháng 10 năm 2021, Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX đã nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH Phát điện GELEX (trước đây là Công ty TNHH MTV GELEX Land) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Công ty TNHH Phát điện GELEX là công ty mẹ của hai công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phát điện là Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận và Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX đã nhận chuyển nhượng 113.820.000 cổ phần tương đương 99,06% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Sau đó, Công ty tiếp tục góp thêm 126,3 tỷ VNĐ vào GELEX Quảng Trị và đồng thời nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần còn lại từ các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX tại Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị là 100%. Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị đang thực hiện các thủ

tục để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tên sau khi chuyển đổi của công ty này sẽ là Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị.

Tái cấu trúc tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX

Theo Nghị quyết số 33/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 8 năm 2021 được Hội đồng Quản trị phê duyệt, Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX thông qua việc mua cổ phần chào bán thêm của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX nhằm mục tiêu chuyển toàn bộ cổ phiếu của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Công ty cho Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX sở hữu và quản lý tập trung theo kế hoạch tái cấu trúc, sắp xếp sở hữu vốn giữa các công ty trong cùng Tập đoàn. Tại ngày 06 tháng 10 năm 2021, Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 225.105.680 cổ phiếu, tương đương 50,21% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty Viglacera – CTCP (bao gồm 138.005.680 cổ phiếu tương đương 30,78% do Công ty sở hữu và 87.100.000 cổ phiếu tương đương 19,43% sở hữu bởi Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX - công ty con của Công ty). Theo đó, Tổng Công ty Viglacera – CTCP đã trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("GELEX Hạ tầng") (*)	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	77,58%	99,99%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng, bất động sản
2.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX ("GELEX Electric")	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	79,99%	79,99%	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp (chủ yếu là công nghiệp điện)

(*) Tỷ lệ biểu quyết mà Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX là 99,99%, bao gồm cả tỷ lệ biểu quyết gián tiếp mà Công ty nắm giữ thông qua Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (công ty con mà Công ty sở hữu 79,99% vốn) là 22,416%.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết do Công ty trực tiếp sở hữu cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (*)	Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	6,37%	25,51%	Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi

(*) Tỷ lệ biểu quyết mà Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn là 25,51%, bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết mà Công ty nắm giữ thông qua Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX - công ty con của Công ty là 19,14%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng sở hữu các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác với thông tin cụ thể như sau:

(i) Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("GELEX Hạ tầng")

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Viglacera - CTCP ("Viglacera") (*)	Hà Nội	50,21%	50,21%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	Hòa Bình	62,46%	62,46%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
3.	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng ("Hướng Phùng")	Quảng Trị	99,15%	99,15%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
4.	Công ty Cổ phần Năng Lượng GELEX Đắk Lắk (**)	Đắk Lắk	80,00%	80,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
5.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh (**)	Tây Ninh	98,00%	98,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
6.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng GELEX (**)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

(*) Theo Nghị quyết số 33/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 8 năm 2021, toàn bộ số cổ phần của Viglacera do Công ty nắm giữ và công ty con là GELEX Electric nắm giữ đã được góp vốn vào công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX thông qua việc mua cổ phần chào bán thêm của Hạ tầng GELEX theo kế hoạch tái cấu trúc, sắp xếp sở hữu vốn của Tập đoàn như trình bày tại Thuyết minh số 1.

(**) Các công ty này chưa có doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính do đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty Viglacera - CTCP sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	Bắc Ninh	86,41%	86,41%	Sản xuất và kinh doanh kính
2.	Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	95,02%	95,02%	Khai thác và kinh doanh cát, du lịch, dịch vụ
3.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51,00%	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản
4.	Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	92,82%	92,82%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
5.	Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	59,96%	59,96%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
6.	Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	Hà Nội	76,23%	85,95%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
7.	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	51,07%	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
8.	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
9.	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
10.	Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	96,19%	97,69%	Sản xuất gạch, panel, bê tông khí chưng áp
11.	Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh
12.	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
13.	Công ty Cổ phần Từ Liêm	Hà Nội	55,92%	55,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
14.	Công ty Cổ phần 382 Đông Anh	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
15.	Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hữu Hưng	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
16.	Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera	Hà Nội	76,89%	76,89%	Lập dự án, thiết kế các công trình
17.	Công ty TNHH CHAO - Viglacera	Hà Nội	100%	100%	Dịch vụ, du lịch, nhà hàng
18.	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ - Hưng Yên	Hưng Yên	60,00%	60,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
19.	Công ty ViMariel - CTCP	Cuba	100%	99,90%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
20.	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	65,00%	65,00%	Sản xuất và kinh doanh kính
21.	Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
22.	Công ty Cổ phần Gạch CLINKER Viglacera	Quảng Ninh	50,44%	99,92%	Sản xuất vật liệu xây dựng
23.	Công ty Cổ phần kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	Hà Nội	51,02%	100%	Kinh doanh các sản phẩm gạch Granite
24.	Công ty TNHH MTV Lắp kính dựng Viglacera	Bắc Ninh	86,41%	100%	Sản xuất, kinh doanh kính và các vật liệu thủy tinh
25.	Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc	Hà Tĩnh	57,51%	100%	Sản xuất vật liệu xây dựng
26.	Công ty TNHH Thi công Hạ tầng Viglacera Yên Mỹ	Hưng Yên	60,00%	100%	Đầu tư xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty Viglacera - CTCP sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

(ii) Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX ("GELEX Electric"):

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	Thành phố Hồ Chí Minh	96,35%	96,35%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hà Nội	77,01%	77,01%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	Đồng Nai	85,23%	85,23%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("EMIC")	Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện
6.	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
7.	Công ty TNHH Phát điện GELEX (trước đây là Công ty TNHH MTV GELEX Land)	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các dự án đầu tư trong lĩnh vực phát điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty Viglacera - CTCP sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

(ii.1) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi"):

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(ii.2) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"):

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power ("G-Power")	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

(ii.3) Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi"):

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh ("MEE")	Hà Nội	51%	51%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

(ii.4) Công ty TNHH Phát điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện
2.	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	Ninh Thuận	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(ii.5) Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Mirai Quảng Trị (*)	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió

(*) Công ty này chưa bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh chính do đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản

tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông



không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trong trường hợp trước ngày Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3.4 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3.5 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh

theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

3.6 Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài

sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tập đoàn và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

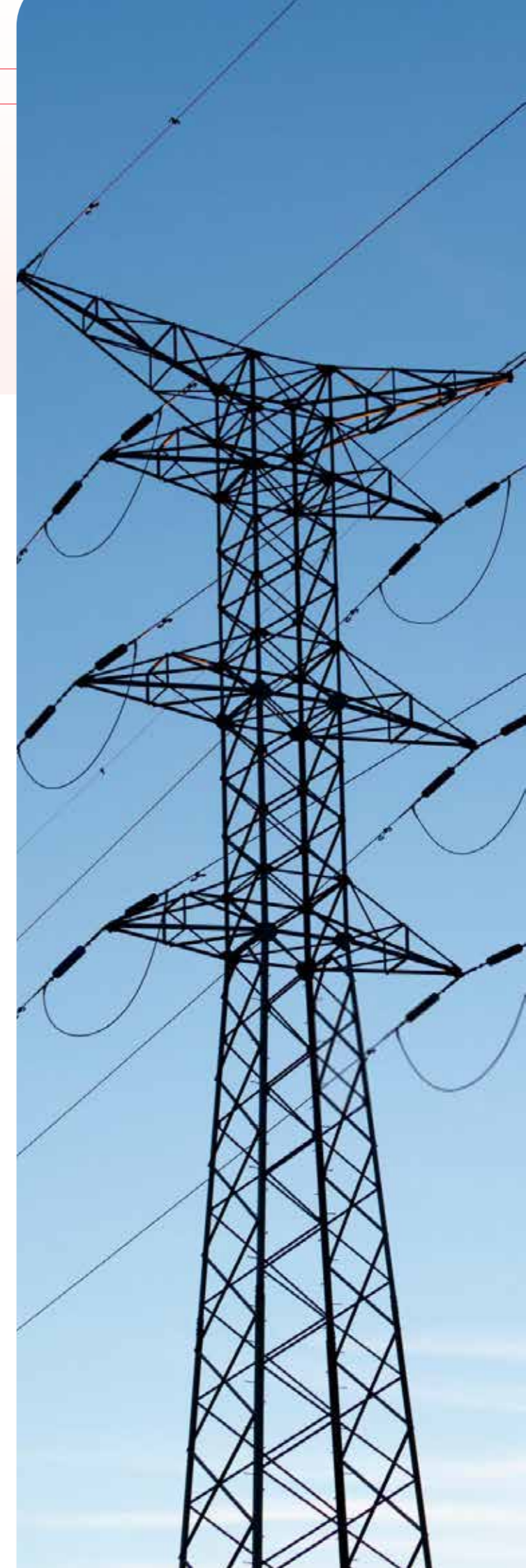
Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tập đoàn tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

3.7 Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Theo các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam, báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn góp chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

- Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.8 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.9 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tập đoàn có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.10 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.11 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác

định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	2 - 17 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Khác	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các năm tài chính nhằm đảm bảo

tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tập đoàn là bên đi thuê

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ

lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Máy móc thiết bị	06 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm

3.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, quyền khai thác mặt nước, giá trị thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, phần mềm máy tính, chi phí đền bù, san lấp mặt bằng, giấy phép và giấy nhượng quyền.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 10 năm đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích hao mòn.

Quyền khai thác mặt nước

Quyền khai thác mặt nước được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị của quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Quyền khai thác mặt nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 36 năm.

Chi phí đền bù, chuẩn bị mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và san lấp mặt bằng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất từ 40 năm đến 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

Giá trị thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền

Giá trị thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 12 năm.

Giấy phép và giấy nhượng quyền

Giấy phép và giấy nhượng quyền thể hiện giá trị quyền khai thác mỏ tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera - công ty con của Công ty và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 11 năm đến 14 năm.

3.15 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và quyền sử dụng đất	05 - 50 năm
Cơ sở hạ tầng	38 - 50 năm

Phần cơ sở hạ tầng tại các dự án khu công nghiệp mà Tập đoàn ghi nhận doanh thu một lần thì Tập đoàn thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.16 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp;
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí trả trước liên quan đến phát hành trái phiếu;
- Chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất (ký kết sau năm 2003) có thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp

Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được đánh giá khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm Viglacera chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình, dự án được phân bổ trong thời gian hoạt động còn lại của các dự án kể từ khi đưa vào vận hành.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ là giá trị các công cụ, dụng cụ phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiều kỳ kế toán

Chi phí trả trước liên quan đến phát hành trái phiếu

Chi phí trả trước liên quan tới trái phiếu bao gồm phí bảo lãnh phát hành trái phiếu, phí dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu và chi phí khác, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

3.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm hạch toán để đảm bảo khi các khoản chi phải trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh ở các năm tiếp theo. Việc ghi nhận chi phí phải trả phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận là khoản hoàn nhập vào chi phí trong năm.

3.19 Trái phiếu phát hành

Tập đoàn phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu (-) Chi phí phát hành trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội sử dụng phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.20 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.22 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty và các công ty con sau khi có Quyết định chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và các công ty con; thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.23 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tập đoàn được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tập đoàn về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.



Doanh thu cho thuê dài hạn bất động sản

Tập đoàn áp dụng quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp về việc ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- (b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- (c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- (d) Tập đoàn cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Tập đoàn thực hiện trích khấu hao của bất động sản đầu tư một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

3.24 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

3.25 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.26 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất,

kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.27 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu

nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế

suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua thêm cổ phần và nắm quyền kiểm soát Tổng Công ty Viglacera - CTCP ("Viglacera")

Tại ngày 06 tháng 4 năm 2021, Tập đoàn đã hoàn thành việc mua thêm 18.567.620 cổ phiếu VGC tương ứng 4,14% vốn góp trong Viglacera và qua đó, nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại Viglacera lên 50,21%. Theo đó, Viglacera đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Viglacera tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị: VND

Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua	
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.386.841.415.673
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.183.831.103.183
Hàng tồn kho	4.351.342.026.067
Tài sản cố định hữu hình	4.863.763.594.744
Tài sản cố định thuê tài chính	210.593.615.968
Tài sản cố định vô hình	244.709.274.819
Bất động sản đầu tư	2.494.336.774.315
Đầu tư vào công ty liên kết	840.849.944.792
Tài sản dở dang dài hạn	3.959.812.725.059
Tài sản khác	969.843.280.480
	20.505.923.755.100
Nợ phải trả	
Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.319.970.742.791
Chi phí phải trả	760.079.568.701
Doanh thu chưa thực hiện	2.834.767.946.227
Vay và nợ thuê tài chính	2.049.700.108.710
Thuế hoãn lại phải trả	387.017.758.490
Phải trả khác	1.330.957.410.637

Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.010.714.538.790
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	44.978.073.398
	11.738.186.147.744
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	8.767.737.607.356
Cổ đông không kiểm soát [b]	4.365.842.868.059
Lợi thế thương mại [c]	1.273.670.182.172
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d=a-b+c]	5.675.564.921.469
Trong đó	
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	56.873.682.749
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	5.618.691.238.720
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ Công ty con	1.386.841.415.673
Tiền chi để mua Công ty con (*)	(678.567.094.602)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	708.274.321.071

(*) Tiền chi để mua Công ty con bao gồm 56.873.682.750 VND là số tiền mua lần cuối để đạt quyền kiểm soát và 621.693.411.853 VND là số tiền chi ở các đợt mua khác trong năm 2021 trước ngày đạt quyền kiểm soát.

Mua thêm cổ phần và nắm quyền kiểm soát Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ ("PFG")

Tại ngày 01 tháng 10 năm 2021, Viglacera đã hoàn thành việc mua thêm 30% vốn góp trong PFG và qua đó, nâng tỷ lệ biểu quyết trong PFG lên 65,00%. Theo đó, PFG đã trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty PFG tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị: VND

Giá trị ghi nhận tại ngày mua	
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	215.663.729.323
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	42.112.457.138
Hàng tồn kho	337.901.442.770
Tài sản ngắn hạn khác	16.459.720.028
Tài sản cố định hữu hình	1.898.177.385.336
Tài sản cố định vô hình	46.429.797
Tài sản dở dang dài hạn	14.727.109.082
Tài sản dài hạn khác	481.500.924.886
	3.060.589.198.360
Nợ phải trả	
Vay và nợ thuê tài chính	1.401.714.015.895
Phải trả ngắn hạn khác	380.862.959.673
	1.782.576.975.568
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	1.278.012.222.792
Cổ đông không kiểm soát [b]	441.921.833.719
Lợi thế thương mại [c]	4.959.610.927
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d=a-b+c]	841.050.000.000

Đơn vị: VND

Giá trị ghi nhận tại ngày mua	
Trong đó:	
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	350.000.000.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	491.050.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	215.663.729.323
Tiền chi để hợp nhất công ty con	(350.000.000.000)
Tổng tiền thuần đã chi từ nghiệp vụ mua	(134.336.270.677)

Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải và các công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX, công ty con của Tập đoàn, đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 88,00% vốn góp (tương ứng với 88,00% tỷ lệ lợi ích) trong Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải với giá chuyển nhượng là 61,6 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp và qua đó, Tập đoàn không còn quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải và các công ty con của Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.352.737.628	13.351.067.237
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.430.948.911.468	1.115.098.573.984
Tiền đang chuyển	390.000.000	4.162.525
Các khoản tương đương tiền (*)	1.458.416.166.779	430.785.871.949
	4.906.107.815.875	1.559.239.675.695

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 2,6%/năm đến 4,6%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu (i)	729.106.336.118	711.605.637.198	(17.500.698.920)	640.877.873.893	713.284.567.000	-
Trái phiếu (ii)	6.324.486.696.790	(iii)	-	976.448.503.970	(iii)	-
	7.053.593.032.908		(17.500.698.920)	1.617.326.377.863		-

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(ii) Tập đoàn phân loại các trái phiếu này là chứng khoán kinh doanh ngắn hạn dựa trên chủ trương kinh doanh ngắn hạn trái phiếu được Ban Tổng Giám đốc Công ty và một số Công ty con xây dựng trước khi thực hiện đầu tư.

(iii) Các trái phiếu doanh nghiệp chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, bên cạnh đó, các quy định hiện hành cũng chưa có hướng dẫn cụ thể nên Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản trái phiếu trên tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	337.610.012.893	-	103.940.061.643	-
Trái phiếu	-	-	30.000.000.000	-
	337.610.012.893	-	133.940.061.643	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng sản xuất kinh doanh thiết bị điện	2.821.156.738.258	3.627.140.322.103
o Công Ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	398.802.923.083	-
o Công ty TNHH Sao Kim BK	398.142.925.700	1.899.760.820.256
o Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	351.680.906.100	220.274.182.776
o Công ty Cổ phần Điện máy Todimax	106.931.121.035	111.446.930.252
o Các khoản phải thu khách hàng khác	1.565.598.862.340	1.395.658.388.819
Phải thu khách hàng sản xuất kinh doanh điện và nước	333.166.407.144	260.008.816.663
o Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	187.796.028.784	-
o Các khoản phải thu khách hàng khác	145.370.378.360	260.008.816.663
Phải thu khách hàng liên quan bán, cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	255.384.267.652	-
Phải thu khách hàng liên quan sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	324.885.606.231	-
Phải thu khách hàng khác	121.471.617.835	217.531.034.356
	3.856.064.637.120	4.104.680.173.122
Trong đó:		
o Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	27.532.039.470	11.104.052.802

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần chế tạo bơm Hải Dương	271.746.176.825	-
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam	49.929.866.912	13.195.201.150
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam	46.818.696.000	5.231.610.000
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Newtecons	20.171.785.190	-
Trả trước cho người bán khác	369.483.573.675	364.603.040.920
	758.150.098.602	383.029.852.070
Trong đó:		
o Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	5.188.768.875	-

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	372.772.476.463	442.241.967.307
Tạm ứng	199.531.590.908	163.405.073.579
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	150.300.706.493	35.130.729.529
Phải thu đặt cọc mua cổ phần	-	1.336.093.950.000
Phải thu khác	252.292.722.122	14.240.183.313
	974.897.495.986	1.991.111.903.728
b. Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất	247.010.264.134	-
Ký cược, ký quỹ	56.870.120.187	30.465.035.284
Phải thu dài hạn khác	494.902.094	-
	304.375.286.415	30.465.035.284
Trong đó:		
o Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	5.550.705.296	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	609.958.009.036	73.284.018.883	536.673.990.153	238.872.080.419	7.520.129.432	231.351.950.987
	609.958.009.036	73.284.018.883	536.673.990.153	238.872.080.419	7.520.129.432	231.351.950.987

(*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng trích lập theo các quy định hiện hành cho các khoản phải thu đó.

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	762.286.557.758	-	337.630.200.379	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.617.216.908.924	(30.202.370.015)	1.406.951.433.680	(4.860.958.049)
Công cụ, dụng cụ	109.885.860.067	(4.396.594.365)	2.746.786.419	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.867.766.671.510	(595.073.794)	429.541.355.784	(5.085.538.788)
Thành phẩm	4.001.349.049.364	(91.275.950.455)	1.032.834.555.113	(5.589.812.086)
Hàng hoá	273.820.861.527	(5.660.611.684)	29.797.157.298	(4.820.381.989)
Hàng gửi đi bán	33.067.093.719	-	17.108.196.885	-
	11.665.393.002.869	(132.130.600.313)	3.256.609.685.558	(20.356.690.912)

Trong năm, dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng 112 tỷ VND trong đó tăng do hợp nhất kinh doanh là 82 tỷ VND và phần ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là 29 tỷ VND (năm 2020 hoàn nhập 381 triệu VND).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.003.773.177	2.432.766.553
Chi phí trả trước liên quan đến trái phiếu phát hành	11.453.726.315	10.630.642.223
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	110.786.697.352	25.740.414.091
	136.244.196.844	38.803.822.867
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	782.100.007.317	282.074.953.217
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	164.313.219.552	59.077.425.114
Tiềm năng phát triển doanh nghiệp	58.763.727.622	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	228.954.144.135	85.267.196.222
	1.234.131.098.626	426.419.574.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.484.907.389.859	4.436.280.801.385	218.988.287.660	36.767.704.553	-	9.176.944.183.457
Tăng trong năm	18.949.507.174	44.165.803.712	7.062.496.454	4.387.265.396	214.450.000	74.779.522.736
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	261.390.306.584	4.841.781.620.148	86.441.673.130	51.180.000	32.897.460.714	5.222.562.240.576
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.418.833.250.222	6.361.254.187.063	277.570.295.925	24.358.382.282	150.288.164.050	11.232.304.279.542
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	16.285.294.833	6.676.080.521	-	-	22.961.375.354
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	(149.302.788.026)	-	-	-	(149.302.788.026)
Thanh lý, nhượng bán	(4.801.667.296)	(135.566.154.127)	(9.206.214.830)	(1.693.719.542)	-	(151.267.755.795)
Phân loại lại	166.688.116	(5.986.261.319)	5.819.573.203	-	-	-
Giảm do phá dỡ làm dự án	(28.019.536.197)	-	-	-	-	(28.019.536.197)
Tăng/(Giảm) khác	(618.499.246)	1.853.283.412	3.195.688.375	158.832.345	(131.030.022)	4.458.274.864
Số dư cuối năm	9.150.807.439.216	15.410.765.787.081	596.547.880.438	64.029.645.034	183.269.044.742	25.405.419.796.511
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	1.772.127.262.091	1.855.293.683.494	124.269.214.742	24.786.293.639	-	3.776.476.453.966
Tăng trong năm	288.474.023.449	610.339.241.049	42.162.619.209	4.792.680.337	11.389.224.808	957.157.788.852
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.448.780.593.754	2.802.665.219.620	181.731.720.819	18.025.475.544	19.160.289.725	4.470.363.299.462
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	9.474.828.167	4.377.208.222	-	-	13.852.036.389
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	(8.799.202.769)	-	-	-	(8.799.202.769)
Thanh lý, nhượng bán	(1.859.102.587)	(52.922.075.818)	(8.609.420.106)	(1.453.783.039)	-	(64.844.381.550)
Phân loại lại	-	(4.929.035.457)	4.929.035.457	-	-	-
Giảm do phá dỡ làm dự án	(28.019.536.197)	-	-	-	-	(28.019.536.197)
Tăng/(Giảm) khác	(109.380.006)	495.547.312	4.583.048.642	143.336.870	(114.606.436)	4.997.946.382
Số dư cuối năm	3.479.393.860.504	5.211.618.205.598	353.443.426.985	46.294.003.351	30.434.908.097	9.121.184.404.535
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	2.712.780.127.768	2.580.987.117.891	94.719.072.918	11.981.410.914	-	5.400.467.729.491
Tại ngày cuối năm	5.671.413.578.712	10.199.147.581.483	243.104.453.453	17.735.641.683	152.834.136.645	16.284.235.391.976

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với giá trị là 1.232 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 988 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	83.372.462.738	7.346.274.839	90.718.737.577
Tăng do hợp nhất kinh doanh	233.106.860.500	28.560.462.936	261.667.323.436
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(16.285.294.833)	(6.676.080.521)	(22.961.375.354)
Khác	206.240.000	1.088.339.801	1.294.579.801
Số dư cuối năm	300.400.268.405	30.318.997.055	330.719.265.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	11.794.758.647	2.575.968.769	14.370.727.416
Tăng do hợp nhất kinh doanh	42.764.224.967	8.309.482.501	51.073.707.468
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(9.474.828.167)	(4.377.208.222)	(13.852.036.389)
Khác	-	2.835.210.352	2.835.210.352
Số dư cuối năm	45.084.155.447	9.343.453.400	54.427.608.847
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	255.316.112.958	20.975.543.655	276.291.656.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mặt nước	Chi phí đền bù, chuẩn bị mặt bằng	Giá trị thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy nhượng quyền	Tổng
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	60.703.338.362	384.184.174.786	-	-	47.988.860.542	40.321.778.266	533.198.151.956
Tăng trong năm	-	-	-	-	21.512.032.650	-	21.512.032.650
Tăng do hợp nhất kinh doanh	164.330.404.786	-	93.259.704.164	12.171.705.697	17.650.623.282	1.517.635.000	288.930.072.929
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(913.536.000)	-	(913.536.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.258.000.000)	-	(2.258.000.000)
Số dư cuối năm	225.033.743.148	384.184.174.786	93.259.704.164	12.171.705.697	83.979.980.474	41.839.413.266	840.468.721.535
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	12.695.602.409	29.720.799.740	-	-	14.125.585.769	504.022.227	57.046.010.145
Tăng trong năm	3.722.473.014	10.783.391.556	1.640.080.347	2.094.226.608	11.483.947.545	2.175.346.441	31.899.465.511
Tăng do hợp nhất kinh doanh	13.190.698.435	-	16.729.625.512	7.157.028.296	6.018.829.945	1.078.186.125	44.174.368.313
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(222.835.722)	-	(222.835.722)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.258.000.000)	-	(2.258.000.000)
Số dư cuối năm	29.608.773.858	40.504.191.296	18.369.705.859	9.251.254.904	29.147.527.537	3.757.554.793	130.639.008.247
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	48.007.735.953	354.463.375.046	-	-	33.863.274.773	39.817.756.039	476.152.141.811
Tại ngày cuối năm	195.424.969.290	343.679.983.490	74.889.998.305	2.920.450.793	54.832.452.937	38.081.858.473	709.829.713.288

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	189.243.286.215	106.972.438.297	296.215.724.512
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.714.074.718.607	5.435.158.831.903	7.149.233.550.510
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.078.756.134.498	1.078.756.134.498
Giảm do chuyển mục đích sử dụng	(132.428.750.412)	-	(132.428.750.412)
Số dư cuối năm	1.770.889.254.410	6.620.887.404.698	8.391.776.659.108
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	24.759.588.053	55.210.082.159	79.969.670.212
Khấu hao trong năm	41.374.317.645	1.103.603.302.120	1.144.977.619.765
Tăng do hợp nhất kinh doanh	362.004.481.377	4.292.892.294.818	4.654.896.776.195
Giảm do chuyển mục đích sử dụng	(16.011.502.483)	-	(16.011.502.483)
Số dư cuối năm	412.126.884.592	5.451.705.679.097	5.863.832.563.689
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	164.483.698.162	51.762.356.138	216.246.054.300
Tại ngày cuối năm	1.358.762.369.818	1.169.181.725.601	2.527.944.095.419

Bất động sản đầu tư bao gồm Tòa nhà GELEX Tower (phần diện tích cho thuê) và máy móc, thiết bị gắn liền với tòa nhà Tòa nhà 17 tầng Viglacera; nhà xưởng và quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng của các dự án khu công nghiệp: Tiên Sơn, Yên Phong, Yên Phong mở rộng, Đông Mai, Hải Yên, Phú Hà, Đông Văn IV và Tiền Hải - Thái Bình và các dự án khu đô thị: Nhà ở xã hội để cho thuê D15, D16 Đặng Xá, 671 Hoàng Hoa Thám, Khu đô thị Đặng Xá, Ngã 6 Bắc Ninh giai đoạn 1, Nhà thấp tầng Đại Mỗ, Nhà thấp tầng Tây Mỗ, Nhà OCT2 Xuân Phương và các dự án khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31

tháng 12 năm 2021 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 5.016 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,4 tỷ VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

17. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khu Công nghiệp Yên Phong II-C	929.595.928.553	-
Khu công nghiệp Yên Mỹ	913.776.440.065	-
Dự án nâng cấp Dây chuyền 1 Nhà máy Viglacera Eurotile	644.300.426.930	-
Giai đoạn 2 - Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông	559.224.380.745	136.242.245.166
Dự án Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng	476.296.805.332	-
Dự án Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn 1	399.619.644.653	-
Dự án xây dựng văn phòng khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	306.464.567.287	28.631.696.564
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.443.482.364	127.443.482.364
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.189.643.231.418	839.270.171.434
	6.546.364.907.347	1.131.587.595.528

(*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m² tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam – Công ty con đã tạm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	21,55%	35,00%	27,05%	35,00%
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	16,98%	24,90%	22,38%	24,95%
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	(i)	(i)	46,07%	46,07%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn	24,65%	25,51%	25,51%	25,51%
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	14,39%	30,00%	(ii)	(ii)
Công ty SanVig- CTCP	10,28%	50,00%	(ii)	(ii)
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	9,68%	40,00%	(ii)	(ii)
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ long II	9,68%	40,00%	(ii)	(ii)
Công ty Cổ phần Gạch ngói Viglacera Từ Sơn	11,96%	24,93%	(ii)	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	11,99%	25,00%	(ii)	(ii)
Công ty Cổ phần Gạch chịu lửa Cầu Đường	11,99%	25,00%	(ii)	(ii)
Công ty Cổ phần Vinafacade	8,64%	20,86%	(ii)	(ii)
Công ty Cổ phần Magno GMHB	10,97%	30,00%	(ii)	(ii)
Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	(i)	(i)	(ii)	(ii)

(i) Trong năm, Công ty đã mua thêm cổ phần và nắm quyền kiểm soát tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP và Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ gián tiếp thông qua Tổng Công ty Viglacera – CTCP (Xem Thuyết minh số 4).

(ii) Đây là các Công ty liên kết của Tổng Công ty Viglacera – CTCP tại thời điểm đầu năm. Các Công ty này trở thành Công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ thời điểm Công ty mua thêm cổ phần và nắm quyền kiểm soát tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo):

Chi tiết các khoản đầu tư và công ty liên kết như sau:

Đơn vị: VND

	Số đầu năm	Mua thêm vốn góp	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	Phân phối Quý và điều chỉnh khác	Cổ tức được chia trong kỳ	Chuyển thành công ty con	Số cuối năm
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	284.222.151.407	-	-	(7.377.971.193)	-	-	-	276.844.180.214
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	526.399.854.009	-	-	26.250.719.686	(3.629.363.509)	(12.132.205.500)	-	536.889.004.686
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.657.966.079.489	-	-	127.714.038.817	(7.439.853.955)	-	(4.778.240.264.351)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn	215.777.448.206	-	-	2.497.870.175	-	-	-	218.275.318.381
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	-	-	294.612.434.422	80.317.013.700	-	-	-	374.929.448.122
Công ty SanVig - CTCP	-	5.305.671.857	125.816.095.024	6.417.063.600	-	(277.507.369)	-	137.261.323.112
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	-	-	60.602.550.848	6.599.421.991	-	(2.000.000.000)	-	65.201.972.839
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ long II	-	-	28.174.899.670	(5.029.554.260)	-	-	-	23.145.345.410
Công ty Cổ phần Gạch ngói Viglacera Từ Sơn	-	-	9.365.311.331	(1.111.561.467)	-	-	-	8.253.749.864
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	-	-	6.933.007.665	324.516.604	-	(300.000.000)	-	6.957.524.269
Công ty Cổ phần Gạch chịu lửa Cầu Đuống	-	-	2.279.148.402	(470.445.046)	-	-	-	1.808.703.356
Công ty Cổ phần Vinafacade	-	-	909.380.000	-	-	-	-	909.380.000
Công ty Cổ phần Magno GMHB	-	-	226.185.000	-	-	-	-	226.185.000
Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	-	-	311.930.932.430	19.236.132.301	-	-	(331.167.064.731)	-
	5.684.365.533.111	5.305.671.857	840.849.944.792	255.367.244.908	(11.069.217.464)	(14.709.712.869)	(5.109.407.329.082)	1.650.702.135.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Viwaco	120.734.325.759	155.506.680.000	121.009.720.280	127.979.100.000
Công ty Cổ phần Visaho	5.400.000.000	(*)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	5.081.812.000	2.178.670.000	4.947.963.900
Công ty Cổ phần phát triển và kinh doanh nhà Vĩnh Phúc	1.305.017.929	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Cầu Xây	1.184.497.242	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	(*)	1.057.011.301	(*)
Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô	590.000.000	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Viglacera Delta	500.000.000	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Viglacera Land	353.167.173	(*)	-	-
Công ty Vinaconex Dung Quất	125.000.000	(*)	125.000.000	-
	133.427.689.404	124.370.401.581		

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(*) Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị: VND

	Lợi thế thương mại
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	799.038.642.731
Tăng do mua công ty con	1.278.629.793.099
Số cuối năm	2.077.668.435.830
PHÂN BỐ LŨY KẾ	
Số đầu năm	220.841.651.304
Phân bổ trong năm	175.553.118.210
Số cuối năm	396.394.769.514
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	578.196.991.427
Tại ngày cuối năm	1.681.273.666.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả người bán sản xuất kinh doanh thiết bị điện	2.187.923.026.813	2.187.923.026.813	2.811.762.285.903	2.811.762.285.903
o LS Nikko Cooper Inc	1.369.892.556.670	1.369.892.556.670	2.060.986.873.312	2.060.986.873.312
o Phải trả các người bán khác	818.030.470.143	818.030.470.143	750.775.412.591	750.775.412.591
Phải trả người bán sản xuất kinh doanh điện và nước	195.069.585.793	195.069.585.793	128.808.738.967	128.808.738.967
Phải trả người bán liên quan bán, cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	421.353.761.247	421.353.761.247	-	-
Phải trả người bán liên quan sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	881.088.049.055	881.059.458.519	-	-
Phải trả người bán khác	5.663.367.196	5.663.367.196	23.944.713.555	23.944.713.555
	3.691.097.790.104	3.691.069.199.568	2.964.515.738.425	2.964.515.738.425
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	87.104.209.622	87.104.209.622	8.606.526.446	8.606.526.446
Phải trả người bán dài hạn				
Phải trả người bán sản xuất kinh doanh thiết bị điện	9.259.078.400	9.259.078.400	72.620.064.000	72.620.064.000
	9.259.078.400	9.259.078.400	72.620.064.000	72.620.064.000
Trong đó:				
Phải trả người bán dài hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	9.259.078.400	9.259.078.400	72.620.064.000	72.620.064.000

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước sản xuất kinh doanh thiết bị điện	364.964.101.461	300.673.041.009
Người mua trả tiền trước sản xuất kinh doanh điện và nước	-	1.978.063.955
Người mua trả tiền trước liên quan bán, cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	3.312.226.335.249	-
Người mua trả tiền trước liên quan Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	41.954.449.747	-
Người mua trả tiền trước khác	25.392.725.889	193.978.357
	3.744.537.612.346	302.845.083.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Tăng/(giảm) do hợp nhất kinh doanh	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	37.429.697.428	1.967.231.983.963	1.894.980.063.687	(14.890.797.555)	6.016.877.330	100.807.697.479
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	22.861.440	-	112.971.690.988	113.163.172.238	(294.358.705)	508.701.395	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.954.537.612	64.870.148.991	390.834.119.468	395.888.726.452	87.870.523.069	13.221.768.603	139.953.296.067
Thuế Thu nhập cá nhân	-	4.737.312.500	55.684.692.323	54.691.174.900	2.841.958.152	5.003.728.058	13.576.516.133
Thuế Tài nguyên	-	2.465.415.790	30.730.146.231	31.685.410.466	1.992.934.692	-	3.503.086.247
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	3.869.259.241	-	82.904.799.042	79.930.335.402	12.525.467.964	2.479.513.876	14.110.186.239
Các loại thuế khác	142.462.889	298.421.078	13.054.921.021	17.083.106.794	20.138.744.082	128.505.005	16.395.021.503
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.773.467.902	23.075.214.517	25.142.077.556	54.165.563.249	149.207.000	66.021.375.113
	24.989.121.182	123.574.463.689	2.676.487.567.553	2.612.564.067.495	164.350.034.948	27.508.301.267	354.367.178.781
Trong đó:							
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	24.989.121.182						27.508.301.267
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		123.574.463.689					354.367.178.781

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí các dự án, công trình xây dựng	863.321.679.432	-
Chi phí lãi vay	165.968.080.523	123.321.044.865
Chi phí phải trả khác	160.083.195.906	45.056.118.284
	1.189.372.955.861	168.377.163.149
Trong đó:		
o Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	1.160.000.000	3.576.733.333

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng, bất động sản	60.330.436.500	6.843.075.232
Lãi bán hàng trả chậm	18.660.095.915	15.134.697.248
	78.990.532.415	21.977.772.480
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng, bất động sản	2.779.993.720.672	42.553.655.782
	2.779.993.720.672	42.553.655.782

25. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị: đồng

	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	
Phải trả ngân hàng liên quan đến thư tín dụng (LC)	3.998.670.006.366
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	408.647.249.913
Các khoản phải trả, phải nộp khác	235.605.803.089
	4.642.923.059.368
b. Dài hạn	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	63.069.650.794
	63.069.650.794
Trong đó:	
o Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	125.926.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Giá trị	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất kinh doanh/(Giảm do thoái vốn công ty con)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (i)	3.555.209.529.182	3.555.209.529.182	1.401.190.712.510	24.966.144.872.765	23.189.181.758.288	6.733.363.356.169	6.733.363.356.169
Vay ngân hàng	3.118.535.679.588	3.118.535.679.588	1.458.010.712.510	23.110.378.871.932	20.993.269.368.711	6.693.655.895.319	6.693.655.895.319
Vay đối tượng khác	436.673.849.594	436.673.849.594	(56.820.000.000)	1.855.766.000.833	2.195.912.389.577	39.707.460.850	39.707.460.850
Nợ dài hạn đến hạn trả	773.299.711.101	773.299.711.101	235.829.905.386	2.042.738.774.033	1.412.821.555.665	1.639.046.834.855	1.639.046.834.855
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	224.061.344.168	224.061.344.168	235.829.905.386	1.073.364.883.056	411.821.555.665	1.121.434.576.945	1.121.434.576.945
Trái phiếu đến hạn thanh toán	549.238.366.933	549.238.366.933	-	969.373.890.977	1.001.000.000.000	517.612.257.910	517.612.257.910
	4.328.509.240.283	4.328.509.240.283	1.637.020.617.896	27.008.883.646.798	24.602.003.313.953	8.372.410.191.024	8.372.410.191.024

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo bên cho vay:

Đơn vị: VND

Đơn vị: VND

Bên cho vay	Số dư cuối năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.892.999.628.803
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.121.646.861.823
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	923.277.032.740
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	433.937.625.085
Ngân hàng TMCP Quân đội	379.530.049.858
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	354.035.556.572
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	244.106.037.393
Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK TP Hồ Chí Minh	230.000.000.000
Ngân hàng MayBank	186.318.033.742
Ngân hàng Cathay United Bank	182.048.052.831
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	143.431.924.446
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	120.704.729.773

Bên cho vay	Số dư cuối năm
Ngân hàng Siam Commercial Bank Public Company Limited	117.324.711.219
Ngân hàng Bangkok Bank	112.500.000.000
Ngân hàng Bank Sinopac Việt Nam	56.499.769.565
Ngân hàng Quốc tế	43.296.320.667
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	39.979.361.839
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	39.426.101.068
Ngân hàng TNHH Chinatrust Commercial	32.481.540.354
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	20.677.992.158
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	10.186.098.895
Ngân hàng TNHH CTBC Bank	9.248.466.488
Vay cá nhân và đối tượng khác	39.707.460.850
	6.733.363.356.169

Các khoản vay ngắn hạn có lãi suất từ 3,2%/năm đến 10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị: VND

	Giá trị	Số đầu năm		Trong năm		Giá trị	Số cuối năm
		Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất kinh doanh/(Giảm do thoái vốn công ty con)	Tăng	Giảm		
Vay ngân hàng (i)	2.071.943.693.154	2.071.943.693.154	1.823.292.233.788	5.768.264.802.845	766.770.161.012	8.896.730.568.775	8.896.730.568.775
Trái phiếu phát hành (ii)	6.453.567.512.596	6.453.567.512.596	-	939.674.745.968	1.009.700.000.000	6.383.542.258.564	6.383.542.258.564
Nợ thuê tài chính dài hạn (i)	-	-	97.016.493.692	102.603.805.261	91.113.842.615	108.506.456.338	108.506.456.338
	8.525.511.205.750	8.525.511.205.750	1.920.308.727.480	6.810.543.354.074	1.867.584.003.627	15.388.779.283.677	15.388.779.283.677
Trong đó:							
o Số phải trả trong vòng 12 tháng	773.299.711.101					1.639.046.834.855	
o Số phải trả sau 12 tháng	7.752.211.494.649					13.749.732.448.822	

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị: VND

Bên cho vay	Số dư cuối năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.898.300.397.818
Ngân hàng Landesbank Baden - Wurttemberg	1.627.900.128.423
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.090.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	815.669.871.223
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	768.284.336.259
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	592.868.779.546
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	351.844.819.001
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	200.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	188.882.090.071
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	172.264.512.000
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	120.098.015.249

Đơn vị: VND

Bên cho vay	Số dư cuối năm
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	50.000.000.009
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	29.836.649.550
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14.034.533.888
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.751.808.129
Ngân sách tỉnh Hải Dương	5.682.664.168
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.831.444.523
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.601.120.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust	2.503.199.413
Quý Bảo vệ Môi trường	800.000.000
Bên cho vay khác	65.082.655.843
	9.005.237.025.113

Các khoản vay dài hạn có lãi suất từ 5%/năm đến 10,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(ii) Chi tiết các khoản trái phiếu

Đơn vị: đồng

Đơn vị tư vấn phát hành/bảo lãnh	Số dư cuối năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	3.450.000.000.000
Quý Đầu tư và Đảm bảo tín dụng (Credit Guarantee and Investment Facility - CGIF)	1.150.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	700.000.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	500.000.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán SSI	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital	220.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(36.457.741.436)
	6.383.542.258.564

Các khoản trái phiếu có lãi suất từ 6,5%/năm đến 10%/năm.

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo dưỡng hạ tầng khu công nghiệp	108.809.143.289	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	72.767.463.817	58.277.225.841
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	8.768.137.812	-
Dự phòng phải trả khác	63.157.801.912	17.963.300.511
	253.502.546.830	76.240.526.352
b. Dài hạn		
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	220.834.000.000	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	77.575.687.978	74.004.518.026
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.115.605.585	6.767.221.760
Dự phòng phải trả khác	5.327.178.688	-
	307.852.472.251	80.771.739.786

28. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch do hợp nhất kinh doanh	18.107.135.202	4.395.047.945
Trích lập các khoản dự phòng	5.428.968.303	5.263.598.233
Lợi nhuận chưa thực hiện khác	8.733.262.430	2.514.301.538
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.269.365.935	12.172.947.716

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch do hợp nhất kinh doanh	587.323.132.250	136.935.268.307
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	587.323.132.250	136.935.268.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	4.882.440.000.000	66.457.000.000	147.588.933.577	-	-	77.023.242.245	1.169.045.332.340	2.295.409.044.561	8.637.963.552.723
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	801.705.009.438	177.946.352.017	979.651.361.455
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(299.967.829.249)	-	-	-	-	(299.967.829.249)
Bán cổ phiếu quỹ cho cán bộ nhân viên	-	(53.382.238.549)	-	196.969.838.549	-	-	-	-	143.587.600.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(47.183.671.500)	(47.183.671.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(41.933.319.108)	(5.168.092.664)	(47.101.411.772)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(601.585.783)	(841.414.217)	(1.443.000.000)
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(100.241.847.809)	(125.462.387.677)	(225.704.235.486)
Góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	4.981.582	4.542.018.418	4.547.000.000
Thoái vốn tại công ty con	-	-	(70.199.970.000)	-	-	(964.209.615)	71.164.179.615	(944.303.571.349)	(944.303.571.349)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	904.059.247	7.739.211.673	8.643.270.920
Số dư cuối năm trước	4.882.440.000.000	13.074.761.451	77.388.963.577	(102.997.990.700)	-	76.059.032.630	1.900.046.809.522	1.362.677.489.262	8.208.689.065.742
Số dư đầu năm nay	4.882.440.000.000	13.074.761.451	77.388.963.577	(102.997.990.700)	-	76.059.032.630	1.900.046.809.522	1.362.677.489.262	8.208.689.065.742
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.038.701.162.390	627.658.139.674	1.666.359.302.064
Tặng vốn trong năm (i)	2.929.464.000.000	606.895.840.000	-	-	-	-	-	-	3.536.359.840.000
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (ii)	703.053.930.000	(124.000.000)	-	-	-	-	(703.053.930.000)	-	(124.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-	(362.856.571.259)	(362.856.571.259)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	31.673.411.029	(31.673.411.029)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT (iii)	-	-	-	-	-	-	(50.801.081.970)	(42.667.075.337)	(93.468.157.307)
Góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	525.261.020.295	1.050.466.591.457	1.575.727.611.752
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(61.078.847.775)	(46.463.598.786)	(107.542.446.561)
Tái cấu trúc	-	-	-	-	-	-	2.857.839.224	(2.857.839.224)	-
Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	-	5.818.042.536.944	5.818.042.536.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Chuyển đổi Báo cáo tài chính công ty con	-	-	-	-	(1.612.793.537)	-	-	(1.615.329.516)	(3.228.123.053)
Công ty con tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	7.050.437.213	64.621.655.718	71.672.092.931
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(8.394.670.790)	(8.394.670.790)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (iv)	-	43.371.655.268	-	102.997.990.700	-	-	-	-	146.369.645.968
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	121.113.871	(120.595.749)	518.122
Số dư cuối năm nay	8.514.957.930.000	663.218.256.719	77.388.963.577	-	(1.612.793.537)	107.732.443.659	2.627.431.111.741	8.458.490.732.394	20.447.606.644.553

(i) Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng với số lượng phát hành thêm 292.946.400 cổ phiếu theo Nghị quyết số 06/GELEX-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 02 năm 2021 thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng.

(ii) Công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 với số lượng phát hành tăng thêm 70.305.393 cổ phiếu theo Nghị quyết số 42/2021/GELEX-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2021. Theo đó, số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty là 851.495.793 cổ phiếu.

(iii) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các Nghị quyết Hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của các công ty con, Tập đoàn đã trích thù lao Hội đồng Quản trị, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2020.

(iv) Trong năm, Công ty đã hoàn thành bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 05/2021/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 3 năm 2021, số lượng cổ phiếu quỹ đã bán là 6.274.950 cổ phiếu.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	851.495.793	488.244.000
Cổ phiếu phổ thông	851.495.793	488.244.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	6.274.950
Cổ phiếu phổ thông	-	6.274.950
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	851.495.793	481.969.050
Cổ phiếu phổ thông	851.495.793	481.969.050

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 8.514.957.930.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Số vốn cổ phần đã góp	8.514.957.930.000	100%	4.882.440.000.000	100%
	8.514.957.930.000	100%	4.882.440.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ			
Đô la Mỹ	USD	7.865.203	2.821.726
Euro	EUR	130.448	647
Đồng Bảng Anh	GBP	437	-
Đồng Cuban	CUP	261.841	-
Nợ khó đòi đã xử lý			
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	118.021.981.366	55.384.903.016

31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ lĩnh vực thiết bị điện	18.673.112.023.957	16.235.299.235.998
Doanh thu các sản phẩm vật liệu xây dựng	5.856.374.665.209	-
Doanh thu cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp và dịch vụ phụ trợ khác	2.936.556.033.708	90.871.888.288
Doanh thu hợp đồng xây dựng	124.680.799.852	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	-	759.265.653.269
Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh điện và nước	1.133.143.478.877	897.790.362.607
Doanh thu khác	38.931.500.679	103.035.904.896
	28.762.798.502.282	18.086.263.045.058
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	166.853.086.423	8.019.781.196
Giảm giá hàng bán	2.695.841.412	129.530.341.426
Hàng bán bị trả lại	14.850.939.998	-
	184.399.867.833	137.550.122.622
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan (thuyết minh số 39)	104.373.755.399	1.049.344.735.457

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện	16.728.721.140.969	14.106.335.312.848
Giá vốn bán các sản phẩm vật liệu xây dựng	4.605.894.428.494	-
Giá vốn cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp và dịch vụ phụ trợ khác	2.152.450.624.633	43.705.042.369
Giá vốn hợp đồng xây dựng	89.269.994.356	-
Giá vốn của dịch vụ vận tải và kho vận	-	607.824.912.639
Giá vốn sản xuất và kinh doanh điện và nước	593.652.286.404	468.666.731.340
Giá vốn khác	35.388.864.194	94.991.057.251
	24.205.377.339.050	15.321.523.056.447

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.314.894.454.094	12.478.218.183.183
Chi phí nhân công	1.939.859.432.765	857.018.136.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	2.322.678.045.396	561.620.468.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.404.466.236.924	1.109.255.527.785
Chi phí khác bằng tiền	1.860.304.310.136	559.971.680.196
	26.842.202.479.315	15.566.083.995.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày nắm quyền kiểm soát	378.640.497.785	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	254.749.652.987	61.451.177.363
Lãi kinh doanh chứng khoán	308.188.332.259	72.931.291.107
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	78.612.432.158	17.812.407.927
Lãi chênh lệch tỷ giá	63.118.135.457	31.188.287.707
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	41.747.728.145	32.277.260.608
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.912.144.057	132.470.160.100
Lãi bán các khoản đầu tư	-	347.581.801.425
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.994.663.161	1.709.589.041
	1.167.963.586.009	697.421.975.278

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.125.042.134.182	766.000.118.220
Chiết khấu thanh toán, Phí LC & Lãi mua hàng trả chậm	236.079.060.183	153.765.584.446
Chi phí liên quan tới phát hành trái phiếu	93.961.831.936	78.827.258.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá	43.739.818.646	31.616.418.322
Lỗ kinh doanh chứng khoán	43.303.463.912	11.722.861.900
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	16.842.354.607	(7.492.937.006)
Lãi ký quỹ	3.266.293.710	4.484.366.548
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	61.665.446.820
Lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty con	-	13.076.257.283
Chi phí tài chính khác	12.324.420.348	6.255.127.916
	1.574.559.377.524	1.119.920.502.681

36. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.555.325.053	34.610.867.785
Chi phí nhân công	177.057.792.660	128.633.624.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.294.689.194	8.126.653.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.220.482.300	148.851.743.554
Chi phí bán hàng khác	237.265.302.242	150.189.409.979
Dự phòng bảo hành sản phẩm	33.650.410.356	-
	887.044.001.805	470.412.298.616
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	437.768.313.520	270.100.167.460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.515.436.633	25.332.708.170
Thuế, phí, lệ phí	12.108.073.966	8.759.271.978
Chi phí dự phòng	47.297.984.153	6.257.925.508
Phân bổ lợi thế thương mại	175.553.118.210	105.226.895.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.672.791.738	123.026.528.696
Chi phí khác bằng tiền	426.388.807.008	102.151.130.892
	1.289.304.525.228	640.854.628.605

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	390.834.119.468	209.712.288.123
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(200.605.096)	7.831.713.320
	390.633.514.372	217.544.001.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.038.701.162.390	801.705.009.438
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị	-	(22.235.865.358)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.038.701.162.390	779.469.144.080
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	691.843.847	546.988.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.501	1.425

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 và việc Công ty trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:9. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại như sau:

Đơn vị: VND

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	801.705.009.438	801.705.009.438
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị	-	(22.235.865.358)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	801.705.009.438	779.469.144.080
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	476.747.304	546.988.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.682	1.425

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	Công ty liên kết
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vinafacade	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Magno GMHB	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Yên Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết
Công ty SanVig - CTCP	Công ty liên kết
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	Bên liên quan của thành viên HĐQT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	104.373.755.399	1.049.344.735.457
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	49.113.399.700	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	32.846.671.816	100.118.497.893
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	10.129.256.665	-
Công ty SanVig - CTCP	7.444.930.640	-
Công ty chứng khoán VIX	2.487.602.032	1.030.393.202
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	1.462.119.910	1.269.000.000
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	735.587.636	398.306.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	154.187.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT (*)	-	888.277.334.669
Các bên liên quan khác	-	58.251.203.505
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	341.631.991.415	315.585.466.426
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	220.505.876.376	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	85.829.677.987	223.203.426.770
Công ty chứng khoán VIX	33.204.279.908	29.000.529.927
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	1.104.839.200	-
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	462.047.249	692.082.245
Tổng công ty Viglacera-CTCP (*)	265.254.695	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	110.016.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT (*)	-	62.689.427.484
Góp vốn	5.305.671.857	-
Công ty SanVig -CTCP	5.305.671.857	-
Mua trái phiếu	-	1.199.640.246.949
Công ty chứng khoán VIX	-	1.199.640.246.949
Bán trái phiếu	46.695.671.340	1.596.410.799.691
Công ty chứng khoán VIX	46.695.671.340	1.596.410.799.691
Cổ tức công bố	14.709.712.869	133.670.104.500
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	12.132.205.500	10.549.744.500
Công ty CP Viglacera Đông Triều	2.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	300.000.000	-
Công ty SanVig -CTCP	277.507.369	-
Tổng công ty Viglacera - CTCP (*)	-	123.120.360.000

(*) Giao dịch tính đến thời điểm không còn là Công ty liên kết của Công ty.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	27.532.039.470	11.104.052.802
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	2.169.080.980	11.104.052.802
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	8.811.569.499	-
Công ty SanVig - CTCP	5.305.983.857	-
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	3.945.711.610	-
Công ty Cổ phần Vinafacade	3.251.146.276	-
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	2.201.949.698	-
Công ty Cổ phần Gạch chịu lửa Cầu Đuống	1.045.739.585	-
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Yên Hưng	734.365.462	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói Từ Sơn	66.492.503	-
Phải thu khác	5.550.705.296	-
Công ty Cổ phần Gạch chịu lửa Cầu Đuống	2.701.986.296	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	2.006.710.000	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	91.057.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	750.952.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	87.104.209.622	8.606.526.446
Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - CTCP	74.287.506.372	8.442.267.978
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	12.759.048.250	-
Công ty chứng khoán VIX	46.400.899	25.733.541
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	11.254.101	138.524.927
Phải trả người bán dài hạn	9.259.078.400	72.620.064.000
Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - CTCP	9.259.078.400	72.620.064.000
Doanh thu chưa thực hiện	171.379.201	-
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	171.379.201	-
Phải trả khác	125.926.334	-
Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - CTCP	125.926.334	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (tiếp theo):

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	5.188.768.875	-
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	2.892.350.402	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	1.844.594.036	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	451.824.437	-
Chi phí phải trả	1.160.000.000	3.576.733.333
Công ty chứng khoán VIX	1.160.000.000	3.576.733.333

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Hội đồng Quản trị (i)	9.179.556.555	6.480.666.666
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.371.111.111	2.312.979.475

Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên của Hội đồng Quản trị vào chi phí kinh doanh của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao	7.860.000.000	5.410.000.000
Nguyễn Hoa Cương	2.460.000.000	1.165.000.000
Nguyễn Trọng Hiền	2.400.000.000	1.250.000.000
Võ Anh Linh	1.440.000.000	2.040.000.000
Đậu Minh Lâm	840.000.000	-
Nguyễn Văn Tuấn	240.000.000	275.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	240.000.000	240.000.000
Lương Thanh Tùng	240.000.000	140.000.000
Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	120.000.000
Đỗ Thị Phương Lan	-	120.000.000
Phạm Tuấn Anh	-	60.000.000
Thu nhập khác	1.319.556.555	1.070.666.666
Nguyễn Hoa Cương	125.111.111	121.111.111
Nguyễn Trọng Hiền	475.112.111	6.000.000
Võ Anh Linh	465.111.111	473.111.111
Đậu Minh Lâm	4.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiểu	125.111.111	121.111.111
Lương Thanh Tùng	125.111.111	117.111.111
Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	115.611.111
Đỗ Thị Phương Lan	-	116.611.111
Lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc	2.371.111.111	2.312.979.475
Nguyễn Văn Tuấn	2.371.111.111	2.312.979.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- o Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- o Sản xuất và kinh doanh điện và nước;
- o Bán và cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp và sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (phát sinh từ Quý 2/2021 khi bắt đầu hợp nhất Viglacera như trình bày tại Thuyết minh số 4);

- o Dịch vụ vận tải và kho vận (thoái vốn từ Quý 2/2020)

- o Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh điện và nước	Khác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu thuần	16.097.749.113.376	759.265.653.269	897.790.362.607	193.907.793.184	17.948.712.922.436
Kết quả					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.991.413.800.528	151.440.740.630	429.123.631.267	55.211.693.564	2.627.189.865.989
(Chi phí) không phân bổ					(1.429.994.503.091)
Lợi nhuận thuần trước thuế					1.197.195.362.898
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(217.544.001.443)
Lợi nhuận thuần sau thuế					979.651.361.455
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	8.987.244.961.220	-	5.675.474.564.710	369.143.548.994	15.031.863.074.924
Tài sản không phân bổ					12.120.229.584.784
Tổng tài sản					27.152.092.659.708
Công nợ bộ phận	9.288.045.189.940	-	1.892.998.380.510	51.332.017.234	15.438.494.735.421
Công nợ không phân bổ					3.498.411.297.402
Tổng công nợ					18.936.906.032.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Sản xuất và kinh doanh điện và nước	Bán và cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	Khác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu thuần	18.539.491.749.887	1.133.143.478.877	2.936.556.033.708	5.805.595.071.446	163.612.300.531	28.578.398.634.449
Kết quả						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.810.770.608.918	539.491.192.473	784.105.409.075	1.199.700.642.952	38.953.441.981	4.373.021.295.399
(Chi phí) không phân bổ						(2.316.028.478.963)
Lợi nhuận thuần trước thuế						2.056.992.816.436
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(390.633.514.372)
Lợi nhuận thuần sau thuế						1.666.359.302.064
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	12.596.824.295.931	9.368.593.175.949	11.774.740.950.343	10.287.411.883.758	74.410.011.855	44.101.980.317.836
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	17.087.366.673.810
Tổng tài sản						61.189.346.991.646
Công nợ bộ phận	16.029.211.907.383	7.072.799.685.430	11.377.791.503.453	2.089.123.904.064	(17.227.182.757)	36.551.699.817.573
Công nợ không phân bổ						4.139.845.569.337
Tổng công nợ						40.691.545.386.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

41. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Tập đoàn theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cam kết thuê hoạt động		
Từ 1 năm trở xuống	72.939.532.435	43.157.749.993
Trên 1 năm đến 5 năm	261.485.958.173	159.958.335.998
Trên 5 năm	1.474.250.212.480	1.206.174.704.198
	1.808.675.703.088	1.409.290.790.189

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cam kết thuê hoạt động		
Từ 1 năm trở xuống	99.979.843.160	59.479.661.461
Trên 1 năm đến 5 năm	182.609.428.396	104.232.165.801
Trên 5 năm	271.884.393.517	42.098.690.915
	554.473.665.073	205.810.518.177

42. SỰ KIỆN KHÁC

Do ảnh hưởng trên diện rộng của những diễn biến dịch bệnh Covid-19, nhiều thách thức đã phát sinh cho tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hoạt động, những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã thận trọng theo dõi và đánh giá vấn đề này không có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn trong năm 2021.

Nguyễn Duy Thành An
Người lập biểu

Hoàng Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Ngày 08 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 1

Danh sách các Công ty con của GELEX tại 31/12/2021 với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX ("GELEX Electric") – (Tên cũ: Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX)	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.000.000	79,99%	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp (chủ yếu là công nghiệp điện)
2	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("GELEX Hạ tầng")	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	7.900.000	95,515% (*)	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, nước sạch, bất động sản, hạ tầng

(*) GELEX sở hữu trực tiếp 77,58% cổ phần GELEX Hạ tầng và công ty con GELEX Electric sở hữu 22,42% cổ phần GELEX Hạ tầng (tương ứng GELEX sở hữu gián tiếp 17,935% cổ phần GELEX Hạ tầng), do đó tỷ lệ sở hữu của GELEX tại GELEX Hạ tầng cả trực tiếp và gián tiếp là 95,515%..

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp/ gián tiếp bởi GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX					
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	576.000	96,357%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	387.047	77,01%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	488.000	85,23%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
4	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	369.760	100,00%	Sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông.
5	Công ty Cổ phần Thiết bị điện EMIC ("EMIC") (Tên cũ: Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC)	Tầng 23, tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	150.000	74,99%	Sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện
6	Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	885.000	100,00%	Quản lý các dự án đầu tư trong lĩnh vực phát điện
7	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị (Trước đây là Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị)	Số 03 Nguyễn Viết Xuân, Thị Trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	1.269.000	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió

PHỤ LỤC 1

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp/ gián tiếp bởi GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin như sau (tiếp theo):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Công ty CADIVI					
1	Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Đồng Nai ("CADIVI Đồng Nai")	Đường số 1 Khu Công nghiệp, Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	789.000	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty THIBIDI					
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh ("MEE")	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	120.000	51,00%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
Công ty HEM					
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	13.000	100%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	40.000	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Công ty TNHH Phát điện GELEX					
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Tổ 9, Thôn Thạnh Mỹ 2, Thị Trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	618.140	73,16%	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	368.000	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị					
1	Công ty TNHH MTV Mirai, Quảng Trị	Số 03, Nguyễn Viết Xuân, Thị Trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.	3.000	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
CÔNG TY HẠ TẦNG GELEX					
1	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Tòa nhà Viglacera - Số 1 Đại lộ Thăng Long, thành phố Hà Nội	4.483.500	50,21%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng
2	Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	750.000	62,46%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
3	Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng	Tầng 3, số nhà 242 Quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	710.000	99,15%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
4	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk	Số 21 đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	35	80,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió

PHỤ LỤC 1

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp/ gián tiếp bởi GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin như sau (tiếp theo):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
5	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh	Số 087, đường Huỳnh Văn Lợi, khu phố 1, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tây Ninh	20	98,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
6	Công ty cổ phần dịch vụ Năng lượng GELEX	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20	51,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Tổng Công ty Viglacera – CTCP					
1	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Lô B2, đường D3 Khu Công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	886.000	65,00%	Sản xuất và kinh doanh kính
2	Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Phường Vũ Ninh - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	300.000	86,41%	Sản xuất và kinh doanh kính
3	Công ty CP Viglacera Vân Hải	Thôn Sơn Hào, Xã Quan Lạn, Huyện Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh	291.985	95,02%	Khai thác và kinh doanh cát, dịch vụ, du lịch
4	Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Thôn Văn Quỳ, Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Yên Bái	12.500	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản
5	Công ty CP Việt Trì Viglacera	Phố Hồng Hà, Phường Tiên Cát, Thành phố Việt Trì, Phú Thọ	26.250	92,82%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
6	Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Đường Nguyễn Khoái, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	63.000	59,96%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
7	Công ty CP Thương mại Viglacera	Tầng 1 tòa nhà Viglacera - Số 1 đại lộ Thăng Long - P. Mễ Trì - Q. Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội	28.469	76,23%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
8	Công ty CP Viglacera Thăng Long	Phường Phúc Thặng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	69.898	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
9	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	500.000	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
10	Công ty CP Viglacera Hà Nội	Tầng 15 Tòa Nhà Viglacera, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	56.000	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
11	Công ty CP Bê tông khí Viglacera	Tòa Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, P. Mễ Trì, Tầng 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	65.000	96,19%	Sản xuất gạch, panel, bê tông khí chưng áp
12	Công ty CP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	30.000	51,02%	Kinh doanh các sản phẩm gạch Granite
13	Công ty CP Bao bì và Má Phan Viglacera	Số 676 Hoàng Hoa Thám, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội	9.900	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh

PHỤ LỤC 1

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp/ gián tiếp bởi GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin như sau (tiếp theo):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
14	Công ty CP Viglacera Hạ Long	Khu 2 đường An Tiêm, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	250.000	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
15	Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	15.625	55,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
16	Công ty CP 382 Đông Anh	Tổ 35, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	10.050	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
17	Công ty CP Gốm xây dựng Hữu Hưng	Đường Chùa Tổng, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội	7.500	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
18	Công ty CP Tư vấn Viglacera	Tòa nhà Viglacera - Số 1 Đại Lộ Thăng Long - Thành phố Hà Nội	3.000	76,89%	Lập dự án, thiết kế các công trình
19	Công ty CP phát triển khu công nghiệp Yên Mỹ - Hưng Yên	Km33 đường 39A Mới, Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	50.000	60,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
20	Công ty CP Chao - Viglacera	Tầng 8, tòa nhà Viglacera, số 1 Đại Lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	3.146	100,00%	Dịch vụ, du lịch, nhà hàng
21	Công ty ViMariel - CTCP	Khu 10A Đặc khu phát triển Mariel, Cộng hòa Cuba	221.961	100,00%	KD hạ tầng KCN

PHỤ LỤC 1

Danh sách công ty liên doanh, liên kết của GELEX và các công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	CTCP Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn	67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	827.222	25,51%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi
2	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	324.864	24,90%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
3	Công ty TNHH S.A.S.. – CTAMAD	44 Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	465.978	35,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
4	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Khu công nghiệp Quế, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	512.042	30,00%	Sản xuất và kinh doanh kính
5	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ long II	Tổ 26, khu 3, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	10.000	40,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
6	Công ty Cổ phần Gạch ngói Viglacera Từ Sơn	Đường Trần Phú, khu phố Tân Lập, Phường Đình Bảng, Thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	20.002	24,93%	Sản xuất và kinh doanh gạch
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Số 2, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	27.500	25,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu
8	Công ty Cổ phần Gạch chịu lửa Cầu Đuống	Số 59, đường Thiên Đức, Thị Trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	5.000	25,00%	Sản xuất và kinh doanh vật liệu chịu lửa
9	Công ty SanVig-Công ty Cổ phần	Cộng hòa Cuba	588.000	50,00%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sử dụng sinh, gạch ốp lát và các sản phẩm xây dựng khác

PHỤ LỤC 2

Chi tiết tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Khi cổ phần hóa	1.400.000			<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2010
Tháng 8/2015	1.550.000	150.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 215/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2015; Công văn số 4667/UBCK-QLPH ngày 27/7/2015 về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 16/9/2015.
Tháng 1/2017	2.320.000	770.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016; Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 60/GCN-UBCK ngày 04/10/2016; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 6 ngày 21/02/2017.
Tháng 7/2017	2.668.000	348.000	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2017; Công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 18/07/2017 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH của TCT cổ phần thiết bị điện Việt Nam; Giấy CNĐKKD số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 7 ngày 23/08/2017.
Tháng 06/2018	3.388.000	720	Phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền lần 1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ – ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016. Nghị Quyết HĐQT số 09/2018/GELEX/HĐQT – NQ ngày 14/05/2018. Nghị Quyết HĐQT số 14/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 28/06/2018.
Tháng 8/2018	4.065.600	677.600	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/GELEX/NQ – ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018. Nghị quyết HĐQT số 17/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 17/07/2018. Nghị quyết HĐQT số 24/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 23/08/2018.
Tháng 6/2019	4.245.600	180.000	Phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền lần 2	<ul style="list-style-type: none"> Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ – ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016. Nghị Quyết HĐQT số 13/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 03/05/2019 Nghị Quyết HĐQT số 16/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 19/06/2019
Tháng 9/2019	4.882.440	636.840	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/GELEX/NQ – ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019. Nghị quyết HĐQT số 22/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 22/07/2019. Nghị quyết HĐQT số 25/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 04/09/2019.
Tháng 7/2021	7.811.904	2.929.464	Phát hành cho CĐHH	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2020 Nghị quyết số 03/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 05/02/2021 Nghị quyết số 30/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 19/07/2021
Tháng 12/2021	8.514.957	703.053	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/6/2021 Nghị quyết số 42/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/10/2021 Nghị quyết HĐQT số 50/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 6/12/2021

PHỤ LỤC 3

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	56.500.000	11,572%	192.275.997	22,58%	<ul style="list-style-type: none"> Mua thêm cổ phiếu Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư GEX	Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư GEX là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn Tuấn	74.699.361	15,30%	113.272.800	13,30%	<ul style="list-style-type: none"> Bán bớt một phần cổ phiếu Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	Đào thị Lơ	Mẹ ruột Ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	15.000.000	3,19%	26.160.000	3,072%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	1.500.000	0,307%	11.118.000	1,31%	<ul style="list-style-type: none"> Bán bớt một phần cổ phiếu Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	Nguyễn Thị Xuân Thanh	Chị ruột Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	111.090	0,023%	193.693	0,023%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	Nguyễn Bích Hà	Con ruột Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	119.025	0,024%	207.454	0,024%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	Nguyễn Trọng Tiểu	Phó Chủ tịch HĐQT	1.073.795	0,22%	1.872.698	0,22%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	1.000.000	0,205%	1.744.000	0,205%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	Lương Thanh Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	1.000.000	0,205%	1.744.000	0,205%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT	1.000.000	0,205%	1.744.000	0,205%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	Phạm Tuấn Anh	Người phụ trách quản trị công ty (đã thôi làm người phụ trách quản trị từ 01/10/2021)	67.774	0,014%	108.438	0,013%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Được trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	Nguyễn Thị Phương	Người được ủy quyền CBTT	40.000	0,008%	43.600	0,005%	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền mua của CĐHH Bán bớt một phần cổ phiếu Được trả cổ tức bằng cổ phiếu

PHỤ LỤC 4

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)	
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0300381564, cấp ngày 19/06/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 59/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; ○ NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021; 	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho CADIVI 759.369.436 CADIVI cho GELEX thuê xe 120.000.000 GELEX Cho vay CADIVI 77.000.000.000 GELEX thu hồi gốc cho vay CADIVI 77.000.000.000 Lãi GELEX cho vay CADIVI 240.493.150	
2.	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	3603058326, cấp ngày 29/03/2017, Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 59/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; ○ NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021; 	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CADIVI Đồng Nai 1.608.921.801.521 Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho CADIVI Đồng Nai 10.256.274.002 Lãi CADIVI Đồng Nai ký quỹ mua vật tư của GELEX 13.233.760.148	
3.	Công ty Cổ phần thiết bị điện (THIBIDI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3600253826, ngày cấp 19/12/2016, nơi cấp Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 59/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; ○ NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021 	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho THIBIDI 689.504.101.862 Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho THIBIDI 82.500.771 GELEX Cho vay THIBIDI 190.000.000.000 GELEX thu hồi gốc cho vay THIBIDI 190.000.000.000 Lãi GELEX cho vay THIBIDI 1.841.095.891 GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ của trái phiếu do THIBIDI phát hành 300.000.000.000	

PHỤ LỤC 4

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo):

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)																												
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (GELEX Electric)	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0107547109, ngày cấp 29/08/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 59/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; ○ NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021; ○ NQ số 35/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17/08/2021 về việc Góp thêm vốn vào Gelex Electric (Đây là Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức có giá trị góp vốn nhỏ hơn 10% Tổng tài sản) 	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho GELEX Electric</td> <td>2.056.001.234</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu GELEX bán công cụ dụng cụ cho GELEX Electric</td> <td>39.000.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX Cho vay GELEX Electric</td> <td>2.566.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX thu hồi gốc cho vay GELEX Electric</td> <td>2.254.104.346.054</td> </tr> <tr> <td>Lãi GELEX cho vay GELEX Electric</td> <td>58.110.470.560</td> </tr> <tr> <td>GELEX Electric cho vay GELEX</td> <td>780.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX trả tiền vay GELEX Electric</td> <td>780.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi GELEX Electric cho vay GELEX</td> <td>3.834.438.355</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức công bố</td> <td>110.932.800.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX góp vốn vào GELEX Electric</td> <td>181.300.000.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX bảo lãnh cho món vay của GELEX Electric</td> <td>1.897.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX Electric cầm cố cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX</td> <td>2.500.000 CAV</td> </tr> <tr> <td>GELEX bảo lãnh cho hạn mức tín dụng của GELEX Electric</td> <td>Hạn mức 500.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX Electric thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX</td> <td>Toàn bộ vốn góp vào Công ty Dây đồng Việt Nam CFT</td> </tr> </table>	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho GELEX Electric	2.056.001.234	Doanh thu GELEX bán công cụ dụng cụ cho GELEX Electric	39.000.000	GELEX Cho vay GELEX Electric	2.566.000.000.000	GELEX thu hồi gốc cho vay GELEX Electric	2.254.104.346.054	Lãi GELEX cho vay GELEX Electric	58.110.470.560	GELEX Electric cho vay GELEX	780.000.000.000	GELEX trả tiền vay GELEX Electric	780.000.000.000	Lãi GELEX Electric cho vay GELEX	3.834.438.355	Cổ tức công bố	110.932.800.000	GELEX góp vốn vào GELEX Electric	181.300.000.000	GELEX bảo lãnh cho món vay của GELEX Electric	1.897.000.000.000	GELEX Electric cầm cố cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX	2.500.000 CAV	GELEX bảo lãnh cho hạn mức tín dụng của GELEX Electric	Hạn mức 500.000.000.000	GELEX Electric thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX	Toàn bộ vốn góp vào Công ty Dây đồng Việt Nam CFT
Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho GELEX Electric	2.056.001.234																																		
Doanh thu GELEX bán công cụ dụng cụ cho GELEX Electric	39.000.000																																		
GELEX Cho vay GELEX Electric	2.566.000.000.000																																		
GELEX thu hồi gốc cho vay GELEX Electric	2.254.104.346.054																																		
Lãi GELEX cho vay GELEX Electric	58.110.470.560																																		
GELEX Electric cho vay GELEX	780.000.000.000																																		
GELEX trả tiền vay GELEX Electric	780.000.000.000																																		
Lãi GELEX Electric cho vay GELEX	3.834.438.355																																		
Cổ tức công bố	110.932.800.000																																		
GELEX góp vốn vào GELEX Electric	181.300.000.000																																		
GELEX bảo lãnh cho món vay của GELEX Electric	1.897.000.000.000																																		
GELEX Electric cầm cố cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX	2.500.000 CAV																																		
GELEX bảo lãnh cho hạn mức tín dụng của GELEX Electric	Hạn mức 500.000.000.000																																		
GELEX Electric thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX	Toàn bộ vốn góp vào Công ty Dây đồng Việt Nam CFT																																		

PHỤ LỤC 4

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo):

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)
5.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Công ty con gián tiếp	0100100456, ngày cấp 11/04/2019, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Km12 Đường Cầu Diễn – Phường Phúc Diễn – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 59/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; ○ NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho HEM 20.850.818.280 Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho HEM 36.000.000 HEM cho vay GELEX 55.000.000.000 Lãi HEM cho vay GELEX 4.213.698.627
6.	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0107652657, ngày cấp 15/11/2021, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tòa nhà GELEX, Số 52 phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; ○ NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; ○ NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021; ○ NQ số 33/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/08/2021 về việc góp thêm vốn vào Hạ tầng Gelex (Đây là Nghị quyết góp thêm vốn vào một tổ chức có giá trị góp vốn trên 10% tổng tài sản) 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Hạ tầng GELEX 1.520.952.612 Doanh thu GELEX bán công cụ dụng cụ cho Hạ tầng GELEX 31.000.000 GELEX Cho vay Hạ tầng GELEX 6.704.000.000.000 GELEX thu hồi gốc cho vay Hạ tầng GELEX 6.748.500.000.000 Lãi GELEX cho vay Hạ tầng GELEX 134.441.369.863 GELEX góp vốn vào Hạ tầng GELEX 3.429.000.000.000 Hạ tầng cầm cố cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX 15.802.005 cổ phiếu PXL 73.145.632 cổ phiếu VGC
7.	Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con gián tiếp	0107919237, ngày cấp 12/07/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Phát điện GELEX 810.540.142

PHỤ LỤC 4

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo):

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)										
8.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con gián tiếp	0108453005, ngày cấp 31/12/2019, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> o NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; o NQ số 59/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; o NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; o NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021 	<table border="1"> <tr> <td>EMIC cho vay GELEX</td> <td>250.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>GELEX trả tiền vay EMIC</td> <td>25.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi EMIC cho vay GELEX</td> <td>17.435.616.446</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho EMIC</td> <td>2.018.353.450</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho EMIC</td> <td>11.556.750.203</td> </tr> </table>	EMIC cho vay GELEX	250.000.000.000	GELEX trả tiền vay EMIC	25.000.000.000	Lãi EMIC cho vay GELEX	17.435.616.446	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho EMIC	2.018.353.450	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho EMIC	11.556.750.203
EMIC cho vay GELEX	250.000.000.000																
GELEX trả tiền vay EMIC	25.000.000.000																
Lãi EMIC cho vay GELEX	17.435.616.446																
Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho EMIC	2.018.353.450																
Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho EMIC	11.556.750.203																
9.	Công ty Liên doanh S.A.S.- CTAMAD	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	1018/GP cấp ngày 25/10/1994, nơi cấp Bộ KH&ĐT	44 B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> o NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; 	<table border="1"> <tr> <td>NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020;</td> <td>1.269.000.000</td> </tr> <tr> <td>S.A.S.-CTAMAD cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho GELEX</td> <td>462.047.249</td> </tr> </table>	NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020;	1.269.000.000	S.A.S.-CTAMAD cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho GELEX	462.047.249						
NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020;	1.269.000.000																
S.A.S.-CTAMAD cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho GELEX	462.047.249																
10.	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0500447942, cấp ngày 04/05/2004, nơi cấp sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 2, ngõ 121B, phố Hữu Nghị - Phường Xuân Khanh - Thị Xã Sơn Tây - Hà Nội.	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> o NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; 	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho K.I.P</td> <td>735.587.636</td> </tr> </table>	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho K.I.P	735.587.636								
Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho K.I.P	735.587.636																
11.	Công ty dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con gián tiếp	3600241669 cấp ngày 28/12/2020, nơi cấp sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> o NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; o NQ số 59/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; o NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; o NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021; o NQ số 15/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 13/05/2021 	<table border="1"> <tr> <td>Lãi GELEX bán hàng trả chậm cho CFT</td> <td>37.015.481.909</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CFT</td> <td>2.988.519.237.993</td> </tr> <tr> <td>GELEX bảo lãnh cho CFT</td> <td>Hạn mức tín dụng 935.750.000.000</td> </tr> </table>	Lãi GELEX bán hàng trả chậm cho CFT	37.015.481.909	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CFT	2.988.519.237.993	GELEX bảo lãnh cho CFT	Hạn mức tín dụng 935.750.000.000				
Lãi GELEX bán hàng trả chậm cho CFT	37.015.481.909																
Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CFT	2.988.519.237.993																
GELEX bảo lãnh cho CFT	Hạn mức tín dụng 935.750.000.000																
12.	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị	Công ty con gián tiếp	3200685620 cấp ngày 28/12/2020, nơi cấp sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	Số 03 Nguyễn Viết Xuân, Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> o NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020 	<table border="1"> <tr> <td>GELEX bảo lãnh cho GELEX Quảng Trị; hạn mức tín dụng</td> <td>2.326.000.000.000</td> </tr> </table>	GELEX bảo lãnh cho GELEX Quảng Trị; hạn mức tín dụng	2.326.000.000.000								
GELEX bảo lãnh cho GELEX Quảng Trị; hạn mức tín dụng	2.326.000.000.000																

PHỤ LỤC 4

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo):

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)	
13.	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0100108173 cấp ngày 22/07/2014, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 16&17 tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Năm 2021		Cổ tức nhận được	151.806.248.000
14.	Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận	Công ty con gián tiếp	4500618017 cấp ngày 24/09/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT Ninh Thuận	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> o NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; o NQ số 02/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; o NQ số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021; o NQ số 42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019 	GELEX thu hồi gốc cho vay GELEX Ninh Thuận Lãi GELEX cho vay GELEX Ninh Thuận	36.875.000.000 59.883.347.601
15.	Công ty cổ phần chứng khoán VIX	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	103/GPĐC-UBCK cấp ngày 17/11/2021, nơi cấp Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> o NQ số 58/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 15/12/2020; o NQ số 03/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 05/02/2021; o NQ số 05/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 01/03/2021; o NQ số 16/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 14/05/2021; o NQ số 42/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/10/2021; o NQ số 52/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 20/12/2021 	GELEX cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các tiện ích kèm theo cho VIX VIX cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn phát hành, đại lý phát hành và các dịch vụ chứng khoán khác cho GELEX	2.455.202.032 8.405.661.449



GELEX

Trụ sở chính: 52 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024 7301 2344

Fax: 024 3633 1510

Mail: gelex@gelex.vn